

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG TRÌNH VIETTEL  
VIETTEL CONSTRUCTION  
JOINT STOCK CORPORATION

Số/No.: 12 /CBTT-VCC

CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
*Independence - Freedom - Happiness*

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2024

Hanoi, day 08 month 04 year 2024

DISCLOSURE OF INFORMATION  
ON THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S  
PORTAL

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission;*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange.*

- Tên tổ chức/*Organization name:* TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL/VIETTEL CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

- Mã chứng khoán/*Securities Symbol:* CTR

- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:* Số 1 Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội/ *No.1 Giang Van Minh street, Kim Ma ward, Ba Dinh district, Hanoi.*

- Điện thoại/ *Telephone:* 086.208.1111

- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by:* Nguyễn Ngọc Ánh

Chức vụ/ *Submitted by:* Người được ủy quyền công bố thông tin/ *Party authorized to disclose information*

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
*Information disclosure type:  Periodic  Irregular  24 hours  On demand*

**Nội dung thông tin công bố/Content of Information disclosure:**

- Báo cáo thường niên năm 2023/ *The 2023 Annual Report.*

- Báo cáo phát triển bền vững năm 2023/ *The 2023 Sustainable Development Report.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 08/04/2024 tại đường dẫn: <https://viettelconstruction.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-thuong-nien/>.

*This information was disclosed on company's website on 08/04/2024 Available at: <https://viettelconstruction.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-thuong-nien/>.*



Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation./.*

**Nơi nhận/Recipient:**

- Như trên/ As above;
- Lưu/Archived by: TKHĐQT. Anh03.

**Tài liệu đính kèm/Attachment:**

- Báo cáo thường niên 2023/ 2023 Annual Report;
- Báo cáo phát triển bền vững năm 2023/ The 2023 Sustainable Development Report.

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người ủy quyền công bố thông tin  
*Party authorized to disclose information*



Nguyễn Ngọc Ánh



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

**viettel**  
construction

**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
2023**

**VƯỢT QUA THỬ THÁCH  
ĐẨY MẠNH ĐẦU TƯ  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>Tổng Công ty/VCC</b>	▷ Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	<b>SXKD</b>	▷ Sản xuất kinh doanh
<b>ĐHĐCĐ</b>	▷ Đại hội đồng cổ đông	<b>VHKT</b>	▷ Vận hành khai thác
<b>HĐQT</b>	▷ Hội đồng quản trị	<b>NLMT</b>	▷ Năng lượng mặt trời
<b>BKS</b>	▷ Ban kiểm soát	<b>KHDN</b>	▷ Khách hàng doanh nghiệp
<b>BĐH</b>	▷ Ban điều hành - Ban Tổng Giám đốc	<b>KHCN</b>	▷ Khách hàng cá nhân
<b>TGD</b>	▷ Tổng Giám đốc	<b>CNTT</b>	▷ Công nghệ thông tin
<b>PTGD</b>	▷ Phó Tổng Giám đốc	<b>NSLĐ</b>	▷ Năng suất lao động
<b>CBQL</b>	▷ Cán bộ quản lý	<b>VTTB</b>	▷ Vật tư thiết bị
<b>CBNV</b>	▷ Cán bộ, công nhân viên	<b>QTRR</b>	▷ Quản trị rủi ro
<b>CTV</b>	▷ Cộng tác viên	<b>CĐS</b>	▷ Chuyển đổi số
<b>"Hay"</b>	▷ Cơ chế trả lương do Hay Group – Tập đoàn tư vấn toàn cầu về lĩnh vực nhân sự tư vấn, xây dựng		
<b>TMForum</b>	▷ Hiệp hội ngành công nghiệp toàn cầu cho các nhà cung cấp dịch vụ và nhà cung cấp của họ trong ngành viễn thông		
<b>Learn Six sigma</b>	▷ Mô hình quản lý kết hợp các nguyên tắc quản lý của Lean với các phương pháp Six Sigma. Lean giúp giảm thiểu chất thải và rút ngắn chu kỳ sản xuất ngay từ đầu, trong khi Six Sigma tập trung vào tinh chỉnh độ chính xác cho quy trình. Chúng song hành cùng nhau có thể coi là sự biến thể tích cực		
<b>Green belt</b>	▷ Chứng chỉ trong chứng chỉ của hệ thống chứng chỉ Six Sigma		
<b>Yellow belt</b>	▷ Chứng chỉ của hệ thống chứng chỉ Six Sigma		
<b>B2B</b>	▷ Business To Business - hình thức buôn bán, kinh doanh, giao dịch trực tiếp giữa doanh nghiệp và doanh nghiệp.		
<b>B2C</b>	▷ Business-to-consumer: kinh doanh với đối tượng khách hàng là người tiêu dùng cá nhân		
<b>BI</b>	▷ Business Intelligence- trí tuệ doanh nghiệp- công nghệ giúp doanh nghiệp hiểu biết về quá khứ, qua đó đưa ra quyết định, hành động và dự đoán tương lai		
<b>CRM</b>	▷ Customer relationship management: Quản lý quan hệ khách hàng		
<b>BSC</b>	▷ Balanced scorecard - BSC là một hệ thống quản lý, nó giúp cho doanh nghiệp thiết lập, thực hiện, giám sát, đo lường để đạt được các chiến lược & các mục tiêu của mình		
<b>BU</b>	▷ Business Unit : Đơn vị kinh doanh		
<b>Best practice</b>	▷ Thực hành tốt nhất		
<b>Mytel</b>	▷ Tên một nhà mạng viễn thông có trụ sở chính tại Yangon, Myanmar. Đây là dự án đầu tư của Viettel tại Myanmar.		
<b>Metfone</b>	▷ Tên một nhà mạng viễn thông có trụ sở chính tại Phnom Penh, Campuchia. Đây là dự án đầu tư của Viettel tại Campuchia.		
<b>ICT</b>	▷ Information & Communication Technologies: Công nghệ thông tin và Truyền thông		
<b>Smart solution</b>	▷ Một giải pháp tổng thể giúp kết nối các thiết bị điện, điện tử thành một hệ sinh thái thống nhất, qua đó người dùng có thể lập trình, điều khiển để chúng phối hợp hoạt động nhịp nhàng và hỗ trợ cho nhau		
<b>EPC</b>	▷ Engineering, Procurement and Construction: Thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình.		
<b>RRU</b>	▷ Radio Remote Unit: Bộ điều khiển từ xa vô tuyến là đơn vị tần số được phân phối và tích hợp kết nối với mạng của nhà khai thác với Thiết bị của Người dùng		
<b>Smallcell</b>	▷ Một trạm phát sóng di động thu nhỏ, với tầm phủ sóng trong khoảng vài chục đến vài trăm mét		
<b>ROE</b>	▷ Return On Equity: Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu		
<b>EPS</b>	▷ Earning Per Share: Lợi nhuận sau thuế của 1 cổ phiếu.		
<b>ESOP</b>	▷ Employee Stock Ownership Plan: Cổ phiếu được phát hành theo chương trình lựa chọn cho Người lao động		

## MỤC LỤC

<b>THÔNG điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>04</b>
<b>THÔNG điệp TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>05</b>
<b>NHÌN LẠI NĂM 2023</b>	<b>06</b>
1. CON SỐ ẤN TƯỢNG	07
2. GIẢI THƯỞNG NĂM 2023	08
3. DẤU ẤN VÀ SỰ KIỆN	09
<b>PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG</b>	<b>10</b>
1. THÔNG TIN CƠ BẢN KHÁI QUÁT	11
2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	12
3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	14
4. MÔ HÌNH/ CƠ CẤU TỔ CHỨC	15
5. CÔNG TY CON/ CÔNG TY LIÊN KẾT	16
6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	17
7. QUẢN TRỊ RỦI RO	18
<b>PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>24</b>
1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD	25
2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	28
3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	30
4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	31
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	32
6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI	37
<b>PHẦN III: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>40</b>
1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	41
2. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	43
3. ĐÁNH GIÁ NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ	47
4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN	49
<b>PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG TỔNG CÔNG TY</b>	<b>52</b>
1. ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG	53
2. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	53
<b>PHẦN V: QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY</b>	<b>56</b>
1. HĐQT VÀ CÁC TIỂU BAN	57
2. BAN KIỂM SOÁT	62
3. GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO	65
<b>PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023 - ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	<b>66</b>

## THÔNG điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Kính thưa Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và toàn thể CBNV,**

Kết thúc Năm 2023 đầy biến động và khó khăn, Chúng tôi những “Người lính Công trình Viettel” đã tạo ra được những dấu mốc đáng tự hào. Lần đầu tiên doanh thu năm của Tổng Công ty vượt mốc 10.000 tỷ đồng, lần đầu tiên vốn hóa cổ phiếu trên sàn HSX vượt mốc trên 10.000 tỷ đồng. Dấu mốc trên là thành quả từ những cố gắng bền bỉ, từ sáng tạo và khát vọng của Người công trình Viettel toàn cầu.

Năm 2023 đã chứng kiến những bước tiến bền vững của Tổng Công ty để thấy rằng, Chúng tôi đã thay da đổi thịt không còn đơn thuần là đơn vị xây lắp, đơn thuần là đơn vị kỹ thuật:

- ▶ Chúng tôi là những nhà đầu tư: Duy trì vị thế số Towerco số 1 Việt Nam;

- ▶ Chúng tôi là những người kinh doanh dịch vụ: Nhà kinh doanh dịch vụ Vận hành khai thác mạng lưới viễn thông số 1 Việt Nam; Nhà kinh doanh dịch vụ home service hàng đầu Việt Nam;
- ▶ Chúng tôi là những người tiên phong vươn ra thế giới: Không dừng lại ở các thị trường Viettel đầu tư, Viettel Construction định hướng chiến lược Go Global giai đoạn mới hướng tới những thị trường rộng lớn như Úc, Hàn Quốc, Châu Âu...

Trên nền những bước tiến vững chắc đó, bước sang năm 2024 một năm nhiều thách thức và khó khăn, là năm Tổng Công ty phải dồn lực tập trung đầu tư hạ tầng, nghiên cứu xu thế, công nghệ, nghiên cứu thị trường để chuẩn bị cho một giai đoạn 2025-2030 phát triển bền vững cùng những khát vọng lớn lao hơn.

Những khó khăn, thách thức sẽ không làm Chúng tôi lùi bước bởi Chúng tôi luôn tin tưởng rằng đồng hành cùng mình là niềm tin, sự ủng hộ của cổ đông, đối tác, khách hàng và toàn thể CBNV. Thay mặt toàn thể lãnh đạo của Tổng Công ty xin cảm ơn tất cả các bạn vì điều đó. Kính chúc các quý vị sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

**Trân trọng cảm ơn!**

**CHỦ TỊCH**



**Đỗ Mạnh Hùng**

## THÔNG điệp TỔNG GIÁM ĐỐC

**Kính thưa Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên Viettel Construction,**

Năm 2023 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế Thế giới nhiều biến động, tiếp tục chịu ảnh hưởng kéo dài của đại dịch Covid-19 và xung đột chính trị.

Không nằm ngoài bức tranh đó, nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề từ Thế giới ở tất cả các lĩnh vực. Song, bằng các chủ trương đúng đắn và sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam nhanh chóng lấy lại đà tăng trưởng vốn có của một thị trường đang phát triển. Thông qua các điểm sáng nổi bật: lạm phát được kiểm soát, giải ngân vốn đầu tư công tăng cao so với năm 2022, xuất khẩu phục hồi trở lại,...

Đứng trước những khó khăn và cơ hội đó, Viettel Construction đã nỗ lực hoàn thành vượt chỉ tiêu Đại hội Đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đề ra năm 2023. Đặc biệt, lần đầu tiên Viettel Construction chinh phục vượt mốc doanh thu 10.000 tỷ đồng. Cụ thể, doanh thu năm 2023 đạt 11.399,4 tỷ đồng, hoàn thành 110% kế hoạch năm 10.338,1 tỷ đồng (tăng trưởng 22% so với năm 2022). Lợi nhuận trước thuế đạt 645,4 tỷ đồng, tương đương hoàn thành 105% kế hoạch năm 613,2 tỷ đồng (tăng trưởng 16% so với năm 2022).



Hoạt động kinh doanh của Viettel Construction tăng trưởng ở tất cả các lĩnh vực, trong đó: lĩnh vực xây lắp tăng trưởng lên đến 47%; Hạ tầng cho thuê tăng trưởng 39%; Vận hành khai thác tăng trưởng 13%;...

Tổng Công ty giữ vững vị thế là TowerCo số 1 Việt Nam sở hữu 6.436 trạm BTS; 1,87 triệu m2 DAS; 2.716km truyền dẫn; 16,87 MWp năng lượng mặt trời.

Kính thưa Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên.

Để thiết lập mốc doanh thu hơn 10.000 tỷ đồng, cả bộ máy Viettel Construction đã đồng lòng thực hiện nghiêm túc các chỉ tiêu ĐHCĐ đề ra. Đồng thời, kết quả này đạt được nhờ có sự tin tưởng của cổ đông, khách hàng và đối tác đã đồng hành cùng Tổng Công ty trong suốt chặng đường vừa qua.

Bước sang năm 2024, dù nền kinh tế có triển vọng tăng trưởng cao hơn nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức thậm chí nhiều hơn năm 2023 tại cả trong và ngoài nước. Viettel Construction sẽ tiếp tục hoạt động theo phương châm “Trong liên kết phát triển, ngoài tăng trưởng bền vững” để chinh phục cột mốc lớn hơn trong năm 2024. Tiếp tục đồng hành cùng Chính phủ với chiến lược “Xanh – Thông minh” bằng giải pháp hệ sinh thái mà Viettel Construction đang cung cấp đến doanh nghiệp và hộ gia đình.

Bên cạnh mục tiêu trở thành doanh nghiệp có doanh thu tỷ đô vào năm 2030, Viettel Construction mang trong mình sứ mệnh dựng xây cuộc sống mới, đóng góp giá trị cho môi trường và xã hội, đưa Tổng Công ty vươn tới phát triển bền vững.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Phạm Đình Trường**

# NHÌN LẠI NĂM 2023



## 1. CON SỐ ẤN TƯỢNG

**10.000**  
Tỷ đồng

- ▶ Lần đầu tiên doanh thu vượt mốc 10.000 tỷ đồng/năm.
- ▶ Lần đầu tiên vốn hóa cổ phiếu CTR kết thúc năm vượt 10.000 tỷ đồng.

**Số 1**

- ▶ Duy trì vị thế Towerco số 1 Việt Nam: Hạ tầng sở hữu: 6.436 trạm BTS; 1,87 triệu m<sup>2</sup> Das; 2.716 km truyền dẫn; 16,87 mwp điện mặt trời.
- ▶ Số 1 công ty cung cấp dịch vụ VHKT hạ tầng mạng lưới viễn thông.
- ▶ Số 1 công ty cung cấp dịch vụ HomeService.

**11.399**  
Tỷ đồng

- ▶ Tổng doanh thu đạt 11.399 tỷ đồng tăng trưởng 20,1% so với cùng kỳ, hoàn thành 110% kế hoạch.

**516**  
Tỷ đồng

- ▶ Lợi nhuận sau thuế đạt 516 tỷ đồng tăng 13,3% so với cùng kỳ, hoàn thành 106% kế hoạch.

**6.916**  
Tỷ đồng

- ▶ Tổng tài sản đạt 6.916 tỷ đồng.

**ROE**  
**28,46%**

**ROA**  
**7.95%**

**EPS**  
**4.509 đồng**



## 2. GIẢI THƯỞNG NĂM 2023

### GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC



Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất (Forbes)



Top 3 Cổ phiếu MidCap Nhà đầu tư yêu thích



Top 50 Công ty Đại chúng Việt Nam



Giải Chuyển đổi số Việt Nam



Năng lượng thông minh Giải Thành phố thông minh



Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam



Top 7 thương hiệu tuyển dụng được yêu thích nhất



Top 500 Thương hiệu tuyển dụng hàng đầu Việt Nam



Top công nghiệp 4.0



Vietnam Best Growth



FAST500



Profit500

### GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ



Giải Vàng Công ty xây dựng của năm International Business Awards 2023



Giải Đồng Giải pháp Công nghệ thông tin IT World Awards 2023



The 15<sup>th</sup> Annual GLOBAL CSR & ESG SUMMIT AND AWARDS | 2023<sup>™</sup>  
Giải Công ty có quan hệ tốt với nhà đầu tư và hoạt động truyền thông Global CSR & ESG Awards 2023

### GIẢI THƯỞNG MỚI ĐẠT ĐƯỢC TRONG 2023

- ▶ Global CSR & ESG Summit and Awards 2023: Best Corporate Communications & Investors Relations Team
- ▶ Top 50 Doanh Nghiệp Sáng Tạo và Kinh Doanh Hiệu Quả Việt Nam 2023
- ▶ Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam (31/500)
- ▶ Giải thưởng thành phố thông minh Việt Nam 2023
- ▶ Top 3 Mid Cap Investor Relations (IR) Awards 2023

### GIẢI THƯỞNG TIẾP TỤC DUY TRÌ ĐƯỢC TRONG NĂM 2023

- ▶ Top 6/100 Nhà tuyển dụng được yêu thích nhất năm 2023
- ▶ Fast500: Top500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam
- ▶ Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng “xuất sắc nhất” Việt Nam
- ▶ International Business Awards 2023 Company of the Year – Materials & Construction – Large
- ▶ Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất năm 2023
- ▶ TOP Doanh nghiệp công nghiệp 4.0 năm 2023
- ▶ IT World Awards năm 2023:
  - ▷ Hạng mục Đổi mới dịch vụ khách hàng của năm
  - ▷ Hạng mục Giải pháp CNTT dành cho doanh nghiệp lớn
- ▶ Giải Chuyển đổi số Việt Nam
- ▶ Profit500: Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2023
- ▶ Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc Việt Nam 2023 (Vietnam Best Profitable)
- ▶ Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam (Anphabe)



## PHẦN I

## THÔNG TIN CHUNG

## 1. THÔNG TIN CƠ BẢN KHÁI QUÁT

**Tên đầy đủ:** Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel

**Tên viết tắt:** Viettel Construction

**Trụ sở chính:** Số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**Địa chỉ giao dịch:** Số 06 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**Điện thoại:** (024) 6275 1783

**Fax:** (024) 6275 1783

**Websit:** <https://viettelconstruction.com.vn/>

**Logo:**

**viettel**  
construction

**Vốn điều lệ đăng ký:** 1.143.858.790.000 đồng (Một nghìn, một trăm bốn mươi ba tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng)

**Vốn điều lệ thực góp:** 1.143.858.790.000 đồng (Một nghìn, một trăm bốn mươi ba tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng)

**Giấy CNĐKDN:** Giấy CNĐKDN số 0104753865 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 09/06/2010, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 10/08/2022

**Mã số thuế:** 0104753865

**Người đại diện theo pháp luật:** Phạm Đình Trường – Tổng Giám đốc





## 2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tổng Công ty CP Công trình Viettel được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 1995, là đơn vị hạch toán độc lập, một phần không thể thiếu trong hệ sinh thái Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội. Sở hữu nguồn lực lên đến 11.000 người và mạng lưới hoạt động trải dài khắp 63 tỉnh thành trên cả nước, Viettel

Construction là đơn vị cung cấp dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật hàng đầu Việt Nam thông qua 6 trụ kinh doanh chiến lược chính: Vận hành Khai thác, Đầu tư Hạ tầng, Xây dựng (bao gồm xây dựng hạ tầng viễn thông, xây dựng dân dụng B2C và B2B), Công nghệ thông tin, Giải pháp và Dịch vụ Kỹ thuật.

### CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN:



#### GIAI ĐOẠN 1995 – 2003

- ▶ Thành lập Xí nghiệp khảo sát thiết kế và Xí nghiệp Xây lắp Công trình (tiền thân của Tổng Công ty CP Công trình Viettel) trực thuộc Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội.
- ▶ Xí nghiệp thi công móng cột và lắp dựng các cột anten trong nước, quốc tế có chất lượng cao như: cột anten 120 m Đài truyền hình Tuyên Quang, Cột anten 140 m Đài truyền hình Trung ương Lào, các cột anten cho Công ty Lào Telecom tại Viên Chăn.



- ▶ Xí nghiệp xây lắp Công trình đổi tên thành Công ty Công trình Viettel.
- ▶ Năm 2006, Quyết định chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập với tên giao dịch mới: Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Công trình Viettel.
- ▶ Tháng 12/2007, thực hiện triển khai thi công mạng lưới tại Vương quốc Campuchia.

#### GIAI ĐOẠN 2004 – 2009

#### GIAI ĐOẠN 2010 – 2017

- ▶ Năm 2010, Viettel Construction tập trung mạnh vào xây dựng hạ tầng mạng lưới 3G. Hạ tầng mạng 2G và 3G của Tập đoàn Viettel là mạng lớn nhất Việt Nam.
- ▶ Ngày 15/01/2010, Bộ trưởng Bộ quốc phòng quyết định về việc chuyển đổi Công ty TNHH NMTV Công trình Viettel thành Công ty cổ phần Công trình Viettel.
- ▶ Trong năm 2011, Công trình Viettel tổ chức lực lượng triển khai thi công tại Haiti.
- ▶ Năm 2014, thành lập 03 Công ty tại thị trường nước ngoài là Cameroon, Burundi và Tanzania.
- ▶ Năm 2015, Hoàn thiện thủ tục với Bộ Kế hoạch và đầu tư về cấp phép hoạt động tại 2 thị trường Lào và Myanmar.



Đến nay sau 28 năm hoạt động, Viettel Construction đã xây dựng hệ thống hạ tầng mạng lưới viễn thông trong nước với hơn 50.000 trạm phát sóng, 320.000 km cáp quang (tương đương 8 vòng trái đất), bao phủ 100% lãnh thổ Việt Nam bao gồm vùng biển hải đảo và vùng sâu vùng xa. Đồng thời còn là đơn vị tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông tại 10 quốc gia thuộc châu Á, châu Phi và châu Mỹ.

#### GIAI ĐOẠN 2018 – 2020

- ▶ Trở thành nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật trên nền tảng số hàng đầu Việt Nam.
- ▶ Chính thức hoạt động trên 5 trụ kinh doanh chính: Đầu tư hạ tầng cho thuê, Xây dựng dân dụng, Công nghệ thông tin, Giải pháp Tích hợp và Vận hành Khai thác.
- ▶ Doanh thu năm 2020 đạt mốc 6.381 tỷ ~ 106% kế hoạch; Lợi nhuận đạt 274 tỷ ~ 136% kế hoạch.



- ▶ Trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất.
- ▶ Năm 2023: Viettel Construction ghi nhận doanh thu 11.399,4 tỷ đồng. Giữ vững vị thế TowerCo số 1 Việt Nam.
- ▶ Mục tiêu doanh thu đến năm 2025 đạt 15.000 tỷ đồng và đạt 25.000 tỷ vào năm 2030.
- ▶ Trưởng thành số đạt mức 5/5 theo tiêu chuẩn TMForum vào năm 2025.

#### GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

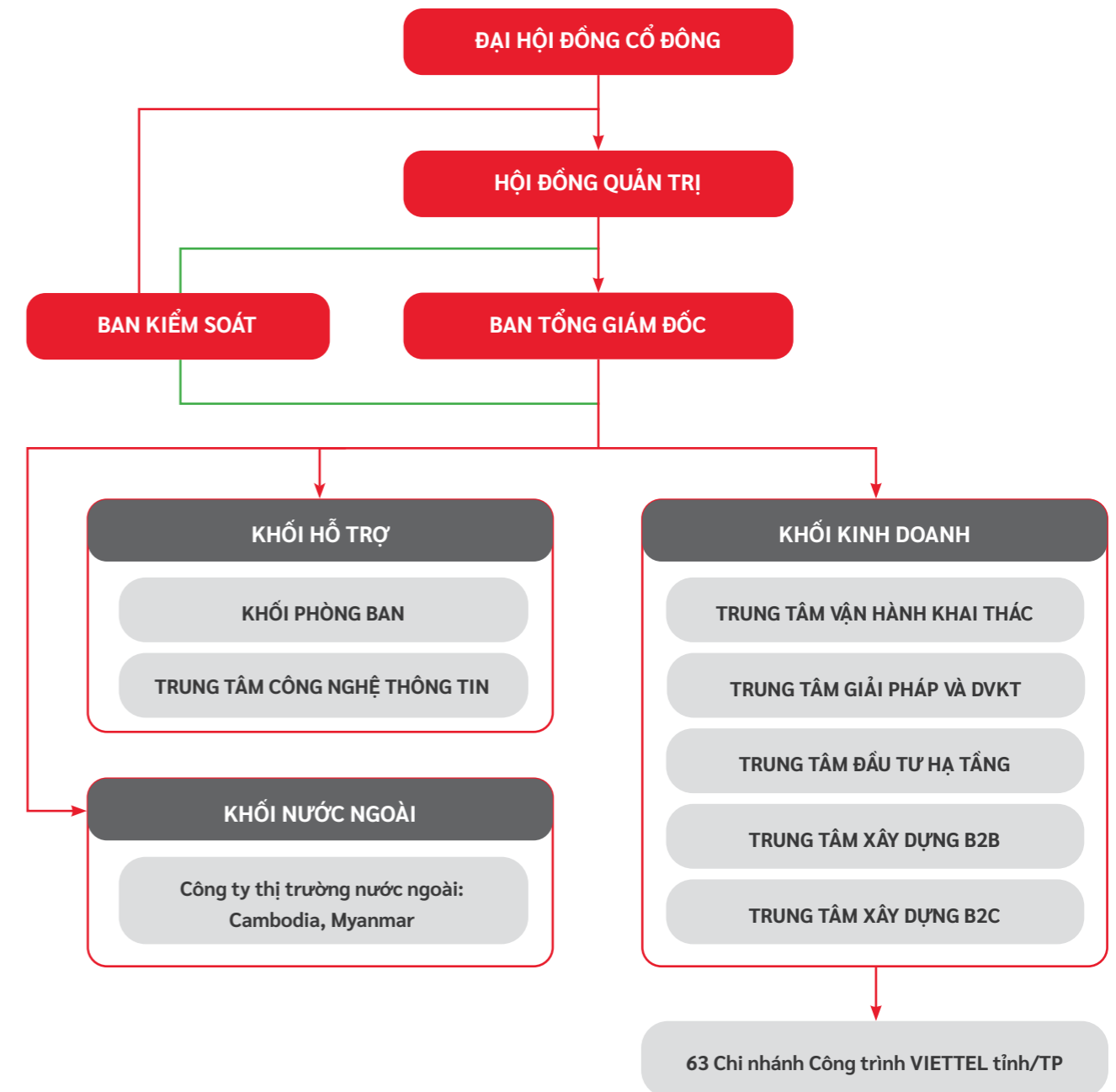


### 3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

STT	LĨNH VỰC	NHÓM SPDV	TÊN SPDV
1	Vận hành khai thác	Vận hành khai thác trong nước và nước ngoài	► Cung cấp dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin trạm, tuyến cáp và hộp cáp CĐBR lớp mạng truy nhập; Quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng cố định băng rộng.
2	Xây lắp	Xây lắp hạ tầng mạng viễn thông	► Dịch vụ xây dựng, lắp đặt, củng cố, bảo dưỡng hệ thống nhà trạm, cột anten, cột truyền hình, hệ thống tiếp địa thoát sét, hệ thống cáp quang...
3	Xây lắp	Xây dựng dân dụng B2B	► Xây dựng hạ tầng các dự án xây dựng (Nhà ở, khu nghỉ dưỡng, khu công nghiệp, nhà xưởng...); Hạ tầng công trình Thủy lợi, Giao thông; Cầu Cảng...
4	Xây lắp	Xây dựng dân dụng B2C&SME	► Xây dựng các công trình nhà ở cá nhân, nhà xưởng, văn phòng làm việc, trường học...
5	Hạ tầng cho thuê	Trạm BTS	► Đầu tư Hạ tầng trạm BTS cho thuê, hệ thống nguồn cho trạm BTS cho thuê.
6	Hạ tầng cho thuê	Hạ tầng IoT khu đô thị, khu công nghiệp, cảng biển	► Đầu tư xây dựng hạ tầng IoT khu đô thị, khu công nghiệp, cảng biển.
7	Hạ tầng cho thuê	Năng lượng tái tạo	► Điện năng lượng mặt trời.
8	Hạ tầng cho thuê	DAS và CĐBR	► DAS và CĐBR.
9	Hạ tầng cho thuê	Cống bể cho thuê	► Cổng bể cho thuê, cáp quang treo.
10	Giải pháp tích hợp	Bán lẻ & Phân phối thiết bị hàng hóa	► Bán lẻ và phân phối các thiết bị hàng hóa (không bao gồm lắp đặt) của các lĩnh vực: Điện gia dụng, thiết bị smarhome, thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống năng lượng mặt trời do TCT OEM hoặc phân phối từ các nhãn hàng.
11	Giải pháp tích hợp	Giải pháp Cơ điện và Năng lượng	► Hệ thống điện năng, điện nhẹ; Hệ thống chữa cháy; Hệ thống chiếu sáng, chiếu sáng khẩn cấp, đèn năng lượng mặt trời; Máy phát điện; Hệ thống camera; Hệ thống năng lượng mặt trời
12	Dịch vụ kỹ thuật	Dịch vụ bảo dưỡng, lắp đặt, sửa chữa các thiết bị gia đình (B2C)	► Dịch vụ bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa các thiết bị gia đình bao gồm: Điều hòa/ Máy giặt/ Máy lọc nước/ Bình nóng lạnh/ Năng lượng mặt trời/smarhome.
13	Dịch vụ kỹ thuật	Dịch vụ thi công lắp đặt hoặc dịch vụ vận hành bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống năng lượng tái tạo	► Dịch vụ thi công, lắp đặt mới hệ thống năng lượng mặt trời bao gồm: điện áp mái, điện farm. ► Dịch vụ vận hành bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa hệ thống năng lượng mặt trời bao gồm: điện áp mái, điện farm.

Các sản phẩm dịch vụ trên được Chúng tôi cung cấp tại 63 tỉnh/tp tại Việt Nam.

### 4. MÔ HÌNH/ CƠ CẤU TỔ CHỨC



#### 1. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

► Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc.

#### 2. KHỐI HỖ TRỢ, NGHIỆP VỤ

► Khối cơ quan (gồm 11 phòng):

Phòng Chính trị; Phòng Tổ chức lao động; Văn phòng; Phòng Tài chính kế toán; Phòng Mua sắm; Phòng Truyền thông đào tạo; Phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ; Phòng Kỹ thuật công nghệ; Phòng Chiến lược Kinh doanh, Phòng Chăm sóc khách hàng, Phòng Kiểm toán nội bộ.

► Trung tâm Công nghệ thông tin.

#### 3. KHỐI KINH DOANH (05 TRUNG TÂM)

► Lĩnh vực VHKT: Trung tâm Vận hành khai thác.

► Lĩnh vực giải pháp & dịch vụ kỹ thuật: Trung tâm Giải pháp và Dịch vụ kỹ thuật.

► Lĩnh vực xây lắp viễn thông, đầu tư hạ tầng: Trung tâm Đầu tư hạ tầng.

► Lĩnh vực xây dựng dân dụng: Trung tâm Xây dựng B2B; Trung tâm Xây dựng B2C.

#### 4. KHỐI TRỰC TIẾP SXKD

► 63 Chi nhánh Công trình Viettel tỉnh/TP.

► Công ty thị trường nước ngoài: 02 Công ty tại thị trường đang hoạt động: Myanmar, Cambodia.

## 5. CÔNG TY CON/ CÔNG TY LIÊN KẾT

### VIETTEL CONSTRUCTION CAMBODIA CO., LTD

**Địa chỉ:** 22D, ChrokThmay, VeangVong, 7 Makara, Phnom Pênh, Campuchia

**Lĩnh vực hoạt động:** Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông

**Vốn điều lệ:** 10.000 USD

**Tỷ lệ sở hữu:** 100%

### VIETTEL CONSTRUCTION MYANMAR CO.,LTD

**Địa chỉ:** Số 39, Đường Inya Myaing, Golden Vallay 1, Bahan, Yangon, Myanmar

**Lĩnh vực hoạt động:** Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông

**Vốn điều lệ:** 680.000 USD

**Tỷ lệ sở hữu:** 100%



## 6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

**TẦM NHÌN:** Trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất.

**SỨ MỆNH:** Thúc đẩy cách mạng công nghiệp 4.0 đến các doanh nghiệp, hộ gia đình. Cung cấp dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật theo tiêu chí: chuyên nghiệp, chất lượng, chi phí cạnh tranh.

**Lộ trình chiến lược kinh doanh cho năm 2024 đến 2025 như sau:**

- ▶ **Năm 2024:** Nâng cao năng lực, chuyên nghiệp hóa công tác Vận hành khai thác đảm bảo tối ưu chi phí và tăng năng lực cạnh tranh. Tập trung phát triển các trụ Đầu tư hạ tầng là trụ chiến lược đem lại giá trị dài hạn cho Tổng Công ty; Xây dựng hệ sinh thái về cung cấp dịch vụ Xây dựng dân dụng, Giải pháp và dịch vụ kỹ thuật cho khách hàng doanh nghiệp và hộ gia đình.
- ▶ **Năm 2025:** Mở rộng không gian kinh doanh Go Global đối với lĩnh vực Xây dựng dân dụng. Tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái khép kín từ Thiết kế – Triển khai – Vận hành – Tối ưu hạ tầng kết nối thông minh.

### VỚI TỪNG LĨNH VỰC:

- ▶ **VHKT:** Sẵn sàng về năng lực để vận hành mạng lưới 5G ngay khi đưa dịch vụ 5G vào thương mại hóa. VHKT cho 1 nhà mạng viễn thông khác ngoài Viettel.
- ▶ **ĐTHT:** Triển khai đầu tư hạ tầng nhanh đảm bảo tiến độ, hiệu quả và với thiết kế phù hợp với thế giới.
- ▶ **Xây dựng:**
  - B2B: Lọt top doanh nghiệp lớn nhất trên thị trường xây dựng dân dụng.
  - B2C: Độ phủ công trình số 1 tại Việt Nam, hoàn thiện hệ sinh thái “Smart”, “Xanh” và “Khép kín”.
- ▶ **GPTH & DVKT:** Trở thành nhà phân phối toàn trình lớn nhất (Thiết kế giải pháp, phân phối sản phẩm, lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa).

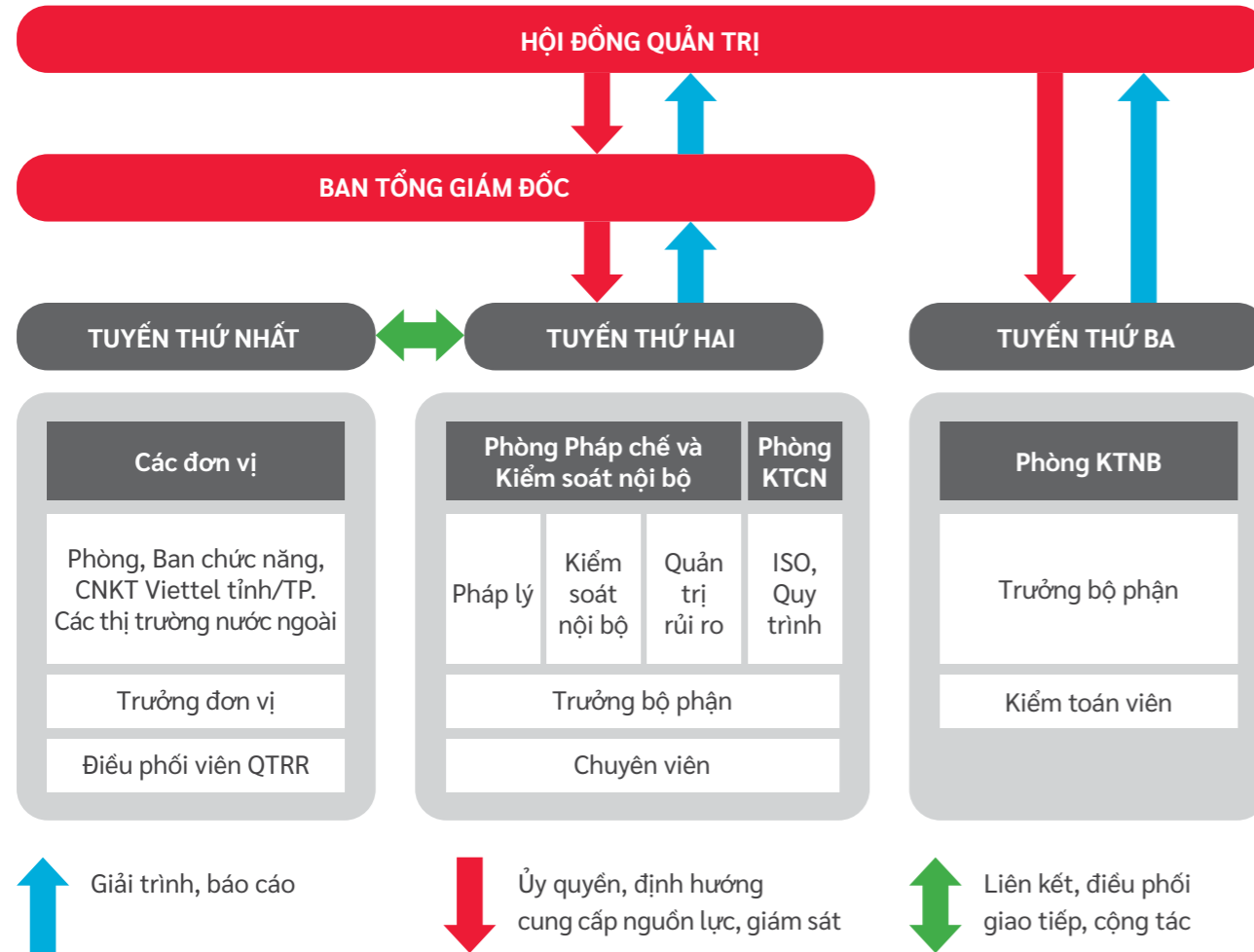


## 7. QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong năm 2023, các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tổng Công ty (TCT) đã có những ứng phó kịp thời nhằm đạt mục tiêu là duy trì hoạt động kinh doanh an toàn, đảm bảo phát triển bền vững.

Để thực hiện điều đó, hệ thống Quản trị rủi ro (QTRR) tiếp tục được hoàn thiện, giúp TCT định hướng, ước lượng, đánh giá, kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Hệ thống QTRR đã đạt được mức độ trưởng thành 4/5 trong năm 2023.

### 7.1. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO



Cơ cấu QTRR vẫn được duy trì với 3 tuyến QTRR giúp Tổng Công ty tiếp cận được với những rủi ro một cách khoa học và có hệ thống nhằm nhận dạng, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những tổn thất mất mát, những ảnh hưởng bất lợi của rủi ro đồng thời biến rủi ro thành những cơ hội thành công. Theo đó, mô hình 3 tuyến chỉ rõ vai trò, trách nhiệm của các vị trí QTRR trong TCT.

► **Tuyến thứ nhất:** Bao gồm các đơn vị có chức năng trực tiếp hỗ trợ, tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trực tiếp nhận diện, phân tích, đánh giá, xử lý trực tiếp và báo cáo các rủi ro có ảnh hưởng đến việc đạt được các mục tiêu của Tập đoàn/đơn vị.

► **Tuyến thứ hai:** Bao gồm các đơn vị có chức năng hướng dẫn, hỗ trợ, giám sát, phản biện, kiểm soát, quản trị các rủi ro chuyên ngành và rủi ro doanh nghiệp. Tuyến thứ 2 chịu trách nhiệm điều phối, hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát việc triển khai quản trị rủi ro tại tuyến thứ nhất.

► **Tuyến thứ 3:** Bao gồm các đơn vị có chức năng kiểm toán nội bộ tại Tập đoàn và kiểm soát độc lập (nếu có) tại đơn vị. Tuyến thứ 3 có trách nhiệm cung cấp các đánh giá độc lập và khách quan về tính hiệu quả của quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và khuyến nghị phương án cải thiện.

### 7.2. MỤC TIÊU QUẢN TRỊ RỦI RO

Nâng cao trình độ nhân sự Quản trị rủi ro nhằm mục đích nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự chịu trách nhiệm về hoạt động Quản trị rủi ro.

Xác định rõ vai trò và trách nhiệm Quản trị rủi ro cho mỗi CBNV và đào tạo đầy đủ để đảm bảo lan tỏa văn hóa rủi ro tại từng đơn vị thuộc Tổng Công ty.

Tích hợp QTRR vào hoạt động kinh doanh, gắn QTRR với việc ra quyết định và xây dựng mục tiêu, các rủi ro được dự báo trước và hoạt động QTRR hướng tới tương lai nhằm cân bằng rủi ro và lợi nhuận phù hợp với khẩu vị rủi ro, mức độ chấp nhận rủi ro và thước đo rủi ro của Tổng Công ty.

Quản trị rủi ro phải được thực hiện đi sâu vào tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh chứ không phải chỉ là hoạt động báo cáo rủi ro.

Nhận diện, đánh giá và sắp xếp thứ tự ưu tiên rủi ro trọng yếu nhằm đưa ra biện pháp ứng phó kịp thời và phù hợp, để giảm thiểu các tác động bất lợi đến mục tiêu, chiến lược SXKD của Tổng Công ty.

Hệ thống công nghệ thông tin được triển khai áp dụng đồng bộ trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty nhằm hỗ trợ công tác Quản trị rủi ro.



### 7.3. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2023

Năm 2023 là năm quan trọng cho việc thực thi chiến lược 05 năm giai đoạn 2021-2025, do đó hoạt động Quản trị rủi ro (QTRR) của Tổng Công ty (TCT) đã tập trung hướng đến việc tích hợp QTRR chuyên sâu vào các hoạt động kinh doanh nhằm gia tăng kiểm soát hiệu quả rủi ro.

#### VỀ CON NGƯỜI:

Tổng Công ty chú trọng củng cố năng lực cho nhân sự Quản trị rủi ro, 80 Điều phối viên là ngành dọc của Quản trị rủi ro tại các đơn vị được đào tạo hàng Quý. Bên cạnh đó, các buổi hội thảo (hướng dẫn xây dựng hồ sơ rủi ro, mô hình phân tích rủi ro Monte Carlo, phân tích độ nhạy đối với rủi ro dự án đầu tư...) được diễn ra thường xuyên, công tác kiểm tra đánh giá năng lực thông qua các bài kiểm tra kiến thức QTRR trên các hệ thống phần mềm được tổ chức hàng tháng. Ngoài ra, Văn hóa QTRR được lan tỏa đến từng CBNV tại TCT với những bản tin rủi ro, những chuyên đề rủi ro được tổ chức và ghi nhận, truyền thông hàng tháng, góp phần làm đầy kho tri thức về QTRR. Tổng Công ty xây dựng Cộng đồng QTRR với các chuyên đề sinh hoạt Cộng đồng (được đồng đạo CBNV tham gia, tháng cao điểm lên tới ~ 8.000 CBNV) ghi nhận các rủi ro mới nổi, các rủi ro trọng yếu của Tổng Công ty, như rủi ro gian lận tài chính, rủi ro chậm tiến độ thi công, mất an toàn cháy nổ, công nợ không có khả năng thu hồi...nâng cao nhận thức về văn hóa QTRR.

#### VỀ QUY TRÌNH:

Hệ thống chính sách, quy trình QTRR tiệm cận chuẩn Quốc tế. 80 bộ Hồ sơ rủi ro cấp TCT và cấp đơn vị cùng 117 Chỉ số rủi ro trọng yếu (KRI) được hoàn thiện, theo dõi và báo cáo hàng tháng dự báo rủi ro của các quý tiếp theo và đưa ra các biện pháp kiểm soát chặt chẽ, kịp thời nhằm ngăn chặn, giảm thiểu thiệt hại nếu rủi ro xảy ra.

Đồng thời, các hoạt động QTRR của TCT được tích hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm gia tăng kiểm soát hiệu quả các rủi ro:

Các Phương án kinh doanh đều được phân tích rủi ro trọng yếu, xây dựng biện pháp ứng phó rủi ro. 100% các dự án đầu tư, thay đổi mô hình tổ chức,... đều được nhận diện, phân tích, đánh giá và đề xuất các biện pháp kiểm soát rủi ro. Công tác Kiểm soát nội bộ tại TCT thực hiện chuyên đề theo định hướng rủi ro. Nội dung QTRR đã được đưa vào bài toán xây dựng phần mềm quản lý toàn trình dự án B2B nhằm nhận diện và kiểm soát rủi ro trước, trong và sau khi triển khai hợp đồng B2B một cách tự động. Hệ thống Quản trị hoạt động kinh doanh liên tục (BCM – Business Continuity Management) theo ISO 22301 với 06 kịch bản ứng phó rủi ro gián đoạn SXKD (BCP) được xây dựng tại 04 TTKD (VHK, GPTH, TTHT, DVKT) và TT.CNTT.

#### VỀ CÔNG CỤ:

TCT áp dụng chuyển đổi số, hướng đến tự động nhận diện và cảnh báo kịp thời các nguy cơ, rủi ro trong hoạt động SXKD của từng đơn vị thuộc TCT trên phần mềm. 06 luồng công việc Quản trị rủi ro đã được số hóa: Thu thập Sự kiện tổn thất trên phần mềm; Tích hợp Hồ sơ rủi ro trên phần mềm; các chỉ số rủi ro được thu thập tự động hóa từ các phần mềm nghiệp vụ; các chỉ số rủi ro vượt ngưỡng được tự động cảnh báo và giao WO yêu cầu có biện pháp giảm thiểu rủi ro.

#### VỀ QUẢN TRỊ:

Công tác hậu kiểm QTRR tại các đơn vị được triển khai hàng quý nhằm đánh giá hiệu quả và đưa ra các kiến nghị khắc phục cho đơn vị. Cơ chế thưởng phạt cá nhân về công tác QTRR được duy trì hàng tháng góp phần thúc đẩy văn hóa QTRR, đưa công tác QTRR đi vào nề nếp.

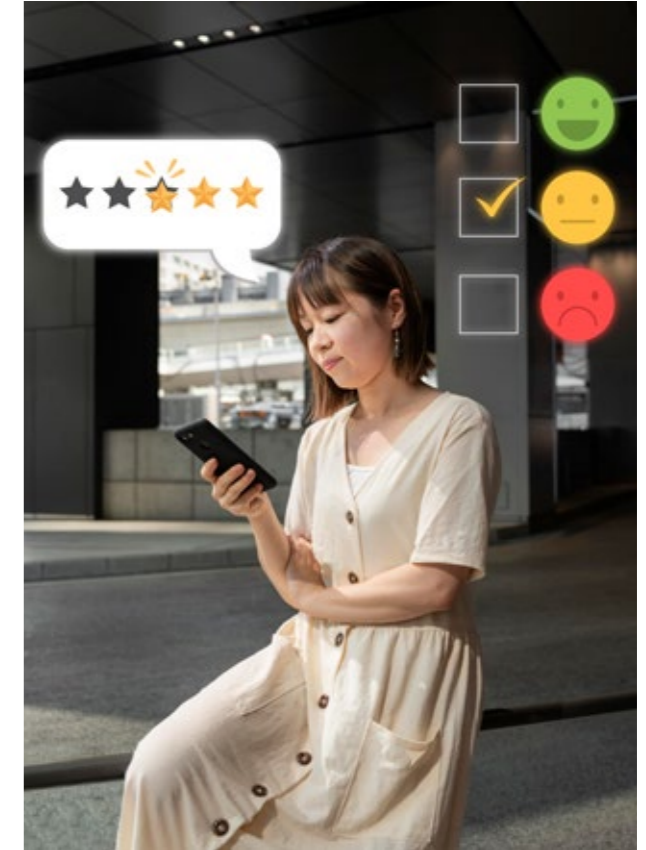
Kế hoạch giám sát nội bộ dựa trên đánh giá rủi ro để ưu tiên giám sát các khu vực có rủi ro cao.

### 7.4. CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

#### RỦI RO DANH TIẾNG

##### a. Rủi ro danh tiếng

Rủi ro danh tiếng có thể xảy ra với những khiếu nại của khách hàng về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, hoặc các bài báo, bình luận tiêu cực trên báo chí, phương tiện truyền thông, mạng xã hội... dẫn đến sự suy giảm về hình ảnh thương hiệu và uy tín của Tổng Công ty trên thị trường. Để kiểm soát rủi ro này, Tổng Công ty đã thiết lập các cơ chế (bao gồm các quy định, quy trình, hệ thống và Phòng Chăm sóc Khách hàng, Phòng Truyền thông đào tạo chuyên trách) để giải quyết hiệu quả các khiếu nại, đề xuất của khách hàng, xử lý khủng hoảng truyền thông và định kỳ khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng và các bên liên quan qua hệ thống chatbot, sms nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến dịch vụ. Đồng thời, Tổng Công ty cũng liên tục triển khai các hoạt động quan hệ công chúng thông qua các phương tiện truyền thông khác nhau để cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời giúp khách hàng, đối tác, cổ đông, báo chí, cơ quan nhà nước tin tưởng vào tín nhiệm Tổng Công ty.



#### RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông và xây dựng trên khắp các tỉnh thành Việt Nam, Tổng Công ty luôn sử dụng một lượng lớn lao động để đáp ứng yêu cầu trong hoạt động vận hành và cung cấp sản phẩm, dịch vụ, đồng thời cần tuyển dụng và giữ chân nhiều nhân sự quản lý các cấp có kinh nghiệm, chuyên môn cao trong lĩnh vực viễn thông và xây dựng. Nhằm giảm thiểu rủi ro thiếu hụt về nguồn

nhân lực ở mức thấp nhất, Tổng Công ty luôn đưa ra các chế độ, chính sách hấp dẫn với CBNV như luôn tạo môi trường làm việc tốt nhất cho CBNV, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ nhân viên cũng như có các chính sách đào tạo và bồi dưỡng các cán bộ có năng lực, tạo cơ hội cho đội ngũ nhân sự trẻ để bổ sung cho các cấp quản lý.



## RỦI RO VỀ TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

Tổng Công ty hiện đang đẩy mạnh triển khai các dự án liên quan đến đầu tư hạ tầng kinh doanh cho thuê (như hạ tầng trạm viễn thông BTS, hạ tầng năng lượng mặt trời ...), các dự án xây dựng nhà dân B2C, dự án xây dựng dân dụng B2B. Những hạng mục công việc liên quan như đảm bảo mặt bằng thi công, tổ chức đấu thầu, tổ chức thi công, nghiệm thu đưa vào khai thác ... đều có thể phát sinh những yếu tố, sự kiện làm chậm tiến độ, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty. Nhận diện được rủi ro tiềm tàng này, Tổng Công ty đã xây dựng quy trình và danh mục chi tiết các nhóm việc, đầu việc, phân công trách nhiệm cụ thể đến từng cơ quan đơn vị tham gia từ giai đoạn chuẩn bị dự án đến kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng đồng thời xây dựng áp dụng công nghệ trong hoạt động kiểm tra, giám sát nội bộ suốt quy trình triển khai dự án. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng luôn duy trì bộ tiêu chí đánh giá các doanh nghiệp tư vấn, thi công, cung cấp thiết bị về năng lực, uy tín và theo dõi tiến độ, chất lượng dự án trên phần mềm.



## RỦI RO TÀI CHÍNH

Năm 2023 nền kinh tế toàn cầu đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Là một nền kinh tế có độ mở lớn, kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi bối cảnh kinh tế Thế Giới.

Công nợ phải thu khách hàng quá hạn do CĐT khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn do ngân hàng

thắt chặt cho vay, tuy nhiên, với mỗi phương án kinh doanh trước khi ký kết hợp đồng, VCC đều đánh giá năng lực tài chính của CĐT, đồng thời áp dụng các điều khoản hợp đồng chặt chẽ trong thanh toán để giảm thiểu rủi ro công nợ phải thu khách hàng quá hạn.



## RỦI RO TUÂN THỦ

Đây là rủi ro hoạt động trong việc quản lý gian lận và cải thiện hiệu quả vận hành tại các khâu nghiệp vụ của Tổng Công ty. Rủi ro này có thể phát sinh do các nguyên nhân liên quan đến:

- **Con người:** Các hành vi thiếu sót, gian lận của cán bộ nhân viên hoặc thực hiện không đúng theo các quy định/quy trình hiện hành của Tổng Công ty;
- **Quy trình:** Quy định/quy trình không đầy đủ, không rõ ràng, mâu thuẫn, bị chống chéo do những hạn chế trong khâu thiết kế quy trình;
- **Hệ thống:** Sự không đầy đủ hoặc vận hành không tốt, gián đoạn của hệ thống từ việc không có dữ liệu hoặc dữ liệu không chính xác.

Ba yếu tố chính này có thể gây ra tổn thất về tài chính và tác động tiêu cực phi tài chính đối với Tổng Công ty như làm giảm chất lượng sản phẩm, dịch vụ dẫn đến khách hàng phàn nàn, làm giảm uy tín của Tổng Công ty.

Để kiểm soát rủi ro này, Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quy định, quy trình theo tiêu chuẩn và thường xuyên cập nhật định kỳ (06 tháng/1 năm) các hệ thống quy định này. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo cho cán bộ nhân viên về các quy định, quy trình của Tổng Công ty và thực hiện định kỳ cũng như đột xuất công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ để phát hiện các hành vi gian lận, không tuân thủ quy định của người lao động.



## PHẦN II

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



## 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD

## 1.1. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

## ► Chỉ tiêu hợp nhất

TT	TÊN CHỈ TIÊU	TH 2022	TH 2023			So với 2022	
			KH	TH	%KH	Δ	%Δ
<b>I</b> Chỉ tiêu tài chính							
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	9.492	10.338	11.399	110%	1.907	20,1%
2	Tổng chi phí (tỷ đồng)	8.922	9.725	10.754	111%	1.832	20,5%
3	LNTT (tỷ đồng)	570	613,2	645	105%	75	13,1%
4	LNST (tỷ đồng)	455	487,0	516	106%	61	13,3%
<b>II</b> Chỉ tiêu hiệu quả							
5	ROA (%)	9,1%	8,2%	8,0%	97%	-1,1%	-12,5%
6	ROE (%)	30,9%	28,0%	28,5%	102%	-2,4%	-7,8%

## ► Chỉ tiêu Công ty mẹ

TT	TÊN CHỈ TIÊU	TH 2022	TH 2023			So với 2022	
			KH	TH	%KH	Δ	%Δ
<b>I</b> Chỉ tiêu tài chính							
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	8.323	9.256	9.848	106%	1.525	18%
2	Tổng chi phí (tỷ đồng)	7.777	8.667	9.225	106%	1.448	18,6%
3	LNTT (tỷ đồng)	545	589,5	622	106%	77	14,1%
4	LNST (tỷ đồng)	439	471,6	500	106,1%	61	13,9%
<b>II</b> Chỉ tiêu hiệu quả							
5	ROA (%)	9,4%	8,6%	8,3%	97%	-1,1%	-11,4%
6	ROE (%)	30,5%	27,66%	28,7%	104%	-1,8%	-6,0%

## 1.2. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC CHUYỂN DỊCH CHIẾN LƯỢC CỦA ĐƠN VỊ THEO CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

Chuyển từ nhà thầu dịch vụ, thương mại thành công ty sở hữu tài sản, hạ tầng cho thuê: Giữ vững vị trí số 1 về TowerCo tại Việt Nam, lũy kế đến năm 2023 VCC sở hữu 6.436 Trạm BTS (OCK đứng thứ 2, ~ 3.200 trạm); 2,45 triệu m2 DAS, 2.716km truyền dẫn, 16,87 Mw NLMT. Tỷ lệ dùng chung đạt 1,034, tương đương với thực hiện năm 2022; Lũy kế đến năm 2023 ký được 208 hợp đồng với khách hàng thứ hai/thứ ba.

**Chuyển dịch từ xây dựng, vận hành hạ tầng viễn thông sang hệ sinh thái khép kín từ Thiết kế - Triển khai - Vận hành - Tối ưu hạ tầng kết nối thông minh:**

### ■ THIẾT KẾ

► Tuyển dụng đủ lực lượng kiến trúc sư có kinh nghiệm và chuyên môn cao, thực hiện sàng lọc thường xuyên để đảm bảo chất lượng và tiến độ thiết kế, thực hiện toàn trình tất cả các công trình, dự án. Lực lượng kiến trúc sư cấp TCT có chức năng định hướng, thiết kế mẫu và hỗ trợ CNCT trong việc tham gia đấu thầu các dự án B2B và triển khai các hợp đồng B2C.

### ■ TRIỂN KHAI

► Tổ chức lực lượng triển khai chuyên trách (FT1: vận hành khai thác trong Tập đoàn; FT2: Tổ chức triển khai các công trình xây lắp; FT3/OFT: Thực hiện lắp đặt, bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị) đảm bảo có thể triển khai được tất cả các công trình, dự án.

► Đã quy hoạch được hệ thống nhà cung cấp vật liệu, máy móc và nhà thầu phụ đến cấp tỉnh, mục tiêu đến giữa năm 2024 mỗi xã/phường có ít nhất 1 tổ đội nhân công, mỗi quận/huyện ít nhất 1 nhà cung cấp vật tư, vật liệu phục vụ các công trình xây dựng dân dụng.

### ■ VẬN HÀNH

► Đảm bảo chất lượng vận hành khai thác trong TĐ (VHKT mạng truy nhập Viettel tại 62 CNCT; 22 tỉnh thị trường Cambodia; 15 tỉnh tại Myanmar). Tiếp tục mở rộng vận hành ra ngoài Tập đoàn (vận hành mạng cáp quang cho các đối tác CMC, Bộ Công an; Vận hành trạm BTS cho các Towerco tại Myanmar: NTD (205 trạm); TIP (69 trạm); Vận hành, bảo dưỡng cho 53 hệ thống NLMT\_16,9Mwp (VCC đầu tư), và 123 hệ thống pin NLMT cho các đối tác ngoài (Green Yellow, Sky-X, Becis).

► Đảm bảo chất lượng và KPI vận hành cho các chuỗi cửa hàng, các hãng sản xuất như: Feroli, Karofi, Pharmacy, SamSung, Tokyolife, K+, Digiworld...

### ■ TỐI ƯU HẠ TẦNG KẾT NỐI THÔNG MINH

► Nghiên cứu, đánh giá và triển khai thử nghiệm các sản phẩm Smart Pole cho small cell với phương án làm Pilot 2 vị trí tại Louis City Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

► Nghiên cứu ứng dụng accu Lithium portable kết hợp hệ thống sạc Solar trong công tác VHKT ứng cứu thông tin.



### **Vận hành tổ chức theo định hướng chuyển dịch số**

► **XÂY DỰNG “VĂN HÓA SỐ”** là xây dựng hành động số và niềm tin số trên phạm vi toàn Tổng Công ty, tuyên truyền thường xuyên để nhận thức của từng CBNV trong TCT, thấm nhuần và hành động theo văn hóa số.

► **SỐ HÓA QUY TRÌNH:** Thực hiện số hóa quy trình lõi SCOR đạt mức 97% số quy trình có thể số hóa (79/81 quy trình có thể số hóa), đạt mức 92% số bước quy trình có thể số hóa (432/472 bước quy trình có thể số hóa); Triển khai 92 usecase RPA đạt độ phủ 65% (53/81 quy trình có thể số hóa) ~ 1,2 lần so kế hoạch năm 2023 (50%).

### ► TỰ ĐỘNG HÓA:

► Ứng dụng công nghệ RPA (Robot Process Automation) vào các hoạt động quản trị và sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Xây dựng 275 usecase áp dụng cho toàn bộ công tác quản trị, hoạt động sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ quy trình áp dụng RPA tự động hóa đạt 70%.

► Xây dựng hệ thống tự động ghi nhận, quản trị chỉ số trải nghiệm khách hàng toàn trình và cảnh báo tự động vị phạm KPI trải nghiệm khách hàng cho 100% Trung tâm kinh doanh trên hệ thống BI.

### ► QUẢN TRỊ RA QUYẾT ĐỊNH SỐ:

► 100% lĩnh vực bao gồm: Nhân sự, tài chính, Kỹ thuật & Công nghệ thông tin, Đầu tư xây dựng tài sản, Văn phòng đã triển khai các use case ứng dụng AI nâng cao năng lực khoa học dữ liệu trong tổ chức.

► Triển khai chuẩn hóa dữ liệu khách hàng tại 100% hệ thống phần mềm kinh doanh và đồng bộ, quản lý tập trung tại một hệ thống quản lý thông tin khách hàng (CIM).

### **Mở rộng kinh doanh các lĩnh vực như Energy-as-a-service và Cơ điện (M&E):**

► **NĂNG LƯỢNG (ENERGY):** Năm 2023 Chính phủ đã ban hành quy hoạch điện VIII nhưng Bộ Công thương chưa có Thuyết minh hướng dẫn phân bổ việc phát triển các nguồn điện cụ thể trong giai đoạn 2025-2030 và 2030-2050. Do đó VCC chưa triển khai đầu tư mới các dự án Pin NLMT mới, việc kinh doanh hệ thống NLMT bao gồm cung cấp vật tư, nhân công cho các dự án và khách hàng cá nhân có tăng so thực hiện năm 2022 nhưng chưa đạt mục tiêu kỳ vọng. Doanh thu từ mảng năng lượng năm 2023 đạt 148 tỷ ~ 3% trên tổng doanh thu lĩnh vực mới, tăng 48% so với thực hiện năm 2022 (100 tỷ).

### ► CƠ ĐIỆN (M&E):

► Doanh thu năm 2023 đạt 609, tăng 38,4% so với thực hiện năm 2022.

► Triển khai mở rộng hệ sinh thái nhà cung cấp, đa dạng hóa các sản phẩm đưa vào kinh doanh như các hệ thống điện nhẹ, điện động lực, BMS, hệ thống báo cháy, cấp thoát nước, lắp đặt hệ thống cơ điện cho các dự án biệt thự...



## 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 2.1. DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH (BAN TGD VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG)

Số cổ phiếu theo Danh sách cổ đông chốt ngày 01/12/2023.

THÀNH VIÊN	CHỨC DANH	TÓM TẮT LÝ LỊCH	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN/ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN	NĂM GIỮ CHỨNG KHOÁN KHÁC DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH
<b>PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG</b>	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Ngày 07/04/2017, HĐQT bổ nhiệm Ông giữ chức Phó Giám đốc Tổng Công ty. 18/10/2018, ông được HĐQT bầu làm Tổng Giám đốc Tổng Công ty. 26/01/2019, ĐHĐCĐ bầu ông vào HĐQT Tổng Công ty	20.332 cp ~ 0,018%.	Không có.
<b>ĐÀO THU HIỀN</b>	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 22/03/2017, HĐQT bổ nhiệm Bà giữ chức Phó Giám đốc Tổng Công ty	64.291 cp ~ 0,056%.	Không có.
<b>NGUYỄN THÁI HƯNG</b>	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 24/02/2016, HĐQT bổ nhiệm Ông giữ chức Phó Giám đốc Tổng Công ty	74.496 cp ~ 0,065%	Không có.
<b>NGUYỄN HUY DŨNG</b>	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 27/02/2020, HĐQT bổ nhiệm Ông giữ chức Phó Giám đốc Tổng Công ty	32.216 cp ~ 0,028%.	Không có.
<b>BÙI DUY BẢO</b>	Kế toán trưởng	Ngày 03/05/2017, HĐQT bổ nhiệm ông giữ chức Kế toán trưởng Tổng Công ty	50.149 cp ~ 0,044%	Không có.

**Thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2023:** Ngày 23/4/2022, HĐQT quyết định miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với ông Lê Hữu Hiền vì lý do nghỉ hưu theo chế độ.

### 2.2. SỐ LƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động cuối kỳ ngày 31/12/2023: **10.935 người**



### 2.3. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại VCC, chúng tôi luôn nhận thức con người là nguồn vốn quan trọng của doanh nghiệp (“Human Capital”). VCC đảm bảo cho gần 11.000 người lao động:

- ▶ Được tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN (tổng chi phí phần doanh nghiệp đóng năm 2023: khoảng 200 tỷ đồng). Vì vậy, người lao động được đảm bảo đầy đủ quyền lợi của bảo hiểm khi ốm đau, nghỉ thai sản, tử tuất, tai nạn lao động theo đúng quy định của Nhà nước. Ngoài ra, đối với đối tượng lao động thử việc chưa được tham gia BHXH, VCC chủ động bổ sung chính sách bảo hiểm tai nạn để đảm bảo “lưới an toàn phòng vệ” cho người lao động.
- ▶ Được chi trả tiền lương, thu nhập hàng tháng, quý, năm gắn với kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và kết quả thực hiện công việc của cá nhân. 100% các lĩnh vực đều có cơ chế trả lương riêng, phù hợp với đặc thù của lĩnh vực, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động. Năm 2023, thu nhập bình quân người lao động của VCC là 26,1 triệu đồng/người/tháng, ổn định và tăng nhẹ so với mặt bằng năm 2022 trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường lao động Việt Nam. Nhiều vị trí công việc thiết yếu tại VCC được định vị trả lương ở mức cao so với thị trường lao động, ví dụ: lao động quản lý, lao động trong lĩnh vực vận hành khai thác,... Những người lao động có hiệu suất công việc cao, đóng góp cho Tổng Công ty thì không chỉ có thu nhập cao mà còn được biểu dương, khen thưởng không hạn chế.

- ▶ Được đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, tay nghề. Năm 2023, VCC triển khai chương trình bắt buộc toàn bộ người lao động trong Tổng Công ty phải đảm bảo các chứng chỉ chuyên môn trong nước và nước ngoài để thực hiện công việc, đặc biệt trong lĩnh vực CNTT, xây dựng. Thông qua công tác tuyển dụng, sàng lọc nhân sự yếu kém, đến hết năm 2023, tỷ lệ lao động đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên đã chiếm 75% nhân sự toàn Tổng Công ty, tăng 2% so với năm 2022. Ngoài ra, Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo cán bộ nguồn, đào tạo, thi kiểm tra kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ; trung bình 1 CBNV tại VCC được đào tạo 86h/năm.
- ▶ Được đảm bảo chăm sóc sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, được làm việc trong môi trường làm việc an toàn, được trang bị đầy đủ công cụ dụng cụ, bảo hộ lao động và được đào tạo về an toàn vệ sinh lao động, an toàn điện trước khi làm việc. Trong năm 2023, VCC đã trang bị BHLĐ cho 9.451 người với chi phí 40,7 tỷ đồng; đào tạo an toàn lao động 12.500 lượt với chi phí 1,9 tỷ đồng.
- ▶ Được hưởng những quyền lợi phúc lợi phong phú và đặc thù của Viettel cũng như VCC: nghỉ dưỡng 3 ngày/năm, quà lễ tết cho cá nhân các dịp 30/4 1/5, ngày thành lập Tập đoàn, ngày 2/9, 22/12, Tết dương lịch, Tết nguyên đán; quà và thăm hỏi người thân trong dịp Tết nguyên đán,...



## 3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### 3.1. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Trong năm, TCT đầu tư vào 20 dự án với tổng mức đầu tư 2.210 tỷ đồng. Lũy kế đến 31/12/2023 đã thực hiện được 1.215 tỷ đồng và giải ngân đạt 1.074 tỷ đồng.

### 3.2. CÔNG TY CON VÀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG/TÀI CHÍNH (NGHÌN USD)

TT	TÊN CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT	LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	VỐN GÓP CỦA DOANH NGHIỆP, GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ		VỐN CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY CON	DOANH THU 2023	LNST 2023
			GIÁ TRỊ	TỶ LỆ			
1	Viettel Construction Cambodia	Xây lắp viễn thông và vận hành hạ tầng viễn thông tại thị trường Cambodia	10	100%	859	22.446	854
2	Viettel Construction Myanmar	Xây lắp viễn thông và vận hành hạ tầng viễn thông tại thị trường Myanmar	150	100,0%	1.555	43.524	321



## 4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 4.1. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TH NĂM 2022	TH NĂM 2023	% TĂNG/GIẢM
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	6.060	6.916	14%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	9.467	11.299	19%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	570	647	13%
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	- 0,2	- 2,1	1239%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	570	645	13%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	455	516	13%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	33,10%	29,19%	-12%

Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng tốt.

### 4.2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

TT	CHỈ TIÊU (HỢP NHẤT)	ĐƠN VỊ TÍNH	TH NĂM 2022	TH NĂM 2023	SỐ VỚI 2022
1	Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán				
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,21	1,24	102%
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,01	1,06	105%
2	Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn				
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,73	0,71	98%
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,70	2,48	92%
	- Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	Lần			
	3	Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	12,58	12,94	103%
	- Vòng quay các khoản phải thu	Lần	6,93	6,21	90%
	- Vòng quay các khoản phải trả	Lần	18,84	18,92	100%
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,56	1,63	105%
4	Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời				
	- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,8%	4,6%	95%
	- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	27,8%	25,9%	93%
	- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,5%	7,5%	99%

## 5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### 5.1. THÔNG TIN CƠ BẢN CỔ PHIẾU

- ▶ Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
- ▶ Mã Chứng khoán CTR
- ▶ Sàn giao dịch: HOSE
- ▶ Ngày giao dịch đầu tiên trên UPCOM: 31/10/2017
- ▶ Ngày giao dịch đầu tiên của CP niêm yết trên HOSE: 23/02/2022
- ▶ Số lượng cổ phiếu lưu hành: 1.143.858.790 cổ phiếu
- ▶ Cổ phiếu được tự do chuyển nhượng: 1.143.619.604 cổ phiếu
- ▶ Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 84.056 cổ phiếu trong đó: Hạn chế theo quy chế ESOP phát hành 2020 để chờ thu hồi do CBNV nghỉ việc: 84.056 cổ phiếu.



### 5.2. DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CỦA CỔ PHIẾU

Năm 2023, cổ phiếu CTR đã tăng giá 84,5% so với đầu năm, tốt hơn nhiều so với mức tăng 12% của VNINDEX (Giá đóng cửa ngày 29/12/2023: 91.800 đồng/Cp; Giá đóng cửa ngày 30/12/2022: 49.700 đồng/Cp). Thanh khoản trung bình khoảng 254.000 cp/phiên giảm 53% so với mức trung bình 548.000 cp/phiên năm 2022.



### 5.3. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 01/12/2023

#### 🌀 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO ĐỊA LÝ

TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	TỶ LỆ	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ
<b>1. TRONG NƯỚC</b>	6.358	97%	102.627.641	90%
a. Cá nhân	6.303	96%	18.528.880	16%
b. Tổ chức	55	1%	84.098.761	74%
<b>2. NƯỚC NGOÀI</b>	214	3%	11.758.238	10%
a. Cá nhân	168	3%	719.240	1%
b. Tổ chức	46	1%	11.038.998	10%
<b>Tổng Cộng</b>	<b>6.572</b>	<b>100%</b>	<b>114.385.879</b>	<b>100%</b>

#### 🌀 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG LỚN TRÊN 5%, CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC

TT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	GHI CHÚ
I	Cổ đông nhà nước	0	0%	Không có
II	Cổ đông lớn			
1	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội	75.107.745	65,66%	
2	Nhóm Cổ đông khác nắm trên 5%	6.569.500	5,47%	

#### 🌀 CƠ CẤU THEO LOẠI CỔ PHIẾU

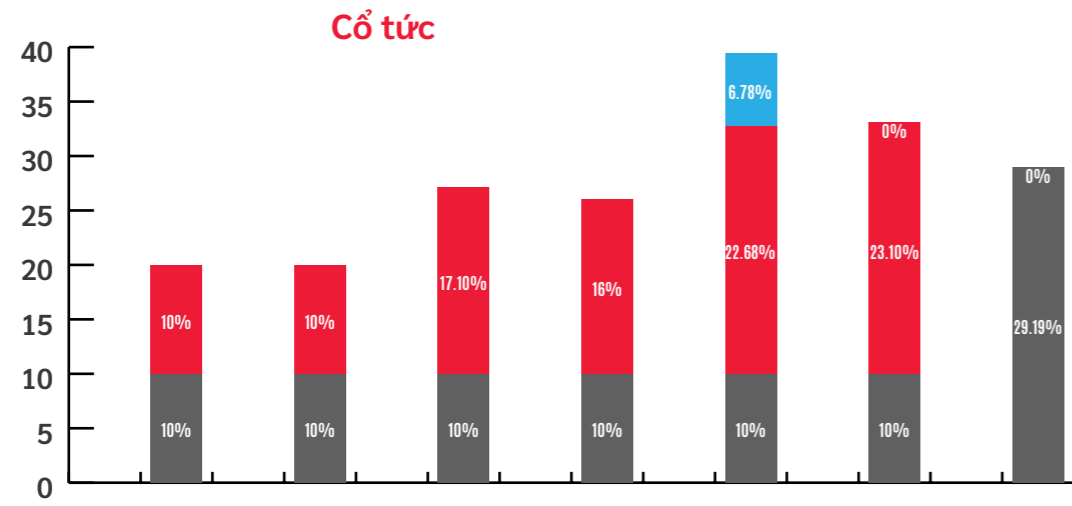
TT	LOẠI CỔ PHIẾU	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Cổ phiếu phổ thông	114.385.879	100%	
2	Cổ phiếu quỹ	0	0%	Trong năm không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.
3	Cổ phiếu đang lưu hành	114.385.879	100%	

## 5.1. THÔNG TIN CƠ BẢN CỔ PHIẾU

THỜI ĐIỂM	MỨC VỐN ĐIỀU LỆ PHÁT HÀNH THÊM (TRIỆU ĐỒNG)	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI PHÁT HÀNH (ĐỒNG)	HÌNH THỨC TĂNG VỐN	CƠ QUAN CHẤP THUẬN
Năm 2010	-	238.000.000.000	Vốn điều lệ tại thời điểm thực hiện cổ phần hóa (Theo GCN ĐKKD ngày 09/06/2010)	► Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/06/2010.
Lần 1 Tháng 04/2015	35.695.650.000	273.695.650.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:15	► ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 322/NQ-CTR-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2014; ► UBCKNN theo Công văn số 1235/UBCK-QLPH ngày 20/03/2015; ► Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 03 ngày 27/07/2015.
Lần 2 Tháng 09/2015	32.835.250.000	306.530.900.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:12	► ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 347/NQ-CTR-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2015; ► UBCKNN theo Công văn số 5655/UBCK-QLPH tháng 04/2015; ► Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 04 ngày 04/02/2016.
Lần 3 Tháng 04/2016	75.979.940.000	382.510.840.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 112:30	► ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 347/NQ-CTR-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2015; ► UBCKNN theo GCN đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 01/GCN-UBCK ngày 13/01/2016; ► Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 05 ngày 28/07/2016.
Lần 4 Tháng 10/2016	45.889.500.000	428.400.340.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10:12	► ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 435/NQ-CTR-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016; ► UBCKNN theo Công văn số 6483/UBCK-QLCB ngày 26/09/2016; ► Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 06 ngày 14/11/2016.
Lần 5 Tháng 06/2017	42.833.070.000	471.233.410.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10:1	► ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 13/NQ-CT-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2017; ► UBCKNN theo Công văn số 2828/UBCK-QLCB ngày 22/05/2017; ► Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 07 ngày 18/08/2017.

Lần 6 Tháng 11/2018	47.117.020.000	518.350.430.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10:1	► ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1192/NQ-CT-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2018; ► UBCKNN theo Công văn số 7322/UBCK-QLCB ngày 29/10/2018; ► Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 11 ngày 17/01/2019.
Lần 7 Tháng 09/2019	88.624.660.000	606.975.090.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:17,1	► ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/NQ-CT-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2019; ► UBCKNN theo Công văn số 4781/UBCK-QLCB ngày 08/08/2019; ► Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 12 ngày 18/10/2019.
Lần 8 Tháng 08/2020	97.106.160.000	704.081.250.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:16	► ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020; ► UBCKNN theo Công văn số 4567/UBCK-QLCB ngày 23/07/2020; ► Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 13 ngày 29/09/2020.
Lần 9 Tháng 11/2020	13.737.030.000	717.818.280.000	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên (ESOP) năm 2020	► ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020; ► UBCKNN theo Công văn số 6395/UBCK-QLCB ngày 26/10/2020; ► Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 14 ngày 15/12/2020.
Lần 10 Tháng 06/2021	211.420.450.000	929.238.730.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:22,676 Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 100:6,782	► ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021; ► UBCKNN theo Công văn số 2753/UBCK-QLCB ngày 10/06/2021; ► Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 16 ngày 02/08/2021.
Lần 11 Tháng 5/2022	214.620.060.000	1.143.858.790.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:23,1	► ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2022; ► UBCKNN theo Công văn số 4265/UBCK-QLCB ngày 06/07/2022; ► Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 17 ngày 10/08/2022.

### 5.5. LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC VÀ TĂNG VỐN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU



	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Tăng vốn từ VCSH	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	6.78%	0.00%	00.00%
Bằng cổ phiếu	10.00%	10.00%	17.10%	16.00%	22.68%	23.10%	00.00%
Bằng tiền	10.00%	10.00%	10.00%	10.00%	10.00%	10.00%	29.19%



## 6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

### THÔNG TIN THEO BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



## PHẦN III

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ  
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## 1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## 1.1. NHỮNG MẶT ĐẠT ĐƯỢC

- ▶ Hoàn thành kế hoạch tất cả các chỉ tiêu SXKD với tốc độ tăng trưởng cao, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động (doanh thu đạt 110%KH, tăng trưởng 21,3%; lợi nhuận trước thuế đạt 105%KH, tăng trưởng 16%; thu nhập bình quân đạt 25,86 triệu/người/tháng, tương đương với thực hiện năm 2022).
- ▶ Các chỉ số tài chính đạt kế hoạch, đảm bảo ở mức an toàn (Dòng tiền ròng đạt 774,3 tỷ tăng trưởng 17% so với thực hiện năm 2022; Vốn chủ sở hữu tăng từ 1.637 tỷ lên 1.988 tỷ; Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu 2,48 lần).
- ▶ Lĩnh vực Vận hành khai thác (VHKT): Đảm bảo chất lượng VHKT hạ tầng mạng lưới Viettel trong nước và nước ngoài (100% các KPIs đạt và tốt hơn target); Năng suất lao động theo hạ tầng tăng 2,4%-3,5% so với N2022; Doanh thu đạt 5.532 tỷ tăng trưởng 13% so TH năm 2022.
- ▶ Lĩnh vực Đầu tư hạ tầng cho thuê: Năm 2023, hoàn thành đầu tư xây dựng và đồng bộ hạ tầng 2.150 trạm BTS, lũy kế sở hữu 6.436 trạm BTS; 2,45 triệu m2 DAS; 2.716 km truyền dẫn treo; 2.716 km truyền

dẫn; 53 hệ năng lượng mặt trời (NLMT) ~ 16,87 MWp. Trở thành TowerCo lớn nhất tại Việt Nam (OCK đứng thứ 2 với 3.240 trạm BTS). Doanh thu đạt 435,4 tỷ, tăng trưởng 39% so với TH năm 2022.

- ▶ Lĩnh vực Xây dựng tiếp tục ghi nhận kết quả ấn tượng trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn: doanh thu đạt 3.538 tỷ, tăng 41% so với thực hiện N2022, ký ~ 2.100 tỷ các hợp đồng dự án lớn (điển hình: DA đồn/trạm biên phòng 200 tỷ, DA Casa Del Rio Hòa Bình > 200 tỷ; DA Luis Hoàng Mai 172 tỷ; DA trường liên cấp tại Hà Nam 89 tỷ...).
- ▶ Nghiên cứu, xúc tiến các hoạt động kinh doanh mang tính chiến lược: Hoạt động Go Global cạnh tranh ra toàn cầu như nghiên cứu, tiếp cận thị trường Úc, Hàn Quốc, Trung Đông và các nước VCC đang kinh doanh (Campuchia, Myanmar). Năm 2023 đã ký 02 hợp đồng thương mại cung cấp sản phẩm cơ khí cho đối tác Hàn Quốc, ký 01 hợp đồng xây dựng trụ sở Mytel tại Myanmar (tổng giá trị hơn 50 tỷ); Thực hiện đầu tư dự án cáp quang dọc cao tốc Bắc – Nam (triển khai giai đoạn 2024-2027 quy mô 56 tuyến ~ 3.559km).



## 1.2. NHỮNG NGUY CƠ, ĐIỂM CẦN CẢI THIỆN

- ▶ Lĩnh vực ĐTHT có tốc độ tăng trưởng 39% nhưng không hoàn thành kế hoạch, doanh thu chỉ đạt 435,4 tỷ/KH 472 tỷ.
- ▶ VCC đã xác định được phát triển kênh bán là nhiệm vụ trọng yếu ngay từ đầu năm nhưng kết quả chưa được như kỳ vọng, doanh thu từ kênh xã hội chỉ đạt 76% mục tiêu (1.700/2.233 tỷ).

## 2. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 2.1. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng Công ty duy trì cơ cấu nguồn vốn, tài sản hợp lý. Tài sản sinh lời tốt ROA ~ 8% cao hơn mức ngành.

Trong năm Tổng Công ty đánh giá lại công nợ và trích lập dự phòng của các đối tượng sau:

PHẢI THU KHÁCH HÀNG	SỐ DỰ CÔNG NỢ	DỰ PHÒNG ĐÃ LẬP
Công ty CP Xây dựng FLC Faros	46.399.570.095	46.399.570.095
Công ty Cổ phần Siêu Chung Kỳ	5.103.917.227	5.103.917.227
Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	32.422.041.661	16.211.020.830
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại tổng hợp Thái Hà	10.403.192.528	10.403.192.528
Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley	20.881.310.422	10.440.655.211
Công ty Cổ phần IDC Đông Dương	6.435.952.975	6.435.952.975
Các đối tượng khác	1.388.288	1.388.288
<b>Tổng</b>	<b>130.211.162.841</b>	<b>103.552.387.501</b>



### 2.2. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tổng Công ty không có nợ quá hạn.

### 2.3. ĐÁNH GIÁ NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Tại VCC, năm 2023 tiếp tục vận dụng tư duy xây dựng giải pháp trên cơ sở 3 cores (Chiến lược – Con người – Thực thi); 4 Factors (Con người – Quy trình – Công nghệ – Quản trị); 3 Keys (Kênh bán – Kênh triển khai – Kênh kiểm soát):



#### 3 CORES (CHIẾN LƯỢC – CON NGƯỜI – THỰC THI)

##### ■ CHIẾN LƯỢC

► Xây dựng chiến lược tổng thể Tổng Công ty với mục tiêu rõ ràng và chiến lược của từng trụ kinh doanh với sản phẩm cụ thể; ứng dụng tư duy mindmap trong xây dựng chiến lược, từ mục tiêu lớn phân tách thành những mục tiêu nhỏ và tìm giải pháp, kế hoạch, hành động cụ thể để thực hiện.

##### ■ CON NGƯỜI

► Chỉ sử dụng những người phù hợp về văn hóa và làm việc vì lợi ích của tổ chức; tiếp tục đẩy mạnh các chương trình truyền thông, giáo dục, ảnh xạ văn hóa doanh nghiệp vào hành động, cư xử hàng ngày của người lao động; Phát triển nguồn lực lãnh đạo và đội ngũ kế cận dựa trên quản trị thành tích, mindset, skill gắn với Balance score card; Xây dựng văn hóa học tập để gia tăng giá trị nhân sự, giá trị tổ chức.

##### ■ THỰC THI

► Không nói lý do, chỉ tìm giải pháp đối với nhiệm vụ được giao; Các nhiệm vụ được giao phải được cụ thể bằng kế hoạch triển khai cụ thể.

#### 4 FACTORS: CON NGƯỜI – QUY TRÌNH – CÔNG NGHỆ – QUẢN TRỊ:

##### ■ CON NGƯỜI

► Con người phù hợp được xem là nguồn vốn quan trọng của doanh nghiệp “Human Capital”, từ đó Xây dựng con người Công trình với 6 NHẤT: Tâm thế tốt nhất – Kỷ luật nghiêm nhất – Tri thức tốt nhất – Thích ứng nhanh nhất – Thực thi tốt nhất - Hiệu quả cao nhất.

► Trong năm 2023, VCC thành công duy trì độ tuổi lao động bình quân nằm trong độ tuổi vàng (~ 33,8 tuổi), 75% có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên và sở hữu 575 chứng chỉ trong nước, quốc tế ở tất cả các ngành nghề, lĩnh vực. Mức độ gắn kết của người lao động cải thiện so với năm 2022 với tỉ lệ nghỉ việc 2023 giảm 5% so với 2022; tỷ lệ nhân sự key nghỉ việc năm 2023 đạt 2,2% (target 3,5%); tỷ lệ nhân sự thành tích cao nghỉ việc năm 2023 đạt 1,8% (target 3,5%); kết quả khảo sát trải nghiệm CBNV năm 2023 cho thấy mức độ tán thành của CBNV ở ngưỡng cao trong tất cả các khía cạnh về tổ chức, công việc và mối quan hệ. Thương hiệu tuyển dụng của VCC tiếp tục được khẳng định giá trị

trên thị trường, vươn lên dẫn đầu ngành, đứng thứ 1 trong ngành Xây dựng/Kiến trúc, đứng thứ 72 trong top 100 Nơi làm việc Tốt nhất Việt Nam khối doanh nghiệp lớn do Công ty Anphabe tổ chức.

#### ■ QUY TRÌNH

- ▶ Tiêu chuẩn hóa các quy trình, số hóa quy trình để kiểm soát tập trung, realtime trên quan điểm số hóa là cách tốt nhất để hiện thực hóa, kiểm soát việc áp dụng các quy trình. Theo đó, năm 2023 đã tiếp tục thực hiện số hóa các quy trình lõi SCOR đạt mức 97% (79/81 quy trình có thể số hóa), số hóa các bước quy trình đạt mức 92% (432/472 bước quy trình có thể số hóa).
- ▶ Sử dụng các công cụ DPCA, SIPOC, 5 WHYS, 5W1H, 4M1L, RISE, 5S, Kaizen, Lean 6 sigma khi lập kế hoạch, phân tích chiến lược, triển khai công việc.

#### ■ CÔNG NGHỆ

- ▶ Xây dựng văn hóa số trên phạm vi toàn Tổng Công ty, tuyên truyền thường xuyên để thay đổi nhận thức của từng CBNV trong TCT, thấm nhuần và hành động theo văn hóa số.
- ▶ Áp dụng công nghệ trong việc số hóa quy trình: năm 2023 đã triển khai 92 use case RPA đạt độ phủ 65% (53/81 quy trình có thể số hóa) ~ 1.2 lần so với kế hoạch 50% năm 2023;
- ▶ Tự động hóa hoạt động quản trị:
  - Ứng dụng công nghệ RPA vào các hoạt động quản trị, SXKD của Tổng Công ty. Xây dựng 275 Usecase áp dụng cho toàn bộ công tác quản trị, hoạt động sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ quy trình áp dụng RPA tự động hóa đạt 70%;
  - Xây dựng hệ thống tự động ghi nhận, quản trị chỉ số Trải nghiệm khách hàng toàn trình và cảnh báo tự động vi phạm KPI trải nghiệm khách hàng cho 100% TTKD trên hệ thống BI.
- ▶ Ứng dụng công nghệ để nâng cao trải nghiệm khách hàng:
  - 100% hệ thống ứng dụng/phần mềm hướng khách hàng theo tiêu chuẩn UI/UX Tập đoàn Viettel; ứng dụng công cụ theo dõi, phân tích hành vi người dùng phục vụ phân tích tự động, gợi ý sản phẩm/dịch vụ và nội dung tiếp thị phù hợp trên ứng dụng Super-app AIO;
  - Nâng cấp các ứng dụng, website cung cấp đến khách hàng & mã hóa dữ liệu khách hàng đảm bảo thực hiện theo đúng Nghị định 13 của Chính phủ, tiêu chuẩn ISO 27001;
  - Chuẩn hóa dữ liệu khách hàng tại 100% hệ thống

phần mềm kinh doanh & đồng bộ, quản lý tập trung tại một hệ thống quản lý thông tin khách hàng (CIM);

#### ■ QUẢN TRỊ

- ▶ Quản trị Tổng Công ty theo thông lệ tốt nhất đối với Công ty đại chúng (vận hành bộ máy QTRR; thành lập bộ máy Kiểm toán nội bộ; công bố thông tin/tài liệu đúng theo quy định của pháp luật);
- ▶ Ứng dụng công nghệ số hóa, tự động hóa trong quản trị: Điều hành và quản trị kết quả SXKD bằng phần mềm (BOC, BI, IMS). 100% lĩnh vực gồm Khách hàng, Nhân sự, Tài chính, Kỹ thuật & Công nghệ thông tin, Đầu tư xây dựng tài sản và Văn phòng đã triển khai các use-case ứng dụng AI nâng cao năng lực Khoa học dữ liệu trong tổ chức;
- ▶ Gắn kết quả SXKD và quản trị rủi ro vào thu nhập, khen thưởng; Xây dựng tổ chức với 6 văn hóa: Văn hóa Lấy khách hàng làm trung tâm; Văn hóa Học tập, Văn hóa Số, Văn hóa Quản trị rủi ro; Văn hóa Thực thi; Văn hóa Quản lý chất lượng.

### 🌸 3 KEYS: KÊNH BÁN - KÊNH TRIỂN KHAI - KÊNH KIỂM SOÁT:

#### ■ KÊNH BÁN

- ▶ **Bán lẻ:** nghiên cứu sâu thị trường và đối thủ; Điều hành và kiểm soát việc tiếp xúc khách hàng bằng WO trên phần mềm; Phát triển kênh cộng tác viên và đại lý; Thực hiện các chương trình bán chéo sản phẩm giữa các trụ. Lấy chỉ tiêu phát triển số lượng khách hàng và APRU làm gốc.
- ▶ **Dự án:** xây dựng bộ phận quan hệ khách hàng chuyên nghiệp từ cấp Trung tâm tới cấp CNCT; Tiếp xúc, xây dựng mối quan hệ với chính quyền địa phương nắm bắt thông tin dự án; Tiếp xúc các trường học, bệnh viện, cửa hàng chuỗi, ngân hàng... hợp tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ (GPTH, DVKT, XDDD).

#### ■ KÊNH TRIỂN KHAI

- ▶ Vận hành mô hình chuỗi cung ứng quy hoạch đối tác, thầu phụ, nhà cung cấp vật tư nâng cao năng lực cạnh tranh.
- ▶ Tổ chức bộ máy thực thi làm tốt ngay từ đầu theo quy trình, KPI, điều hành sâu đến mức huyện đảm bảo tiến độ, chất lượng theo hợp đồng.

#### ■ KÊNH KIỂM SOÁT

- ▶ Kiểm soát đa kênh: Hệ thống quy trình – Giám sát trực tiếp – Hệ thống phần mềm IOC. Xây dựng văn hóa quản lý chất lượng, lấy khách hàng làm trung tâm.

## 2.4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

### A. DỰ BÁO VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

- ▶ Theo mục tiêu và dự báo của Chính phủ, năm 2024 nền kinh tế Việt Nam có thể sẽ tăng trưởng cao hơn (từ 6-6,5%). Tuy nhiên nền kinh tế vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, thậm chí còn nhiều hơn năm 2023: thị trường trái phiếu và bất động sản còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, các chính sách tiền tệ chưa phát huy hiệu quả như kỳ vọng, nhu cầu thị trường trong nước thu hẹp, chiến tranh, xung đột giữa các nước lớn ngày càng phức tạp và khó lường ảnh hưởng tới giá cả nguyên nhiên vật liệu và chuỗi cung ứng toàn cầu.
- ▶ Các chính sách thúc đẩy kinh tế của Nhà nước về thu hút nước ngoài, tháo gỡ khó khăn cho mảng

bất động sản, tăng lương cơ sở cùng với kỳ vọng khởi sắc về thị trường bán lẻ sẽ đem lại cho VCC cơ hội tiếp tục tăng trưởng mảng xây dựng dân dụng và GP, DVKT.

- ▶ Bộ Giao thông vận tải chấp thuận Viettel triển khai thực hiện các tuyến ngắm dọc cao tốc Bắc – Nam => Cơ hội VCC đầu tư cấp ngắm dọc cao tốc.
- ▶ Tập đoàn Viettel đẩy mạnh kinh doanh các dịch vụ gắn liền với hộ gia đình, bổ sung hạ tầng mạng lưới sẵn sàng tắt 2G và triển khai dịch vụ 5G => Cơ hội bổ sung nguồn việc cho các mảng VHKT, Xây lắp viễn thông và đầu tư hạ tầng.

### B. CHỦ TRƯỞNG, ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2024

- ▶ Văn hóa doanh nghiệp trong TCT đạt mức trưởng thành 5/5, mọi hoạt động kinh doanh phải dựa trên nền tảng văn hóa “Chất lượng” và “Lấy khách hàng làm trung tâm” tạo nên lợi thế cạnh tranh với các đối thủ.
  - ▶ Đồng bộ chính sách tiền lương, thu nhập tại các cấp phải gắn với kết quả SXKD, tăng cường thực tế cả 2 chiều (trên – xuống; dưới – lên).
  - ▶ Tiếp tục tập trung cải thiện chất lượng dịch vụ, cải tiến công cụ và đầu tư công nghệ mới trong các hoạt động SXKD để hoàn thiện dịch vụ, tăng năng suất lao động đảm bảo tốc độ tăng trưởng bền vững của VCC:
- **VHKT:** đảm bảo TCT có thể chủ động thực hiện các dịch vụ VHKT cho hạ tầng 5G ngay khi được đưa vào kinh doanh.

→ **ĐTHT:** Mục tiêu 4.000 trạm xã hội hóa trong năm, bám chặt vào chiến lược 5G, nghiên cứu đánh giá để đưa ra các đề xuất, tư vấn cho Tập đoàn về phương án triển khai đầu tư, nâng cấp, điều chỉnh thiết kế loại trạm phù hợp với xu hướng của thế giới.

→ **Xây dựng B2B:** đánh giá khả năng và cơ hội cạnh tranh của VCC với các doanh nghiệp lớn trên thị trường (Top 3) để xác định mức độ tập trung nguồn lực cho lĩnh vực này.

→ **Xây dựng B2C:** Đẩy mạnh chiến lược kinh doanh kiến trúc, nội thất, phủ rộng công trình tới mức xã.

→ **GP&DVKT:** Nghiên cứu xây dựng cách thức bundle các dịch vụ của Viettel (tài chính, viễn thông, giải pháp tích hợp...), đóng gói thành hệ sinh thái hoàn chỉnh.

### C. CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH

TT	TÊN CHỈ TIÊU	TH 2023	KH 2024	So với 2023	
				Δ	%Δ
I	Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)				
1	Tổng doanh thu	11.398,6	12.653,0	1.254,4	11,0%
2	Tổng chi phí	10.753,8	11.982,0	1.228,2	11,4%
3	LNTT	644,8	671,4	26,6	4,1%
4	LNST	515,9	531,7	15,8	3,1%
II	Chỉ tiêu hiệu quả (%)				
1	ROA	7,95%	6,80%	-1,2%	-14,5%
2	ROE	28,46%	24,70%	-3,8%	-13,2%



TT	CHỈ TIÊU CÔNG TY MẸ	TH 2023	KH 2024	So với 2023	
				Δ	%Δ
I	Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)				
1	Tổng doanh thu	9.847,9	11.262,0	1.414	14,4%
2	Tổng chi phí	9.225,5	10.624,0	1.399	15,2%
3	LNTT	622,4	638,0	16	2,5%
4	LNST	500,3	509,2	9	1,8%
II	Chỉ tiêu hiệu quả (%)				
1	ROA	8,32%	7,00%	-1,3%	-15,9%
2	ROE	28,71%	24,70%	-4,0%	-14,0%

#### D. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2024

- ▶ Thực hiện chiến lược Go Global: Ký hợp đồng kinh tế với 1-2 đối tác nước ngoài.
- ▶ Vận hành khai thác: Đảm bảo chất lượng mạng theo yêu cầu của chủ đầu tư, mục tiêu mở rộng tối thiểu 1 đối tác ngoài Tập đoàn.
- ▶ Mở rộng hoạt động kinh doanh ngoài Tập đoàn, doanh thu đạt 5.188 tỷ, tăng trưởng 17% so năm 2023.
- ▶ Giữ vững thị phần Towerco số 1 Việt Nam, tìm kiếm mặt bằng và triển khai thi công ĐBHT 4.000 vị trí mới, triển khai đầu tư hệ thống cáp quang tuyến đường cao tốc Bắc – Nam thi công xong giai đoạn 1 (389 km).
- ▶ Số 1 toàn quốc về độ phủ công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ gắn liền với thiết kế smart, xanh, nội thất và thiết bị gia dụng.
- ▶ Đa dạng hóa các dự án Xây dựng B2B, nhất là các dự án lớn, trọng điểm như hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển, các công trình giao thông, xây lắp và truyền tải điện, xây dựng các tòa nhà cao tầng...
- ▶ Trở thành nhà phân phối toàn trình lớn nhất: Thiết kế giải pháp – Phân phối/OEM sản phẩm – Giao nhận – Lắp đặt – Bảo dưỡng/sửa chữa.

#### E. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CÁC LĨNH VỰC

##### ■ VẬN HÀNH KHAI THÁC:

- ▶ Triển khai chính thức phương án OFT (lực lượng kỹ thuật thuê ngoài) trên toàn quốc bao gồm cả OFT dây máy và nhà trạm).
- ▶ Đầu tư và sử dụng tối đa các công cụ phần mềm vào hỗ trợ lực lượng FT và phân tích số liệu đa chiều, tăng hiệu quả công việc.
- ▶ Xúc tiến hợp tác, khai thác nguồn việc từ các đối tác tiềm năng (Mobifone, FPT, CMC, VTV cab, Vingroup...).

##### ■ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG CHO THUÊ:

- ▶ Chuyển mảng xây lắp viễn thông sang Trung tâm ĐTHT quản lý, điều hành để đảm bảo tập trung và tối ưu nguồn lực.
- ▶ Tổ chức tiếp xúc với các khách hàng có nhu cầu NLMT tại khu vực phía Nam là các khu công nghiệp, khu chế xuất, các cơ sở kinh doanh tiêu thụ nhiều năng lượng, đánh giá hiệu quả để triển khai đầu tư.
- ▶ Đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới vào các công trình viễn thông nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản hoặc tối ưu chi phí đầu tư.

##### ■ XÂY DỰNG:

- ▶ Tổ chức, xây dựng cơ chế chính sách cho việc phát triển kênh bán hiệu quả, điều hành bám sát mục tiêu 5 hợp đồng xây dựng B2C/tỉnh/tháng.
- ▶ Đẩy mạnh kinh doanh sản phẩm nội thất đưa vào công trình.
- ▶ Tham gia các dự án trọng điểm cấp quốc gia để lan tỏa thương hiệu VCC như Sân bay Long Thành, DA kho Miếu Môn, gói DA 500KV truyền tải điện, các dự án nhà cao tầng...
- ▶ Dịch chuyển về mặt mô hình: phát triển CNCT thành doanh nghiệp có năng lực về xây dựng, khối trung tâm đóng vai trò GSM hỗ trợ, hướng dẫn tham gia thầu, tổ chức triển khai dự án.

##### ■ GIẢI PHÁP VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT:

- ▶ Quy hoạch sản phẩm, xây dựng chính sách bán hàng theo từng vùng, từng đối tượng khách hàng. Đẩy mạnh các chương trình marketing nhận diện thương hiệu aiosmart.
- ▶ Đảm bảo lực lượng kênh triển khai, bố trí tối thiểu 2 FT3/1 TTQH trọng điểm, tối thiểu 1 FT3/TTQH còn lại.
- ▶ Xây dựng hệ thống các trạm bảo hành trên toàn quốc, xử lý sự cố 24h.

### 3. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

KHÔNG CÓ. BCKT CHẤP NHẬN TOÀN BỘ.

### 4. ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY

Năm 2023, lần đầu tiên VCC triển khai xây dựng và phát hành Báo cáo phát triển bền vững như một sự cam kết về việc thực thi các trách nhiệm liên quan về môi trường và xã hội của Tổng Công ty.

#### 4.1. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

VCC nhận thức bảo vệ môi trường là một trong các yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp phát triển bền vững. VCC áp dụng ISO 14001:2015 và ISO 14064-1:2018 vào việc xác định các khía cạnh môi trường có ý nghĩa, giám sát và kiểm kê khí nhà kính. Mục tiêu của chúng tôi là:

- Không có vi phạm pháp luật liên quan đến môi trường
- Không có phản ánh/khiếu nại của cộng đồng xung quanh về môi trường
- Không có sự cố môi trường

#### 4.2. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

VCC nhận thức con người phù hợp được xem là nguồn vốn quan trọng của doanh nghiệp, “con người” là nhân tố đầu tiên trong 4 nhân tố quyết định giải pháp cho các vấn đề kinh doanh tại VCC (con người – quy trình – công nghệ - quản trị). Vì vậy, mọi chính sách

của VCC đều được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ các tác động đến người lao động, đảm bảo quyền lợi chính đáng, hợp pháp cho người lao động; xây dựng và duy trì môi trường làm việc nơi mà mọi CBNV cảm thấy hạnh phúc, được tôn trọng, được phát huy hết khả năng của mình để đóng góp vào sự phát triển chung. Năm 2023, VCC tiếp tục duy trì thành tích top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, và đứng đầu trong ngành Xây dựng/Kiến trúc theo khảo sát do Công ty tư vấn Anphabe tổ chức.

#### 4.3. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Phương châm kinh doanh: Là doanh nghiệp kinh doanh và có trách nhiệm với xã hội. VCC đã và đang áp dụng hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội hướng tới mục tiêu 3P (People – Profit – Planet) để đưa VCC trở thành một doanh nghiệp phát triển bền vững và vì xã hội. Với mỗi cá nhân trong CTR luôn nhận thức được trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với quyền và lợi ích của bản thân. Hoạt động xã hội: Tài trợ người nghèo, đối tượng chính sách, hội bảo trợ trẻ mồ côi, hội người khuyết tật, hội chữ thập đỏ, hội cựu chiến binh, tài trợ cho các trường học, bệnh viện ...



## 1. ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

### 1.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Môi trường kinh tế vĩ mô đã có nhiều khởi sắc: Môi trường lãi suất thấp, Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công, Ngành bất động sản có tăng trưởng trở lại trong quý cuối năm, Tổng mức bán lẻ cải thiện dần... khó khăn nhất đã qua tuy nhiên vẫn cần thời gian để các doanh nghiệp hồi phục và mở rộng sản xuất. Lĩnh vực viễn thông tiếp tục cạnh tranh mạnh, chủ đầu tư tiếp tục yêu cầu cao hơn về chất lượng dịch vụ.
- Năm 2023, Tổng Công ty chủ trương phát triển kinh doanh bền vững gắn liền trách nhiệm xã hội, xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp gắn chặt với kết cấu tổ chức. Vận hành tổ chức theo định hướng chuyển dịch số và chú trọng vào công tác xây

dựng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với văn hóa và chiến lược kinh doanh. Về chiến lược tiếp tục tìm kiếm không gian kinh doanh mới, định hướng Go Global.

- Kết quả năm 2023, doanh thu tổng Tổng Công ty lần đầu tiên vượt mốc 10.000 tỷ đồng, giữ vững vị trí số 1 towerco tại Việt Nam và cũng là năm Tổng Công ty tiếp tục bội thu các danh hiệu, giải thưởng trong và ngoài nước (16 giải thưởng, danh hiệu trong và ngoài nước (05 giải thưởng mới lần đầu). Tiêu biểu giải thưởng như: Top 3 midcap được yêu thích nhất; Global CSR & ESG Summit and Awards 2023; Top 50 Forbes; Top 500 DN lợi nhuận tốt nhất...



PHẦN IV

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG TỔNG CÔNG TY

## 1.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### A. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

- ▶ Tổng doanh thu hợp nhất năm 2023 đạt 11.399 tỷ đồng hoàn thành 110% kế hoạch, tăng trưởng 20% so với cùng kỳ 2022.
- ▶ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2023 đạt 515,9 tỷ đồng hoàn thành 106% kế hoạch, tăng trưởng 13% so với cùng kỳ 2022.
- ▶ Riêng Công ty mẹ: Tổng doanh thu đạt 9.848 tỷ đồng hoàn thành 106% kế hoạch; LNST đạt 500,3 tỷ đồng hoàn thành 106% kế hoạch; ROE đạt 28,7% hoàn thành 104% kế hoạch.

### B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC ĐỊNH HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Trong năm 2023, Tổng Công ty đã thực hiện tốt theo đúng các định hướng và nhiệm vụ trọng tâm được giao:

- ▶ Tiếp tục khẳng định và giữ vững vị thế số 1 Việt Nam trong lĩnh vực vận hành khai hạ tầng mạng lưới viễn thông và Towerco. Hạ tầng sở hữu đến cuối năm 2023: 6.436 trạm BTS; 1,87 triệu m2 DAS; 2,716 km truyền dẫn; 16,87 mwp điện mặt trời.
- ▶ Số 1 về độ phủ công trình xây dựng riêng lẻ tại Việt Nam: Tỷ lệ công trình phủ huyện đạt 97,4%; phủ xã đạt 23,6%.
- ▶ Mức độ trưởng thành số đạt mức 3.63/5 - ADVANCING - NÂNG CAO. Hệ thống QTRR đạt mức Thực thi 4/5. Mức độ trưởng thành văn hóa doanh nghiệp đạt 5.0.
- ▶ Định hướng mở rộng không gian kinh doanh: Định hướng Go Global - Xúc tiến nghiên cứu thị trường tại Úc.

### C. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG GIAO

#### ▶ LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022:

→ Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát tổ chức và quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty năm 2023 là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

#### ▶ CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2022 TRONG NĂM 2023:

Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2023 thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10% và cổ phiếu tỷ lệ 21,51%. Tuy nhiên, do hồ sơ phát hành cổ phiếu trả cổ tức UBCK không chấp thuận nên sau đó theo Nghị quyết số 38/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/12/2023 đã điều chỉnh phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 21,51% thành chi trả cổ tức còn lại bằng tiền tỷ lệ 19,19%. Như vậy, năm 2022 tổng cổ tức Tổng Công ty thực hiện chi trả theo NQ của Đại hội cổ đông là 29,19%. Thời gian chi trả như sau:

→ Trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% lần 1: 114,39 tỷ đồng. Thời gian chi trả: 31/07/2023.

→ Trả cổ tức bằng còn lại năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 19,19%: 219,51 tỷ đồng. Thời gian chi trả: 06/02/2024.

#### ▶ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ:

→ Không thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 38/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/12/2023.

#### ▶ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ:

→ Ngay sau khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty, Người đại diện theo pháp luật đã ký và công bố thông tin trên website theo đúng quy định.

#### ▶ THỰC HIỆN GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI LIÊN QUAN:

Được sự đồng ý của ĐHĐCĐ theo Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2023 và Nghị quyết số 38/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/12/2023, Người đại diện theo pháp luật của TCT đã ký kết các hợp đồng với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội trong năm 2023 như sau:

→ Tham gia dự thầu 07 gói thầu cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026: Trúng 6/7 gói thầu đã ký 6 hợp đồng với Tổng Công ty Viễn thông Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội với tổng giá trị là 15.850 tỷ đồng.

→ Hợp đồng, giao dịch có giá trị  $\geq 35\%$  tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất

• Hợp đồng số 281201-ĐTTS/VTT-VCC/2023 về việc Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 14 tỉnh trung du và miền núi phía Bắc. Giá trị hợp đồng: 2.445.697.814.156 đồng.

• Hợp đồng số 281202-ĐTTS/VTT-VCC/2023 về việc Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 15 tỉnh đồng bằng sông Hồng. Giá trị hợp đồng: 4.797.795.517.294 đồng.

• Hợp đồng số 281206-ĐTTS/VTT-VCC/2023 về việc Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Giá trị hợp đồng: 3.295.943.136.328 đồng.

→ Hợp đồng, giao dịch mang tính chất thường xuyên, liên tục có giá trị  $< 35\%$  tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất: Năm 2023, tổng số các hợp đồng có giá trị  $< 35\%$  tổng giá trị tài sản/từng giao dịch của TCT đã được ký kết là 4.759 hợp đồng/giao dịch, với tổng giá trị 7.265.422.615.388 đồng.



## 2. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 2.1. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, HĐQT đã thực hiện giám sát Ban Điều hành tổ chức triển khai và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT cũng như việc chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty định kỳ và đột xuất.

Năm 2023, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát và chỉ đạo Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc:

- ▶ Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
- ▶ Nâng cao thực hành quản trị công ty tích hợp ESG.
- ▶ Nghiên cứu thị trường mở rộng không gian tăng trưởng (Go Global).
- ▶ Triển khai mô hình tổ chức kế toán phân tán và rà soát

việc xác định kết quả/hiệu quả sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực/đơn vị.

- ▶ Rà soát các quy chế quản lý nội bộ, pháp lý liên quan đến các sản phẩm mang thương hiệu VCC.
- ▶ Nghiên cứu và xây dựng chiến lược kinh doanh đến năm 2030 với mục tiêu doanh thu đạt từ 25.000 đến 30.000 tỷ đồng.
- ▶ Rà soát công nợ, đánh giá khả năng thu hồi nợ để đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- ▶ Báo cáo các nội dung xin ý kiến cổ đông liên quan thấu vận hành khai thác giai đoạn 2024-2026.
- ▶ Điều chỉnh phương án chi trả cổ tức năm 2022 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- ▶ Triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

### 2.2. ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ▶ Ban Điều hành quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu và thực hiện tốt các nhiệm vụ HĐQT đề ra.
- ▶ Ban Điều hành duy trì việc báo cáo HĐQT tình hình SXKD, tiến độ thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và xin ý kiến HĐQT các nội dung theo đúng thẩm quyền.

- ▶ Tổ chức kinh doanh đảm bảo được hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng cao trong nhiều năm.
- ▶ Chủ động trong hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, hoạt động truyền thông, lan tỏa văn hóa doanh nghiệp, văn hóa số và văn hóa quản trị rủi ro. Tích cực đóng góp và tham gia thực hành quản trị Tổng Công ty hướng tới phát triển bền vững.



## 3. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HĐQT

### 3.1. ĐỊNH HƯỚNG - NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2024

- ▶ Vượt qua thử thách - Đẩy mạnh đầu tư - Phát triển bền vững.
- ▶ Nâng tỷ trọng doanh thu ngoài Viettel lên tỷ trọng 40%.
- ▶ Go Global: Ký và thực hiện 01-02 hợp đồng với các đối tác nước ngoài.
- ▶ Đồng bộ hạ tầng và cho thuê 4.000 trạm BTS mới.
- ▶ Vận hành tổ chức theo tiêu chuẩn quốc tế, vận hành hiệu quả mô hình hạch toán tại trung tâm kinh doanh, chi nhánh tỉnh/TP và Lan tỏa văn hóa doanh nghiệp ra bên ngoài.

#### VỚI TỪNG LĨNH VỰC:

**A. VẬN HÀNH KHAI THÁC:** Sẵn sàng về năng lực để vận hành mạng lưới 5G ngay khi đưa dịch vụ 5G vào thương mại hóa. VHKT cho 1 nhà mạng viễn thông khác ngoài Viettel.

**B. ĐẦU TƯ HẠ TẦNG:** Triển khai đầu tư hạ tầng nhanh đảm bảo tiến độ, hiệu quả và với thiết kế phù hợp với thế giới.

#### C. XÂY DỰNG:

→ **B2B:** Lọt top doanh nghiệp lớn nhất trên thị trường xây dựng dân dụng.

→ **B2C:** Độ phủ công trình số 1 tại Việt Nam, hoàn thiện hệ sinh thái “Smart”, “Xanh” và “Khép kín”.

**D. GIẢI PHÁP VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT:** Trở thành nhà phân phối toàn trình lớn nhất (Thiết kế giải pháp, phân phối sản phẩm, lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa).

### 3.2. CÁC CHỈ TIÊU SXKD CHÍNH NĂM 2024 (SỐ LIỆU HỢP NHẤT)

- ▶ Tổng doanh thu: 12.653 tỷ đồng tăng trưởng 11% so với năm 2023.
- ▶ Lợi nhuận sau thuế: 531,7 tỷ đồng, tăng trưởng 3% so với năm 2023.
- ▶ Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến: 20%.
- ▶ Trong đó: Tổng doanh thu của Công ty mẹ: 11.262 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ: 509,2 tỷ đồng; ROE đạt 22,45%.



# QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

## 1. HĐQT VÀ CÁC TIỂU BAN

### 1.1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày 18/04/2023, tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ đã miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 theo đó: Bà Vũ Thị Mai được bầu vào HĐQT thay cho Bà Nghiêm Phương Nhi.

HĐQT bao gồm 5 thành viên: Đỗ Mạnh Hùng – Chủ tịch HĐQT; Phạm Đình Trường; Vũ Thị Mai; Nguyễn Tất Trường và Nguyễn Quang Khải (Thành viên độc lập HĐQT). Chi tiết:

THÀNH VIÊN	CHỨC DANH	TUỔI	TRÌNH ĐỘ/ CHUYÊN MÔN	THỜI GIAN THAM GIA HĐQT	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN/ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN	NĂM GIỮ CHỨNG KHOÁN KHÁC DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH	CHỨC DANH QUẢN LÝ TẠI ĐƠN VỊ KHÁC
<b>ĐỖ MẠNH HÙNG</b>	Chủ tịch HĐQT	50	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư điện tử viễn thông	22/04/2022	13.547 cp ~ 0,012%	Không có	Không có
<b>PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG</b>	Thành viên HĐQT kiêm TGD	44	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, cử nhân Công nghệ thông tin	26/01/2019	20.332 cp ~ 0,018%	Không có	Không có
<b>VŨ THỊ MAI</b>	Thành viên HĐQT	44	Thạc sỹ Quản trị nhân lực; quản trị kinh doanh	18/04/2023	1.924 cp ~ 0,002%	Không có	Không có
<b>NGUYỄN TẤT TRƯỜNG</b>	Thành viên HĐQT	45	Thạc sỹ quản trị kinh doanh; Cử nhân Công nghệ thông tin	19/06/2018	8.316 cp ~ 0,007%	Không có	Không có
<b>NGUYỄN QUANG KHẢI</b>	Thành viên độc lập HĐQT	50	Kỹ sư Điện tử viễn thông	22/04/2022	0 cp ~ 0%	Không có	Thành viên HĐQT 01 đơn vị khác: Công ty Cổ phần DMSpro; Giám đốc Công nghệ Công ty NGS Digital

Số cổ phiếu theo Danh sách cổ đông chốt ngày 01/12/2023.



## KINH NGHIỆM VÀ LÝ LỊCH TÓM TẮT:

### ÔNG ĐỖ MẠNH HÙNG

- ▶ 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực điện tử viễn thông.
- ▶ Ông đã từng trải qua nhiều chức danh quan trọng tại các Công ty: PTGD Tổng Công ty Mạng lưới Viettel; Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT Tổng Công ty Đầu tư Quốc Tế Viettel (VTG); Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thương mại và XNK Viettel.



### ÔNG PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG

- ▶ 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực điện tử viễn thông.
- ▶ Ông từng trải qua nhiều chức danh quan trọng tại các công ty: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel; Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viễn thông Viettel.



### BÀ VŨ THỊ MAI

- ▶ 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, quản trị nhân lực.
- ▶ Bà trải qua nhiều chức vụ: Giảng viên học viện tài chính; Trưởng phòng hợp tác quốc tế BIDV; Phó giám đốc học viện Viettel; chức danh tại Ban Tổ chức nhân lực – Tập đoàn Viettel và hiện nay vẫn đang giữ chức vụ Trưởng Ban Tổ chức nhân lực – Tập đoàn Viettel.



### ÔNG NGUYỄN TẮT TRƯỜNG

- ▶ 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực điện tử; kỹ thuật.
- ▶ Ông trải qua nhiều chức danh tại Tổng Công ty Mạng lưới Viettel như: Trưởng phòng kỹ thuật; Trưởng phòng kiểm soát nội bộ.



### ÔNG NGUYỄN QUANG KHẢI

- ▶ 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT.
- ▶ Ông trải qua nhiều chức danh quan trọng tại các Công ty: Giám đốc tư vấn giải pháp – Oracle Việt Nam; Kiến trúc sư trưởng – SAP Việt Nam; Phó tổng giám đốc Công nghệ – Adayroi – Vingroup; Giám đốc điều hành kiêm thành viên HĐQT – DMS pro



## 1.2. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban thuộc HĐQT: Tiểu ban thư ký HĐQT.

Tiểu ban Thư ký HĐQT giúp việc cho HĐQT trong việc tổ chức các phiên họp HĐQT, tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên; đảm bảo các hoạt động như công bố thông tin,... tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế của Tổng Công ty cũng như cung cấp thông tin phù hợp, đầy đủ, chính xác, kịp thời.

Ngoài ra tiểu ban thư ký HĐQT sẽ đảm nhiệm phụ trách bộ phận IR của Tổng Công ty. Phụ trách bộ phận IR của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel là Ông Phạm Hồng Quân – Trưởng tiểu ban thư ký HĐQT.

Thông tin liên hệ bộ phận IR:

Điện thoại: 0862081111

Email: ir.viettelconstruction@viettel.com.vn hoặc quanph7@viettel.com.vn



## 1.3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2023, HĐQT Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel đã tổ chức 09 phiên họp (trong đó: 04 phiên biểu quyết tại cuộc họp và 05 phiên lấy ý kiến

bằng văn bản) thông qua 25 Nghị quyết/Quyết định nhằm quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các nội dung cụ thể như sau:

PHIÊN HỌP	HÌNH THỨC/ THÀNH PHẦN THAM DỰ	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
Phiên 01: Ngày 13/02/2023	Họp trực tiếp: HĐQT: 5/5	02/NQ-VCC	Thông qua chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023; Thông qua kế hoạch lao động, tiền lương năm 2023 của công ty mẹ; Thông qua kế hoạch năm 2023 của TV HĐQT chuyên trách.	100%
		03/NQ-VCC	Triển khai phương án mua lại cổ phiếu ESOP của CBNV nghỉ việc	100%
Phiên 02: Từ ngày 22/02/2023 – 28/02/2023	Xin ý kiến bằng văn bản	05/NQ-VCC	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với ông Lê Hữu Hiến	100%
Phiên 03: Từ ngày 21/03/2023 – 27/03/2023	Xin ý kiến bằng văn bản	07/NQ-VCC	Thông qua tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
		08/NQ-VCC	Thông qua chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023; Thông qua kế hoạch lao động, tiền lương năm 2023 của công ty mẹ; Thông qua kế hoạch năm 2023 của TV HĐQT chuyên trách.	100%
		09/NQ-VCC	Phê duyệt Quyết toán Quý tiền lương thực hiện năm 2022	100%

PHIÊN HỌP	HÌNH THỨC/ THÀNH PHẦN THAM DỰ	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
Phiên 04: Ngày 17/05/2023	Họp trực tiếp: HĐQT: 5/5	13/NQ-VCC	Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT	100%
		14/QĐ-VCC	Phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2023	100%
		15/QĐ-VCC	Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2023”	100%
		16/QĐ-VCC	Ban hành Quy chế hoạt động của Tiểu ban Thư ký HĐQT	100%
		17/NQ-VCC	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022	100%
Phiên 05: Từ ngày 14/06/2023 – 19/06/2023	Xin ý kiến bằng văn bản	19/NQ-VCC	Lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2023	100%
		20/NQ-VCC	Chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền	100%
		21/NQ-VCC	Điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022	100%
Phiên 06: Ngày 12/07/2023	Họp trực tiếp: HĐQT: 5/5	23/NQ-VCC	Thông qua KH 6 tháng cuối năm 2023	100%
		24/NQ-VCC	Phân cấp thẩm quyền giữa HĐQT và TGD	100%
Phiên 07: Từ ngày 12/10/2023 – 17/10/2023	Xin ý kiến bằng văn bản	26/NQ-VCC	Chấm dứt đầu tư tại Peru	100%
		27/QĐ-VCC	Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư điện năng lượng mặt trời áp mái bán điện cho chủ mái năm 2023”	100%
		28/NQ-VCC	Tiếp tục bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật đối với ông Phạm Đình Trường	100%
		29/NQ-VCC	Lùi thời gian chi trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu; Kế hoạch lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	100%
Phiên 08: Ngày 01/11/2023	Họp trực tiếp: HĐQT: 5/5	31/NQ-VCC	Thông qua kế hoạch SXKD Quý 4 năm 2023	100%
		32/NQ-VCC	Sáp nhập Trung tâm Giải pháp tích hợp và Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật thành Trung tâm Giải pháp và dịch vụ kỹ thuật	100%
		33/NQ-VCC	Thay đổi ngày đăng ký cuối cùng để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
Phiên 09: Từ ngày 28/11/2023 – 04/12/2023	Xin ý kiến bằng văn bản	35/NQ-VCC	Thông qua nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
		36/QĐ-VCC	Ban hành quy trình kiểm toán nội bộ	100%

## ĐÁNH GIÁ HĐQT TRONG NĂM

### A. ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

- ▶ Trong bối cảnh nền kinh tế Việt nam phục hồi chậm trong năm 2023 và còn nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp, Tổng công ty vẫn xuất sắc hoàn thành các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt đáng khích lệ là tỷ trọng doanh thu ngoài Tập đoàn tăng vượt mức kế hoạch. Đây là kết quả của công tác tổ chức quản lý điều hành sát sao nhạy bén của ban lãnh đạo tổng công ty và nỗ lực của toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên.
- ▶ HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ giám sát chỉ đạo ban điều hành thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT cũng như điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT. Chủ tịch HĐQT sâu sát cùng các thành viên HĐQT làm việc trực tiếp với các trụ kinh doanh tại Tổng công ty cũng như các chi nhánh Công trình Viettel tỉnh/TP để lắng nghe các ý kiến phản hồi từ đội ngũ trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cơ sở về các yếu tố tác động bên ngoài như thị trường, khách hàng, đối thủ cũng như các quy định chính sách nội bộ của Tổng công ty. HĐQT cũng luôn trăn trở và trực tiếp tham gia cùng ban Điều hành tìm kiếm các mô hình kinh doanh mới đặc biệt là chú trọng vào chiến lược Go Global của Tổng công ty.

### B. ĐÁNH GIÁ CHUNG HOẠT ĐỘNG HĐQT

- ▶ Trong năm 2023, HĐQT đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của HĐQT, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành trong việc tổ chức, điều hành hoàn thành các mục tiêu và kế hoạch đã đề ra. Bên cạnh hoạt động tuân thủ, HĐQT đã tập trung nghiên cứu, định hướng và chỉ đạo Tổng Công ty thực hiện một số hoạt động:
  - ▶ Nâng cao thực hành quản trị công ty tích hợp ESG.
  - ▶ Nghiên cứu thị trường mở rộng không gian tăng trưởng, chiến lược Go Global.

- ▶ Triển khai mô hình tổ chức kế toán phân tán và đánh giá hiệu quả kinh doanh theo từng lĩnh vực/trung tâm.
- ▶ Định hướng xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh đến năm 2030.
- ▶ Điều chỉnh phương án chi trả cổ tức năm 2022 đảm bảo quyền lợi cổ đông và tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua giao dịch với Viettel.
- ▶ Rà soát pháp lý cho việc kinh doanh sản phẩm mang thương hiệu ViettelConstruction và rà soát đánh giá hoạt động quản lý thu hồi nợ, quản lý hàng tồn kho.

### C. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TỪNG THÀNH VIÊN

- ▶ Thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.
- ▶ Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:
  - Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty trong việc triệu tập, tổ chức các chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết đúng quy định của pháp luật. Bên cạnh đó Chủ tịch trực tiếp thực hiện đi thực tế cơ sở từ đó xây dựng, điều chỉnh và thực hiện một số chuyên đề lớn mang tính chiến lược cho Tổng Công ty.
  - Thành viên HĐQT chuyên trách hoàn thành nhiệm vụ theo phân công của HĐQT, kiểm soát tốt công tác công bố thông tin theo quy định và giám sát, đánh giá liên quan đến hoạt động của kiểm soát nội bộ Tổng Công ty.
  - Các thành viên HĐQT khác đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có những đóng góp sáng tạo, kịp thời đối với hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT, góp phần hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2023.



## 1.4. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Năm 2023, thành viên độc lập HĐQT là ông Nguyễn Quang Khải đã tham gia 100% các phiên họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến quan trọng vào xây dựng

hệ thống quản trị, đề xuất các mô hình kinh doanh mới cho Tổng Công ty.

## 1.5. ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Có 3/5 thành viên HĐQT Tổng Công ty đã hoàn thành khóa học “Chương trình Chứng nhận Thành viên HĐQT” do Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD) cấp.

Năm 2023, Hội đồng quản trị và Ban điều hành, Ban Kiểm soát đã tích cực tham gia các khóa đào tạo, các buổi tọa đàm nhằm bổ sung kiến thức pháp luật, quản trị. Cụ thể như sau:

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TỔ CHỨC
1	21/02/2023	Directors Talk #7: Rủi ro và Thách thức đối với hoạt động của HĐQT trong doanh nghiệp niêm yết - Sẵn sàng cho kỳ ĐHCĐ thường niên năm 2023.	VIOD
2	07/03/2023	Hội thảo với chủ đề “Thực hành Quản trị công ty tốt vượt trên tuân thủ - Tạo giá trị phát triển bền vững từ tư duy lãnh đạo đột phá”	VIOD
3	15/3/2023	Directors Talk #8: Xu hướng QTCT toàn cầu - Doanh nghiệp Việt Nam cần chuẩn bị gì trong xu thế tích hợp ESG?	VIOD
4	20-22/04/2023	Chương trình Chứng nhận Thành viên HĐQT - DCP 17.	VIOD
5	26/5/2023	Directors Talk #9: Ai hay AI trong HĐQT?	VIOD
6	02/06/2023	Hội thảo “Thông lệ tốt xây dựng Hệ thống Kiểm soát nội bộ phục vụ Báo cáo tài chính”	CFO Việt Nam
7	21/06/2023	Hội nghị lưu ý về các sai phạm liên quan đến tính tuân thủ pháp luật chứng khoán phát hiện qua quá trình kiểm tra, giám sát; các sai sót trong lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty đại chúng, công ty niêm yết.	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
8	14/07/2023	Chương trình tập huấn đánh giá, công bố các doanh nghiệp bền vững và một số vấn đề trong quản trị doanh nghiệp bền vững.	VCCI
9	07/12/2023	Hội thảo Vượt bão từ chiến lược đến hành động.	Viện nghiên cứu phát triển lãnh đạo chiến lược

## 2. BAN KIỂM SOÁT

### 2.1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN	CHỨC DANH	TÓM TẮT LÝ LỊCH	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN/ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN	NĂM GIỮ CHỨNG KHOÁN KHÁC DO CÔNG TY PHÁT HÀNH
<b>NGÔ QUANG TUỆ</b>	Trưởng Ban kiểm soát	19/6/2018 ĐHCĐ bầu ông vào Ban kiểm soát Tổng Công ty (nhiệm kỳ 2015-2020); ngày 6/6/2020 được ĐHCĐ tín nhiệm bầu lại nhiệm kỳ 2020-2025.	5.034 cp ~ 0,004%	Không có.
<b>PHẠM HỒNG QUÂN</b>	Thành viên BKS	19/6/2018 ĐHCĐ bầu ông vào Ban kiểm soát Tổng Công ty (nhiệm kỳ 2015-2020); ngày 6/6/2020 được ĐHCĐ tín nhiệm bầu lại nhiệm kỳ 2020-2025.	3.027 cp ~ 0,003%	Không có.
<b>MAI THỊ ANH</b>	Thành viên BKS	19/6/2018 ĐHCĐ bầu Bà vào Ban kiểm soát Tổng Công ty (nhiệm kỳ 2015-2020); ngày 6/6/2020 được ĐHCĐ tín nhiệm bầu lại nhiệm kỳ 2020-2025.	1.562 cp ~ 0,001%	Không có.

Số cổ phiếu theo Danh sách cổ đông chốt ngày 01/12/2023.

### BAN KIỂM SOÁT



**NGÔ QUANG TUỆ**  
Trưởng Ban kiểm soát



**MAI THỊ ANH**  
Thành viên BKS



**PHẠM HỒNG QUÂN**  
Thành viên BKS



## 2.2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tổng số cuộc họp đã tiến hành trong năm 2023 tổng 05/05 cuộc, cụ thể:

PHIÊN HỌP	THÀNH PHẦN THAM DỰ	NỘI DUNG CUỘC HỌP	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT
Phiên 1: Ngày 03/01/2023	03/03	<ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Đánh giá kết quả hoạt động giám sát Quý 4/2022 và năm 2022 của Ban kiểm soát;</li> <li>▶ Lập kế hoạch hoạt động giám sát của BKS năm 2023 và giải pháp thực hiện;</li> <li>▶ Thẩm định Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất Quý 4.2022 và năm 2022;</li> <li>▶ Lập kế hoạch làm việc với Công ty kiểm toán AASC thông qua các kiến nghị của kiểm toán BCTC năm 2022;</li> <li>▶ Lập Báo cáo ĐHCĐ thường niên năm 2023;</li> <li>▶ Giám sát hoạt động công bố thông tin đối với giao dịch của người có liên quan và hợp đồng với các bên có liên quan.</li> </ul>	100%
Phiên 2: Ngày 03/04/2023	3/3	<ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Đánh giá kết quả hoạt động Quý 1 năm 2023 của Ban kiểm soát.</li> <li>▶ Thẩm định Báo cáo tài chính Riêng, Hợp nhất năm 2022 trước và sau kiểm toán độc lập và Quý 1.2023.</li> <li>▶ Hợp báo cáo kết quả và kế hoạch hoạt động thông qua ĐHCĐ thường niên năm 2023;</li> <li>▶ Giám sát triển khai mô hình hạch toán mới tại các đơn vị;</li> <li>▶ Tổ chức giám sát chuyên đề, đi thực tế thông qua để xuất từ hoạt động giám sát.</li> </ul>	100%
Phiên 3: Ngày 19/05/2023	3/3	<ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Thống nhất kết quả Báo cáo giám sát quý 1.2023 và kế hoạch Quý 2.2023;</li> <li>▶ Giám sát báo cáo tình hình kết quả kinh doanh, tài chính năm 2022;</li> <li>▶ Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu và Kế hoạch 6 tháng cuối năm.</li> <li>▶ Thống nhất các tiêu chí lựa chọn đơn vị soát xét BCTC 2023;</li> <li>▶ Giám sát công tác triển khai mô hình hạch toán mới tại các đơn vị.</li> <li>▶ Lập kế hoạch đi thực tế 02 đơn vị nhận diện tình hình.</li> </ul>	100%

PHIÊN HỌP	THÀNH PHẦN THAM DỰ	NỘI DUNG CUỘC HỌP	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT
Phiên 4: Ngày 10/07/2023	3/3	<ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Đánh giá kết quả hoạt động Quý 2 và 6 tháng đầu năm 2023.</li> <li>▶ Xây dựng nội dung kế hoạch hoạt động Quý 3.2023.</li> <li>▶ Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023.</li> <li>▶ Triển khai nhiệm vụ Quý 3, phân công các đầu mối thực hiện.</li> <li>▶ Thẩm định báo cáo tài chính bán niên trước và sau kiểm toán độc lập;</li> <li>▶ Lập kế hoạch đi thực tế kiểm tra, khảo sát 02 đơn vị (CNCT Hải Phòng và CNCT Quảng Ninh) nhận diện vấn đề.</li> </ul>	100%
Phiên 5: Ngày 07/10/2023	3/3	<ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Đánh giá kết quả hoạt động Quý 3 và 9 tháng đầu năm 2023;</li> <li>▶ Xây dựng nội dung kế hoạch hoạt động Quý 4.2023.</li> <li>▶ Báo cáo kết quả Quý 3 và 9 tháng đầu năm, kế hoạch Quý 4.2023.</li> <li>▶ Thẩm định báo cáo tài chính quý 3;</li> <li>▶ Lập kế hoạch đi thực tế làm việc tại các Chi nhánh (Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên).</li> <li>▶ Giám sát chuyên đề tình hình kinh doanh, tài chính 6 tháng đầu năm 2023 =&gt; đánh giá hiệu quả các trụ, lĩnh vực kinh doanh.</li> <li>▶ Giám sát hoạt động kinh doanh tài chính 9 tháng đầu năm 2023: Quản lý nợ, hàng hóa, vật tư, tài sản đầu tư,....</li> <li>▶ Giám sát hoạt động khắc phục tồn tại sau kết luận thanh kiểm tra.</li> <li>▶ Giám sát tình hình kinh doanh tài chính tại 01 công ty con.</li> </ul>	100%

## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

### 1 GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

Năm 2023, tình hình kinh tế, chính trị thế giới còn nhiều biến động: chiến tranh Nga và Ukraina, Hamas và Israel, lạm phát, đứt chuỗi cung ứng toàn cầu,... Trước tình hình đó, HĐQT/BĐH đã chủ động nỗ lực, điều hành đưa ra các giải pháp triển khai hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính của ĐHĐCĐ giao, mọi hoạt động kinh doanh được đảm bảo an toàn và phát triển nguồn vốn theo đúng quy định của Pháp luật.

### 2 GIÁM SÁT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ▶ Tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ đúng quy trình, quy định của Pháp luật, tối thiểu 01 cuộc/quý; nội dung các cuộc họp đảm bảo có chuyên đề, nội dung chương trình họp cụ thể; các ý kiến phát biểu nêu rõ những hạn chế, nguyên nhân, đề xuất giải pháp thực hiện.
- ▶ Giám sát công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023; giám sát việc phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- ▶ Giám sát tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 12/2023;
- ▶ Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ và việc công bố thông tin xem xét các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan.
- ▶ Định hướng công tác quản trị công ty, quản trị rủi ro theo chiều sâu, có tính dài hạn phù hợp với xu thế phát triển của Tổng Công ty và thị trường.
- ▶ Đảm bảo hành lang pháp lý hoạt động:
  - » Phê duyệt chiến lược, ban hành các quy chế thuộc thẩm quyền.
  - » Phê duyệt mô hình tách sáp nhập các trung tâm thành hệ sinh thái kinh doanh hoàn chỉnh, phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh.

Công bố thông tin kịp thời theo quy định Pháp luật.

- ▶ Tổ chức bộ máy quản trị theo quy định pháp luật: HĐQT có 05/05 thành viên (trong đó: 01 thành viên độc lập theo quy định).

### 3 GIÁM SÁT BAN ĐIỀU HÀNH

- ▶ Tuân thủ nghiêm Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023, kết quả chỉ tiêu tài chính và chỉ tiêu hiệu quả vượt chỉ tiêu kế hoạch giao, cụ thể:

#### Kết quả kinh doanh, tài chính:

- » Tổng Doanh thu đạt 110,3%/Kế hoạch, tăng trưởng 21,2% so với cùng kỳ.
- » Lợi nhuận trước thuế đạt 105,2% so với kế hoạch, tăng 16,3% so cùng kỳ.
- » Dòng tiền ròng đạt 102%/ kế hoạch tăng 19% cùng kỳ.
- » Tiền lương bình quân đạt 21,6 triệu đồng/người/tháng, đạt 100%, tăng 0,6%/cùng kỳ.

**Chỉ tiêu hiệu quả:** Các chỉ số Ebitda, ROA, ROE đều vượt trên 100%/kế hoạch và đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng tốt.

- ▶ Về phương hướng nhiệm vụ năm 2024: nêu rõ mục tiêu, định hướng, Ban TGD đi cơ sở nắm, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn.
- ▶ Ứng dụng công nghệ như phần mềm: BIM; IOC và BI/iBOC... Áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng: ISO: 22301; 26000; 14000 và SA8000... số hóa kịp thời các quy trình, đào tạo, kiểm tra thi 100% đến cán bộ nhân viên.
- ▶ Chuyển dịch lĩnh vực ngành nghề kinh doanh: xây dựng bộ máy, đẩy mạnh việc nghiên cứu, đưa các tiêu chuẩn kỹ thuật, đăng ký thương hiệu, theo quy định.
- ▶ Tuân thủ pháp luật:
  - » Ban hành các quy trình, quy định, định mức tiêu chuẩn.
  - » Tổ chức bộ máy quản trị rủi ro với 03 tuyến phòng vệ; thành lập 82 Điều phối viên QTRR (tương ứng với 82 đầu mối) được đào tạo, đánh giá năng lực ngành dọc; Xây dựng dung văn hóa quản trị rủi ro: các chuyên đề, số tay, casestudy; đồng thời hoàn thiện QT QTRR đến cấp đơn vị; mức độ trưởng thành đạt 4/4 điểm và hoàn thiện chỉ số KPI quản trị rủi ro.
  - » Chỉ đạo mọi hoạt động kinh doanh phải tuân thủ, thượng tôn Pháp luật.
  - » Xây dựng hoàn thành mô hình hạch toán quản trị mới, xác định kết quả kinh doanh đến từng lĩnh vực, từng đơn vị.

### 4 GIÁM SÁT CỔ ĐÔNG

- ▶ Giám sát về lợi ích của các cổ đông lớn và những người có liên quan thông qua các hợp đồng giao dịch, bán đấu giá.
- ▶ Giám sát các hợp đồng giao dịch với các bên liên quan theo quy định.

## 2.3. SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

### 1 Phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị

- ▶ Mọi hoạt động đảm bảo độc lập, khách quan, tuân thủ Quy chế, Nghị quyết.
- ▶ Công tác phối hợp chặt chẽ, đảm bảo luồng thông tin minh bạch.
- ▶ Các hoạt động quản trị được chú trọng thông qua các báo cáo đánh giá hiệu quả.
- ▶ BKS luôn nhận được Giấy mời tham dự các cuộc họp HĐQT và các tài liệu, thông tin liên quan phục vụ cuộc họp trước khi diễn ra.

### 2 Phối hợp hoạt động với Ban Điều hành

- ▶ Cơ sở dữ liệu, báo cáo kịp thời, độc lập khách quan, minh bạch thông tin.
- ▶ Cảnh báo, kiến nghị kịp thời nhằm ngăn ngừa những rủi ro có thể xảy ra.
- ▶ Phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện hoạt động chuyên môn.
- ▶ Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời về thông tin phục vụ yêu cầu của Ban Kiểm soát.

### 3 Phối hợp hoạt động với các cán bộ quản lý khác

- ▶ Đảm bảo cơ sở dữ liệu cung cấp kịp thời, qua hoạt động giám sát chuyên sâu.
- ▶ Giám sát các hoạt động tuân thủ quy trình, quy định, cảnh báo kịp thời.



## 2.4. HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

- ▶ Giám sát hoạt động các giao dịch đối với người có liên quan 4.759 hợp đồng năm 2023:
  - » Nhỏ hơn 35% TTS theo BCTC gần nhất: là 4.756 hợp đồng, chủ yếu là hợp đồng liên quan đến vận hành, củng cố mạng lưới, xây lắp hạ tầng, trạm phát sóng,...
  - » Lớn hơn 35% TTS theo BCTC gần nhất: là 03 hợp đồng với Tổng Công ty Viễn thông Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.
- ▶ Tìm hiểu Pháp luật, tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên sâu phân tích, quản trị.
- ▶ Đi thực tế kiểm tra, giám sát các trung tâm, chi nhánh công trình Viettel tỉnh/Thành phố, nhằm phát hiện những hạn chế, cảnh báo kịp thời.

### 3. GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO

#### 3.1. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT.

Giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS được chi tiết trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023:

HỌ TÊN	CHỨC DANH	LƯƠNG/THÙ LAO NĂM 2023
<b>Ông Đỗ Mạnh Hùng</b> (Bổ nhiệm ngày 22/04/2022)	Chủ tịch HĐQT	<b>3.852.829.279</b>
<b>Ông Nguyễn Quang Khải</b> (Bổ nhiệm ngày 22/04/2022)	Thành viên HĐQT	<b>264.000.000</b>
<b>Ông Nguyễn Tất Trường</b>	Thành viên HĐQT	<b>1.145.612.720</b>
<b>Bà Nghiêm Phương Nhi</b> (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)	Thành viên HĐQT	<b>28.000.000</b>
<b>Bà Vũ Thị Mai</b> (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)	Thành viên HĐQT	<b>56.000.000</b>
<b>Ông Phạm Đình Trường</b>	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	<b>5.229.256.481</b>
<b>Ông Nguyễn Thái Hưng</b>	Phó ổng Giám đốc	<b>3.270.764.967</b>
<b>Ông Nguyễn Huy Dũng</b>	Phó Tổng Giám đốc	<b>3.270.764.967</b>
<b>Ông Lê Hữu Hiến</b> (Miễn nhiệm ngày 01/03/2023)	Phó Tổng Giám đốc	<b>553.488.828</b>
<b>Bà Đào Thu Hiền</b>	Phó Tổng Giám đốc	<b>3.270.764.967</b>
<b>Ông Ngô Quang Tuệ</b>	Trưởng Ban KS	<b>1.133.121.653</b>
<b>Ông Phạm Hồng Quân</b>	Thành viên Ban KS	<b>701.430.719</b>
<b>Bà Mai Thị Anh</b>	Thành viên Ban KS	<b>397.111.207</b>

#### 3.2. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỞNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
1	Nguyễn Thái Hưng	Phó TGD	98.996	0,09%	74.496	0,07%	Bán: 24.500 cổ phiếu
2	Nguyễn Thị Nhài	Vợ TV HĐQT Nguyễn Tất Trường	2.331	0,00%	0	0,00%	Bán: 2.331 cổ phiếu

#### 3.3. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Theo phụ lục đính kèm.

#### 3.4. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị công ty và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật cho công ty đại chúng.



PHẦN VI

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 45
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 45

1

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH NN MTV Công trình Viettel sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 135/QĐ-BQP ngày 15/01/2010 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình Viettel thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) thành Công ty Cổ phần. Tổng Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Công trình Viettel thành Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 19/06/2018, hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 09/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 10/08/2022.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty đặt tại số 6 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Mạnh Hùng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Khải	Thành viên	
Ông Nguyễn Tất Trường	Thành viên	
Ông Phạm Đình Trường	Thành viên	
Bà Vũ Thị Mai	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2023)
Bà Nguyễn Phương Nhi	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2023)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Đình Trường	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thái Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Huy Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đào Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Hữu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2023)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Quang Tuệ	Trưởng ban
Ông Phạm Hồng Quân	Thành viên
Bà Mai Thị Anh	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

2

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo chế độ lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tại đây, Ban Tổng Giám đốc,  


**Phạm Đình Trường**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

3



Số: 150324.039/BCTC.KT6

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel được lập ngày 15 tháng 03 năm 2024, từ trang 5 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá giá trị thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0744-2023-002-1  
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

**Hoàng Đức Anh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 4876-2024-002-1

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

aasc.com.vn AASC AUDITING FIRM

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	01/01/2023	
			31/12/2023	(Đã điều chỉnh)
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>5.613.796.175.151</b>	<b>5.009.963.242.010</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>818.525.481.502</b>	<b>413.861.121.979</b>
111	1. Tiền		518.525.481.502	263.861.121.979
112	2. Các khoản tương đương tiền		300.000.000.000	150.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>1.000.000.000.000</b>	<b>1.222.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	<b>4</b>	1.000.000.000.000	1.222.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.924.190.538.709</b>	<b>2.471.687.422.167</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<b>5</b>	1.978.364.543.283	1.660.092.970.924
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	<b>6</b>	245.478.200.650	145.414.213.725
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	<b>7</b>	803.900.182.277	693.136.375.745
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<b>8</b>	(103.552.387.501)	(26.956.138.227)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>789.970.134.518</b>	<b>818.866.205.996</b>
141	1. Hàng tồn kho		808.823.531.292	839.765.852.740
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(18.853.396.774)	(20.899.646.744)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>81.110.020.422</b>	<b>83.548.491.868</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	<b>14</b>	81.110.020.422	81.603.252.638
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	<b>18</b>	-	1.945.239.230
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.302.012.628.638</b>	<b>1.050.049.134.079</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>284.556.699.923</b>	<b>374.255.456.016</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>11</b>	261.538.671.066	345.044.655.145
222	- Nguyên giá		740.194.216.248	717.717.320.115
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(478.655.545.182)	(372.672.664.970)
227	2. Tài sản cố định vô hình	<b>12</b>	23.018.028.857	29.210.800.871
228	- Nguyên giá		53.507.223.798	50.854.212.719
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(30.489.194.941)	(21.643.411.848)
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>829.293.428.954</b>	<b>562.548.375.246</b>
231	- Nguyên giá		1.164.214.426.790	754.013.373.444
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(334.920.997.836)	(191.464.998.198)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>152.511.648.595</b>	<b>93.602.531.054</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>10</b>	152.511.648.595	93.602.531.054
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>35.650.851.166</b>	<b>19.642.771.763</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>14</b>	34.957.349.509	19.642.771.763
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	<b>33</b>	693.501.657	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>6.915.808.803.789</b>	<b>6.060.012.376.089</b>

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	01/01/2023	
			31/12/2023	(Đã điều chỉnh)
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.927.834.123.248</b>	<b>4.422.921.386.354</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>4.535.464.435.083</b>	<b>4.139.842.500.551</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	<b>16</b>	581.155.900.848	518.872.943.502
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	<b>17</b>	660.847.773.848	404.574.778.485
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<b>18</b>	168.741.450.765	104.068.206.717
314	4. Phải trả người lao động		804.481.906.278	742.019.222.332
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	<b>19</b>	693.430.648.630	765.687.505.959
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	<b>21</b>	163.071.860.105	103.116.358.852
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	<b>20</b>	237.767.256.489	277.526.601.361
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	<b>15</b>	1.195.895.559.062	1.196.684.057.443
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	<b>22</b>	9.085.539.741	7.645.560.576
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		20.986.539.317	19.647.265.324
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>392.369.688.165</b>	<b>283.078.885.803</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	<b>20</b>	14.664.000.000	14.247.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	<b>15</b>	377.705.688.165	268.831.885.803
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.987.974.680.541</b>	<b>1.637.090.989.735</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23</b>	<b>1.987.974.680.541</b>	<b>1.637.090.989.735</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.143.858.790.000	1.143.858.790.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.143.858.790.000	1.143.858.790.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(15.000.000)	(15.000.000)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		31.117.966.390	4.444.473.473
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		813.012.924.151	488.751.824.367
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		297.135.153.647	33.596.633.428
421b	LNST chưa phân phối năm nay		515.877.770.504	455.155.190.939
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	50.901.895
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.915.808.803.789</b>	<b>6.060.012.376.089</b>

**Dương Văn Khiết**  
Người lập biểu

**Bùi Duy Bảo**  
Kế toán trưởng

**Phạm Đình Trường**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	
			Năm 2023 VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	11.298.950.641.691	9.466.997.451.987
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.298.950.641.691	9.466.997.451.987
11	4. Giá vốn hàng bán	26	10.406.923.625.512	8.710.415.826.649
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		892.027.016.179	756.581.625.338
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	97.125.701.649	27.209.582.580
22	7. Chi phí tài chính	28	93.271.291.919	24.247.418.911
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		84.837.242.075	23.036.834.469
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	248.927.530.279	189.088.231.316
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		646.953.895.630	570.455.557.691
31	11. Thu nhập khác	30	2.821.202.051	1.095.349.823
32	12. Chi phí khác	31	4.962.920.976	1.255.335.941
40	13. Lợi nhuận khác		(2.141.718.925)	(159.986.118)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		644.812.176.705	570.295.571.573
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32	129.827.907.858	113.448.466.450
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33	(693.501.657)	1.662.466.796
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		515.877.770.504	455.184.638.327
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		515.877.770.504	455.155.190.939
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	29.447.388
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	4.510	3.979

Dương Văn Khiết  
Người lập biểu

Bùi Duy Bảo  
Kế toán trưởng



Phạm Đình Trường  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

7

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	
			Năm 2023 VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		644.812.176.705	570.295.571.573
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		258.401.642.671	206.442.863.972
03	- Các khoản dự phòng		75.989.978.469	32.256.829.962
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(694.282.670)	728.145.288
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(96.307.794.199)	(25.468.252.582)
06	- Chi phí lãi vay		84.837.242.075	23.036.834.469
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		967.038.963.051	807.291.992.682
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(524.543.828.035)	(861.044.938.908)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		15.799.429.064	(253.241.452.178)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		338.518.427.652	576.199.823.077
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(14.821.345.530)	(13.758.137.732)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(85.731.858.827)	(20.915.408.047)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(57.677.862.332)	(107.575.383.402)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(65.469.627.902)	(54.724.549.723)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		573.112.297.141	72.231.945.769
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(483.442.221.964)	(406.520.385.050)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.222.000.000.000)	(1.652.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.444.000.000.000	530.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		102.106.621.595	8.605.926.554
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(159.335.600.369)	(1.519.914.458.496)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.455.208.243.463	1.322.688.329.908
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.347.122.939.482)	(37.291.965.423)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(117.393.347.350)	(91.877.102.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.308.043.369)	1.193.519.261.735
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		404.468.653.403	(254.163.250.992)

8

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	
			Năm 2023 VND	(Đã điều chỉnh) VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		413.861.121.979	668.144.408.661
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		195.708.120	(120.035.690)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	818.525.481.502	413.861.121.979

Dương Văn Khiết  
Người lập biểu

Bùi Duy Bảo  
Kế toán trưởng



Phạm Đình Trường  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

9

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2023

### 1 .ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH NN MTV Công trình Viettel sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 135/QĐ-BQP ngày 15/01/2010 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình Viettel thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) thành Công ty Cổ phần. Tổng Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Công trình Viettel thành Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 19/06/2018, hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 09/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 10/08/2022.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty đặt tại số 6 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn góp của chủ sở hữu Tổng Công ty là 1.143.858.790.000 VND; tương đương 114.385.879 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 10.977 người và 1.788 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 10.755 người và 1.663 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, vận hành khai thác mạng viễn thông, kinh doanh hạ tầng cho thuê và kinh doanh hàng hóa thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng nhà các loại, công trình đường sắt, đường bộ, công trình công ích và công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông;
- Lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng và kinh doanh các thiết bị điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, thiết bị truyền thông;
- Hoạt động kinh doanh Hạ tầng cho thuê: Trạm BTS, DAS, Ngầm hóa; Kinh doanh năng lượng điện mặt trời;
- Hoạt động viễn thông có dây, viễn thông không dây;
- Kinh doanh xây lắp, bảo dưỡng vận hành mạng lưới.

#### Cấu trúc tập đoàn

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1. Viettel Construction Cambodia	Thủ đô Phnôm - Pênh, Campuchia	100,00%	100,00%	Quản lý thi công lắp đặt công trình điện tử, viễn thông
2. Viettel Construction Myanmar	Thủ đô Pyinmana, Myanmar	100,00%	100,00%	Quản lý thi công lắp đặt công trình điện tử, viễn thông

Trong năm 2023, Tổng Công ty đã tiến hành giải thể 03 công ty con tại Peru, Mozambique và Lào.

10

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### 2 .CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

#### 2.1 .Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 .Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 2.3 .Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

#### 2.4 .Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính tỷ lệ phần trăm hoàn thành của doanh thu;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

11

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

#### 2.5 .Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

#### 2.6 .Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá thực tế.

#### 2.7 .Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### 2.8 .Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

12



**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí của các công trình, hợp đồng đang thực hiện dở dang hoặc đã hoàn thành nhưng chưa được chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán, được tập hợp theo từng hợp đồng ký với chủ đầu tư. Đối với các công việc Tổng Công ty tự thực hiện, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là tập hợp chi phí, khối lượng đã thực hiện tại các trung tâm, chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Đối với các công việc thuê ngoài thực hiện, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được ghi nhận khi hạng mục công trình đã được nghiệm thu và khối lượng thực hiện đã được chấp nhận thanh toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

13

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 năm

## 2.13 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Hệ thống trạm BTS DAS	05 - 10 năm
- Các tuyến ngầm hóa	06 - 10 năm

## 2.14 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.15 . Thuế hoạt động

Thuế hoạt động là loại hình thuế tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuế hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm;

14

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

- Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê văn phòng, thuê địa điểm đặt trạm và thuê vị trí khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 12 tháng.

## 2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.18 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

## 2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa và các khoản phải trả khác như chi phí xây lắp, chi phí vận hành khai thác, chi phí lãi vay phải trả,.... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hoặc chi phí xây dựng cơ bản dở dang của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.21 . Nguyên tắc xác định quỹ lương

Quỹ tiền lương được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 121/2016/NĐ-CP ngày 24/08/2016 của Chính phủ về việc thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội giai đoạn 2016 - 2020, Nghị định số 74/2020/NĐ-CP ngày 01/07/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 121/2016/NĐ-CP, Nghị định số 82/2021/NĐ-CP ngày 06/09/2021 của Chính phủ kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 121/2016/NĐ-CP và Nghị định 74/2020/NĐ-CP.

## 2.22 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:  
- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;  
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;  
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Các loại dự phòng phải trả của Tổng Công ty bao gồm:

- Dự phòng bảo hành dịch vụ kỹ thuật bao gồm dịch vụ sửa chữa, thay thế vật tư thiết bị và vận hành bảo dưỡng thiết bị điện dân dụng, vận hành hệ thống pin mặt trời (solar care) và các dịch vụ liên quan khác được trích lập theo tỷ lệ 1,0% giá trị hợp đồng. Thời hạn bảo hành từ 72 giờ đối với dịch vụ bảo dưỡng vật tư, thiết bị và tối đa 06 tháng đối với dịch vụ lắp đặt mới, thay thế vật tư, thiết bị.
- Dự phòng bảo hành công trình được trích lập theo tỷ lệ từ 0,5% đến 1,0% giá trị công trình dựa trên đặc điểm của từng công trình và chi phí bảo hành thực tế. Thời hạn bảo hành cho từng hạng mục công trình tối đa 12 tháng.
- Dự phòng bảo hành hàng hóa thương mại và giải pháp tích hợp được trích lập theo tỷ lệ 0,5% giá trị hợp đồng. Thời hạn bảo hành tối đa 12 tháng.
- Dự phòng bảo hành khác được trích lập theo tỷ lệ từ 0,5% đến 5,0% giá trị hợp đồng. Thời hạn bảo hành tối đa 12 tháng.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

**2.23. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê hạ tầng, vị trí đặt trạm.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.24. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**2.25. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.27. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.28. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**c. Chính sách Ưu đãi thuế**

Tổng Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế như sau:

Văn bản	Tóm tắt các ưu đãi thuế	Thời hạn hiệu lực
Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài Chính	Tổng Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án điện mặt trời thuộc ngành nghề "Sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch" theo mức thuế suất 10%/năm.	Trong vòng 15 năm tính từ năm 2020

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**d. Thuế suất thuế TNDN hiện hành**

Ngoài hoạt động được hưởng ưu đãi thuế nêu trên, chi phí thuế TNDN hiện hành của Tổng Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất như sau:

Tên đơn vị	Thuế suất
- Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	20%
- Viettel Construction Cambodia	20%
- Viettel Construction Myanmar	25%

**2.29. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.30. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.31. Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.152.907.017	4.206.769.904
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	513.725.492.678	251.407.196.997
Tiền đang chuyển	3.647.081.807	8.247.155.078
Các khoản tương đương tiền (*)	300.000.000.000	150.000.000.000
	<b>818.525.481.502</b>	<b>413.861.121.979</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,4%/năm đến 5,0%/năm.

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4 . ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi trong kỳ tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,9%/năm đến 10,2%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn được dùng để bảo đảm cho các khoản vay: 695.000.000.000 VND. (Thuyết minh 15 - Vay, tại Phụ lục số 03).

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>976.423.815.125</b>	<b>839.802.831.545</b>
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	403.709.598.861	427.853.264.536
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	186.690.474.914	152.076.928.777
- Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội	39.989.807.112	39.823.307.097
- Công ty Quản lý Tài sản Viettel	2.380.840.526	2.322.805.400
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	153.214.695.401	20.478.162.595
- Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	34.489.876.811	91.051.871.662
- Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	1.809.438.086	1.612.815.012
- Công ty TNHH Viettel - CHT	1.057.655.610	3.525.518.700
- Công ty Star Telecom	-	701.180.989
- Metfone (Campuchia)	49.006.758.774	38.014.119.812
- Movitel (Mozambique)	11.003.496.185	2.770.958.115
- Telecom International Myanmar Company Limited	2.764.456.880	3.644.808.783
- Các Chi nhánh Viettel tỉnh	90.306.715.965	55.927.090.067
<b>Bên khác</b>	<b>1.001.940.728.158</b>	<b>820.290.139.379</b>
- Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	46.399.570.095	49.749.570.095
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tổng hợp Thái Hà	10.403.192.528	10.403.192.528
- Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	32.802.000.000	32.802.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển đô thị Hoàng Mai	335.628.861.755	286.255.110.201
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tài Phát	18.657.769.639	3.002.226.487
- Công ty TNHH Delta – Valley Bình Thuận	32.422.041.661	33.031.374.986
- Công ty Cổ phần Vinhomes - Chi nhánh Hưng Yên	45.895.093.106	43.503.104.089
- Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley	20.881.310.422	15.183.195.943
- Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Bất động sản Hà An	18.693.668.740	-
- Công ty Cổ phần Tổng công ty MBLand	58.906.299.167	-
- Công ty TNHH Tập đoàn Công trình Xi măng C-HOPE	8.211.628.585	13.968.361.390
- Các khách hàng khác	373.039.292.460	332.392.003.660
	<b>1.978.364.543.283</b>	<b>1.660.092.970.924</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Tập đoàn CCD Việt Nam (1)	3.212.410.484	3.212.410.484
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Trường Thịnh (2)	1.495.021.277	-
- Công ty Cổ phần Phát triển An Nam	-	3.816.795.126
- Công ty Cổ phần VINAECO	-	3.251.544.439
- Các nhà cung cấp khác (3)	240.770.768.889	135.133.463.676
	<b>245.478.200.650</b>	<b>145.414.213.725</b>

19

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)**

- (1) Khoản ứng trước tiền về việc cung cấp nhân công thi công Xây dựng Khu đô thị mới Hoàng Văn Thu - Hoàng Mai - Hà Nội (Thuyết minh 09).
- (2) Khoản ứng trước về mua từ nguồn tích hợp phục vụ triển khai dự án hạ tầng trạm BTS (Thuyết minh 10).
- (3) Chủ yếu là khoản ứng trước tiền cho Nhà thầu thực hiện thi công công trình và mua thiết bị, vật tư, hàng hóa cho các dự án của Tổng Công ty và các công ty con.

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tạm ứng (*)	707.018.537.383	617.198.019.332
- Kỳ cược, kỳ quỹ	9.929.011.608	10.190.397.527
- Lãi tiền gửi	13.456.512.330	19.255.339.726
- Bảo hiểm xã hội	21.688.981.536	21.417.853.273
- Doanh thu trích trước hạ tầng cho thuê	24.483.004.018	2.905.472.828
- Phải thu về mất vật tư	11.657.917.608	9.768.268.293
- Phải thu khác	15.666.217.794	12.401.024.766
	<b>803.900.182.277</b>	<b>693.136.375.745</b>

(\*) Bao gồm tạm ứng tiền và vật tư tại các Chi nhánh và Trung tâm kỹ thuật để thực hiện các dự án, công trình xây dựng và các khoản tạm ứng phục vụ hoạt động kinh doanh của các Công ty con.

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng đã lập	Giá gốc	Dự phòng đã lập
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>130.209.774.553</b>	<b>(103.550.999.213)</b>	<b>123.103.506.942</b>	<b>(26.535.769.642)</b>
- Công ty CP Xây dựng FLC Faros	46.399.570.095	(46.399.570.095)	49.749.570.095	(23.639.466.454)
- Công ty Cổ phần Siêu Chung Kỳ	5.103.917.227	(5.103.917.227)	5.103.917.227	-
- Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	32.422.041.661	(16.211.020.830)	33.031.374.986	-
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại tổng hợp Thái Hà	10.403.192.528	(10.403.192.528)	10.403.192.528	-
- Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley	20.881.310.422	(10.440.655.211)	15.183.195.943	-
- Công ty Cổ phần IDC Đông Dương	6.435.952.975	(6.435.952.975)	6.735.952.975	-
- Các khách hàng khác	8.563.789.645	(8.556.690.347)	2.896.303.188	(2.896.303.188)
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.388.288</b>	<b>(1.388.288)</b>	<b>420.368.585</b>	<b>(420.368.585)</b>
- Các nhà cung cấp khác	1.388.288	(1.388.288)	420.368.585	(420.368.585)
	<b>130.211.162.841</b>	<b>(103.552.387.501)</b>	<b>123.523.875.527</b>	<b>(26.956.138.227)</b>

20

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	6.548.618.075	-	3.922.136.901	-
- Nguyên liệu, vật liệu	211.556.166.245	(18.853.396.774)	192.250.367.737	(20.899.646.744)
+ Hoạt động xây dựng dân dụng và xây lắp viễn thông	198.815.488.908	(18.853.396.774)	175.571.214.626	(20.899.646.744)
+ Hoạt động cơ định bằng rộng	11.483.194.061	-	16.428.584.714	-
+ Vật tư dịch vụ Homecare	1.257.483.276	-	250.568.397	-
- Công cụ, dụng cụ	3.551.772.597	-	2.622.243.025	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	483.164.343.163	-	566.388.067.338	-
+ Công trình Nhà ở liền kề - KĐT mới Hoàng Văn Thu (1)	65.663.282.308	-	102.076.723.542	-
+ Công trình Khu Đô thị mới Thành phố Lễ hội - Thành phố Châu Đốc (2)	16.452.427.647	-	500.000.000	-
+ Công trình Shophouse tại KĐT phía Nam thành phố Bắc Giang	-	-	32.571.527.186	-
+ Các công trình khác	401.048.633.208	-	431.239.816.610	-
- Hàng hóa	104.002.631.212	-	74.579.132.802	-
- Hàng gửi đi bán	-	-	3.904.937	-
	<b>808.823.531.292</b>	<b>(18.853.396.774)</b>	<b>839.765.852.740</b>	<b>(20.899.646.744)</b>

(1) Gói thầu thi công phần thân thô và hoàn thiện mặt ngoài nhà ở thấp tầng (không bao gồm cọc, bê tông, bê cốt, cửa cuốn, cửa nhựa lõi thép, cửa gỗ) - 266 căn nhà ở liền kề, thuộc Công trình Nhà ở liền kề của Dự án Khu đô thị mới Hoàng Văn Thu kỳ giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Hoàng Mai và Tổng Công ty. Công trình được thực hiện tại phường Hoàng Văn Thu, Thịnh Liệt, Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Thời gian thực hiện dự kiến đến hết quý 2/2024. Tại ngày 31/12/2023, công trình đã nghiệm thu 88,7% giá trị hợp đồng với Chủ đầu tư.

(2) Gói thầu thi công trọn gói phần thô, hoàn thiện bên ngoài 198 căn nhà phố thuộc công trình Khu Đô thị mới Thành phố lễ hội - Thành phố Châu Đốc ký giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Trần Anh Châu Đốc và Tổng Công ty. Công trình được thực hiện tại phường Vĩnh Mỹ, Thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Thời gian thực hiện dự kiến đến hết quý 2/2024. Tại ngày 31/12/2023, công trình đã nghiệm thu 84,5% giá trị hợp đồng với Chủ đầu tư.

21

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

#### 10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	4.238.244.934	-
Xây dựng cơ bản	148.273.403.661	93.602.531.054
- Dự án đầu tư mới hệ thống DAS tòa nhà năm 2019 (1)	7.263.962.476	8.866.550.129
- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2021 - Dự án 1 (2)	-	5.705.792.425
- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2021 - Giai đoạn 2 (3)	-	31.530.609.798
- Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2022 (4)	95.302.457.532	47.200.903.963
- Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2023 (5)	44.908.616.043	-
- Dự án khác	798.367.610	298.674.719
	<b>152.511.648.595</b>	<b>93.602.531.054</b>

(1), (2), (3), (4), (5) Thông tin chi tiết liên quan đến dự án: Xem chi tiết Phụ lục 01.

#### 11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 02.

#### 12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng VND
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>			
Số dư đầu năm	24.336.888.039	26.517.324.680	50.854.212.719
- Mua trong năm	-	2.653.011.079	2.653.011.079
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>24.336.888.039</b>	<b>29.170.335.759</b>	<b>53.507.223.798</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	8.641.735.641	13.001.676.207	21.643.411.848
- Khấu hao trong năm	224.560.380	8.621.222.713	8.845.783.093
- Phân loại lại	1.158.735.754	(1.158.735.754)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.025.031.775</b>	<b>20.464.163.166</b>	<b>30.489.194.941</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	15.695.152.398	13.515.648.473	29.210.800.871
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>14.311.856.264</b>	<b>8.706.172.593</b>	<b>23.018.028.857</b>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.951.182.000 VND.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất bao gồm các lô đất sau:

- Thửa đất số 908 tại xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh để làm kho cho Chi nhánh Công trình Viettel Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất trong 50 năm với nguyên giá là 18.057.588.039 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2023 là 10.025.031.775 VND, trong đó số khấu hao trong năm là 224.560.380 VND;

- Thửa đất số 300 thuộc lô A2-9, khu dân cư Bắc Hòa Thọ, xã Hòa Đông, huyện Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng để làm văn phòng và kho cho Chi nhánh Công trình Viettel Đà Nẵng; quyền sử dụng đất không xác định thời hạn với nguyên giá là 6.279.300.000 VND.

22

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

#### 13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Hệ thống trạm BTS	Tuyển ngầm hóa cáp quang	Bất động sản đầu tư khác	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	658.166.978.778	27.104.263.033	68.742.131.633	754.013.373.444
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	408.296.727.877	-	1.904.325.469	410.201.053.346
- Phân loại lại	-	8.833.332.899	(8.833.332.899)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.066.463.706.655</b>	<b>35.937.595.932</b>	<b>61.813.124.203</b>	<b>1.164.214.426.790</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	125.948.062.065	27.104.263.033	38.412.673.100	191.464.998.198
- Khấu hao trong năm	129.459.832.429	876.383.330	13.119.783.879	143.455.999.638
- Phân loại lại	-	1.043.627.545	(1.043.627.545)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>255.407.894.494</b>	<b>29.024.273.908</b>	<b>50.488.829.434</b>	<b>334.920.997.836</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	532.218.916.713	-	30.329.458.533	562.548.375.246
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>811.055.812.161</b>	<b>6.913.322.024</b>	<b>11.324.294.769</b>	<b>829.293.428.954</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 707.892.383.611 VND (Thuyết minh 15 - Phụ lục 03);  
- Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê: 69.261.846.717 VND.

Bất động sản đầu tư tăng trong năm được Tổng Công ty ghi nhận theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành hoặc theo các quyết định tạm tăng tài sản của Tổng Giám đốc, bao gồm:

- Hệ thống trạm BTS phục vụ hoạt động cho thuê lại tại các tỉnh thành trên cả nước;  
- Các tuyến cáp quang cho thuê sợi trên địa bàn các tỉnh Đồng Tháp, Bắc Giang;  
- Hệ thống DAS cho tòa nhà tại các tỉnh, thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Phú Yên; ...

Trong năm 2023, doanh thu từ bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là doanh thu hoạt động kinh doanh hạ tầng cho thuê (Thuyết minh số 25).

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### 14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>Ngắn hạn</b>		
- Chi phí thuê văn phòng và thuê địa điểm trạm	41.968.704.980	30.270.267.402
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	39.141.315.442	51.332.985.236
	<b>81.110.020.422</b>	<b>81.603.252.638</b>
<b>Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	34.957.349.509	19.642.771.763
	<b>34.957.349.509</b>	<b>19.642.771.763</b>

#### 15 . VAY

Xem chi tiết Phụ lục 03.

23

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

#### 16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>82.154.219.438</b>	<b>73.695.923.442</b>
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội	-	7.166.586.949
- Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	8.786.613.000	1.446.605.087
- Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	42.177.391.858	26.363.777.088
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	25.631.586.498	30.418.509.200
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Viettel	-	260.008.122
- Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel	4.473.621.346	6.424.502.718
- Công ty TNHH Viettel - CHT	338.222.000	62.190.000
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	423.142.500	-
- Melfone (Campuchia)	-	1.082.951.037
- Các nhà cung cấp khác	325.642.236	470.793.241
<b>Bên khác</b>	<b>499.001.681.410</b>	<b>445.177.020.060</b>
- Công ty Cổ phần Thiết bị Viễn thông Quang Thông	26.814.688.144	10.266.108.480
- Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ Lạc Hồng	16.045.939.327	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Đồng	14.097.299.760	7.177.967.723
- Công ty Cổ phần Quản lý đầu tư và Xây dựng công trình Bắc Việt	15.965.497.959	6.226.233.500
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico	13.424.201.695	8.378.010.325
- Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Phương Ngọc	15.461.903.397	2.903.239.395
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật	15.972.336.332	14.360.132.956
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Trung Nam	15.946.538.928	15.581.064.193
- Công ty Cổ phần phát triển xây dựng MD66	21.365.045.194	24.700.701.446
- Các nhà cung cấp khác	343.908.230.674	355.583.562.042
	<b>581.155.900.848</b>	<b>518.872.943.502</b>

#### 17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>373.609.008.013</b>	<b>247.937.716.950</b>
- Telecom International Myanmar Company Limited (1)	373.350.617.146	247.937.716.950
- Các chi nhánh Viettel tỉnh	258.390.867	-
<b>Bên khác</b>	<b>287.238.765.835</b>	<b>156.637.061.535</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Phú Hải (2)	12.246.426.669	6.142.860.795
- Công ty Cổ phần Thái Sơn Long An (3)	12.296.691.781	-
- Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Tiên Lãng (4)	11.499.462.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng VNC (5)	10.389.717.068	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư IMG Huế (6)	10.000.000.000	-
- Công ty TNHH Bao bì AP (Hà Nội) (7)	9.240.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Bất động sản Hà An	-	5.073.927.538
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại tổng hợp Hoàng Việt	-	5.300.000.000
- Các khách hàng khác (8)	221.566.468.317	140.120.273.202
	<b>660.847.773.848</b>	<b>404.574.778.485</b>

24

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

#### 17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)

- (1) Khoản trả trước của Telecom International Myanmar Co.,Ltd ("Mytel") cho Công ty theo hợp đồng dịch vụ khai thác và ứng cứu thông tin cho Mytel tại thị trường Myanmar.
- (2) Khoản khách hàng ứng trước liên quan đến gói thầu: Thi công cung cấp, lắp đặt hệ thống cơ điện trong nhà biệt thự ZONE 3, 4, 7, 8, và Thi công hoàn thiện trong nhà và bể bơi thuộc dự án: Khu du lịch nghỉ dưỡng tại phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.
- (3) Khoản khách hàng ứng trước tiền thi công kết cấu, hoàn thiện, MEP thuộc dự án khu thương mại, biệt thự và chung cư cao cấp T&T Millennia City Long An.
- (4) Khoản khách hàng ứng trước tiền thi công đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn kiểu mẫu.
- (5) Khoản tạm ứng về việc thi công phần thô và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật của các căn villa thuộc Dự án Grand Mercure Quảng Nam.
- (6) Tạm ứng theo hợp đồng thi công xây dựng 108 căn shophouse thuộc Dự án Đầu tư Khu nhà ở thương mại - Shophouse tại Khu đô thị mới An Cựu, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- (7) Khoản tạm ứng theo Hợp đồng kinh tế số VIETTEL-AP-EPC-2022-001 về việc "Thiết kế cung cấp thiết bị và thi công xây dựng hệ thống điện mặt trời bám tải (không phát lên lưới điện quốc gia) có công suất danh định".
- (8) Các khoản ứng trước của khách hàng phục vụ cho việc thi công các công trình.

#### 18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 04.

#### 19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
- Trích trước chi phí xây lắp công trình viễn thông	(i) 183.971.250.170	139.322.803.690
- Trích trước chi phí vận hành khai thác	(ii) 182.595.240.636	341.599.430.985
- Trích trước chi phí hạ tầng cho thuê	(iii) 322.958.224.115	280.925.033.017
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả	3.905.933.709	3.840.238.267
	<b>693.430.648.630</b>	<b>765.687.505.959</b>

(i) Là khoản trích trước chi phí thi công, bảo dưỡng cho các công trình đã hoàn thành nghiệm thu quyết toán với chủ đầu tư nhưng chưa tập hợp đủ chứng từ ghi nhận chi phí.

(ii) Là khoản trích trước chi phí nhân công và các chi phí thuê ngoài khác được xác định theo khối lượng dịch vụ đã cung cấp của hoạt động cung cấp dịch vụ vận hành khai thác mạng lưới viễn thông tại 63 Chi nhánh Viettel tỉnh.

(iii) Là khoản trích trước chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông cho thuê đã nghiệm thu nhưng chưa tập hợp đủ chứng từ thanh toán.

25

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

#### 20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	39.915.182.938	34.586.290.642
- Phải trả Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (về KPCĐ, BHXH, BHYT)	66.630.096.474	131.021.728.564
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	2.941.530.349	5.948.998.699
- Phải trả chi phí thi công các công trình	-	425.160.046
- Phải trả về chi phí sản xuất kinh doanh các trụ (i)	89.588.094.151	76.311.536.122
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel (ii)	12.277.019.448	12.277.019.448
- Đăng phí, đoàn phí giữ lại tại Tổng Công ty	12.363.592.639	8.649.082.709
- Phải trả tiền ứng hộ các quỹ	2.120.813.500	1.409.013.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.930.926.990	6.897.771.631
	<b>237.767.256.489</b>	<b>277.526.601.361</b>
<b>Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	14.664.000.000	14.247.000.000
	<b>14.664.000.000</b>	<b>14.247.000.000</b>

#### Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan

- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	12.277.019.448	12.277.019.448
- Các chi nhánh Viettel tỉnh	1.318.026.520	1.348.910.966
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội	68.136.319.270	118.235.321.530
	<b>81.731.365.238</b>	<b>131.861.251.944</b>

(i) Khoản phải trả cán bộ nhân viên về chi phí thực hiện sản xuất kinh doanh bao gồm: dịch vụ vận hành khai thác, dịch vụ kỹ thuật, xây lắp dân dụng.

(ii) Khoản phải trả Tổng Công ty Mạng lưới Viettel liên quan đến các hợp đồng xây lắp nhưng được xác định sẽ không tiếp tục thực hiện.

#### 21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là doanh thu của các hợp đồng cho thuê cơ sở hạ tầng trạm viễn thông, đã phát hành hóa đơn theo số tiền khách hàng thanh toán trước cho kỳ từ 06 tháng đến 12 tháng.

#### 22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
- Dự phòng bảo hành dịch vụ kỹ thuật	2.249.933.304	2.412.405.077
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	3.893.684.179	2.707.475.971
- Dự phòng hàng hóa thương mại và giải pháp tích hợp	2.941.922.258	2.497.818.828
- Dự phòng phải trả khác	-	27.860.700
	<b>9.085.539.741</b>	<b>7.645.560.576</b>

26

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

#### 23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

##### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 05.

##### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	751.077.450.000	65,66	751.077.450.000	65,66
- Công đoàn Tổng Công ty	10.126.360.000	0,89	10.126.360.000	0,89
- Các cổ đông khác	382.654.980.000	33,45	382.654.980.000	33,45
	<b>1.143.858.790.000</b>	<b>100,00</b>	<b>1.143.858.790.000</b>	<b>100,00</b>

##### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.143.858.790.000	929.238.730.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	214.620.060.000
- Vốn góp cuối năm	1.143.858.790.000	1.143.858.790.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	5.948.998.699	4.902.228.449
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	114.385.879.000	307.543.933.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia bằng tiền	114.385.879.000	92.923.873.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia bằng cổ phiếu	-	214.620.060.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(117.393.347.350)	(91.877.102.750)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(117.393.347.350)	(91.877.102.750)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	-	(214.620.060.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	(214.620.060.000)
	<b>2.941.530.349</b>	<b>5.948.998.699</b>

##### d. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	114.385.879	114.385.879
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	114.385.879	114.385.879
- Cổ phiếu phổ thông	114.385.879	114.385.879
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	114.385.879	114.385.879
- Cổ phiếu phổ thông	114.385.879	114.385.879
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

27

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT VÀ CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

**a. Tài sản cho thuê ngoài**

Tổng Công ty hiện đang sử dụng Bất động sản đầu tư bao gồm tuyến công ngầm hóa cáp quang, tuyến cáp quang sợi và hệ thống trạm BTS vào mục đích cho thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	533.230.317.504	366.508.187.808

**b. Tài sản thuê ngoài**

Tổng Công ty thuê tài sản trụ sở văn phòng làm việc Tổng Công ty tại Hà Nội, văn phòng các chi nhánh và vị trí trạm theo hợp đồng thuê hoạt động trên địa bàn 64 tỉnh thành. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	161.921.038.668	131.894.119.821

**c. Ngoại tệ các loại**

Ký hiệu	31/12/2023	01/01/2023
- Đô la Mỹ	USD 3.148.620,85	581.527,92
- Soles Peru	PEN -	432.131,09
- Lak Lao	LAK -	1.124.502.266,00
- Mtn Mozambique	MNT -	917.160,99
- Kyats Myanmar	MMK 5.504.564.459,00	377.171.925,00

**d. Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Phải thu khách hàng ngắn hạn	1.207.812.423	1.207.812.423

**25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu xây dựng công trình	3.537.652.695.240	2.507.513.073.248
Doanh thu khai thác và ứng cứu thông tin	5.531.853.537.495	4.894.443.036.561
Doanh thu các hợp đồng thương mại và giải pháp tích hợp	1.462.331.597.323	1.442.587.554.546
Doanh thu cung cấp dịch vụ kỹ thuật	331.664.910.588	308.212.079.407
Doanh thu kinh doanh hạ tầng cho thuê	435.447.901.045	314.241.708.225

**11.298.950.641.691 9.466.997.451.987**

**Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan**  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)

**6.777.562.752.396 6.119.715.802.327**

28

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	3.238.196.230.364	2.269.432.568.872
Giá vốn dịch vụ khai thác và ứng cứu thông tin	5.227.206.810.858	4.607.437.945.315
Giá vốn các hợp đồng thương mại và giải pháp tích hợp	1.375.867.274.501	1.353.101.541.991
Giá vốn của dịch vụ kỹ thuật	266.381.147.099	262.087.322.766
Giá vốn kinh doanh hạ tầng cho thuê	301.318.412.660	218.356.447.705
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.046.249.970)	-
	<b>10.406.923.625.512</b>	<b>8.710.415.826.649</b>

**Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan**  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng giá trị mua vào:	317.736.861.361	373.378.171.374
Trong đó:		
- Đã kết chuyển vào giá vốn hàng bán	317.736.861.361	373.378.171.374
- Còn tồn kho	-	-

**27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	96.307.794.199	25.468.252.582
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	123.624.780	1.741.329.998
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	694.282.670	-
	<b>97.125.701.649</b>	<b>27.209.582.580</b>

**28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	84.837.242.075	23.036.834.469
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	8.434.049.844	482.439.154
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	-	728.145.288
	<b>93.271.291.919</b>	<b>24.247.418.911</b>

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	859.469.125	1.134.592.169
Chi phí nhân công	105.404.481.783	106.609.512.419
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.167.460.870	9.744.854.718
Thuế, phí, và lệ phí	84.232.068	90.751.015
Chi phí dự phòng	76.596.249.274	25.565.405.155
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.805.306.882	38.539.254.226
Chi phí khác bằng tiền	5.010.330.277	7.403.861.614
	<b>248.927.530.279</b>	<b>189.088.231.316</b>

29

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**30 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt từ mất công cụ, dụng cụ chi nhánh	200.980.956	666.433.672
Tiền phạt hợp đồng	1.876.534.310	-
Thu nhập khác	743.686.785	428.916.151
	<b>2.821.202.051</b>	<b>1.095.349.823</b>

**31 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	695.881.115	7.507.292
Chi phí không hình thành TSCĐ	4.041.491.747	732.340.965
Chi phí khác	225.548.114	515.487.884
	<b>4.962.920.976</b>	<b>1.255.335.941</b>

**32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại Việt Nam	122.083.190.790	106.270.326.601
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại nước ngoài	7.544.717.068	7.178.139.849

**Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành**

**129.627.907.858 113.448.466.450**

Thuế TNDN phải nộp đầu năm  
Thuế TNDN đã nộp trong năm

33.651.379.075 28.079.212.734  
(57.677.862.332) (107.575.383.402)

**Trong đó:**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp tại Việt Nam (51.983.758.983) (93.466.059.994)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp tại nước ngoài (5.694.103.349) (14.109.323.408)

Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá quy đổi hợp nhất BCTC (20.396.386) (300.916.707)

**Thuế TNDN phải nộp cuối năm**

**105.581.028.215 33.651.379.075**

**33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

**a. Tài sản thuế Thu nhập hoãn lại**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	693.501.657	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>693.501.657</b>	<b>-</b>

30

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### 33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI (tiếp theo)

#### b. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(693.501.657)	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	1.662.466.796
	<b>(693.501.657)</b>	<b>1.662.466.796</b>

### 34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	515.877.770.504	455.155.190.939
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	515.877.770.504	455.155.190.939
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	114.385.879	114.385.879
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.510</b>	<b>3.979</b>

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

### 35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.781.836.245.132	2.308.393.137.031
Chi phí nhân công	4.317.786.151.247	4.038.074.358.239
Chi phí khấu hao TSCĐ	258.401.642.671	206.442.863.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	909.050.094.240	792.673.769.369
Chi phí khác bằng tiền	1.051.439.459.784	1.145.838.680.145
	<b>9.318.513.593.074</b>	<b>8.491.422.808.756</b>

### 36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

31

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### 36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### Tại ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm trở xuống
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	817.372.574.485		
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.678.713.726.347		
Các khoản cho vay	1.000.000.000.000		
	<b>4.496.086.300.832</b>		

#### Tại ngày 01/01/2023

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm trở xuống
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	409.654.352.075		
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.326.693.577.027		
Các khoản cho vay	1.222.000.000.000		
	<b>3.958.347.929.102</b>		

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>			
Vay và nợ	1.195.895.559.062	377.705.688.165	1.573.601.247.227
Phải trả người bán, phải trả khác	818.923.157.337	14.664.000.000	833.587.157.337
Chi phí phải trả	693.430.648.630	-	693.430.648.630
	<b>2.708.249.365.029</b>	<b>392.369.688.165</b>	<b>3.100.619.053.194</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>			
Vay và nợ	1.196.684.057.443	268.831.885.803	1.465.515.943.246
Phải trả người bán, phải trả khác	796.399.544.863	14.247.000.000	810.646.544.863
Chi phí phải trả	765.687.505.959	-	765.687.505.959
	<b>2.758.771.108.265</b>	<b>283.078.885.803</b>	<b>3.041.849.994.068</b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã,  
quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### 37 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### Các khoản tiền và tương đương tiền do Tổng Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản tiền và tương đương tiền do Tổng Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng	-	207.000.000.000
	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>

#### Số tiền đi vay thực thu trong năm

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

	2.455.208.243.463	1.322.688.329.908
--	-------------------	-------------------

#### Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

	2.347.122.939.482	37.291.965.423
--	-------------------	----------------

### 38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Xem chi tiết Phụ lục 06.

### 40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Tổng Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp Viễn Thông Quân đội	Công ty mẹ
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Viễn Thông Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Công ty Quản lý tài sản Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Viện hàng không vũ trụ	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Công ty An ninh mạng Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Các chi nhánh Viettel tỉnh	Đơn vị thành viên Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Viettel - CHT	Công ty con của Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	Công ty con của Công ty mẹ
Viettel Timor Leste Unipessoal Lda	Công ty con của Công ty mẹ
Mettfone (Campuchia)	Công ty con của Công ty mẹ
Bitel (Peru)	Công ty con của Công ty mẹ
Movitel (Mozambique)	Công ty con của Công ty mẹ
Halotel (Tanzania)	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Star Telecom	Công ty liên kết gián tiếp của Công ty mẹ
Telecom International Myanmar Co.,Ltd	Công ty liên kết gián tiếp của Công ty mẹ

33

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	
	Năm 2023 VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>6.842.279.864.654</b>	<b>6.119.715.802.327</b>
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	1.797.762.081.651	1.895.469.458.554
- Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	5.352.751.545	1.952.280.186
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	254.232.444.579	102.961.765.800
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	41.642.801	210.361.238
- Công ty Quản lý tài sản Viettel	1.371.202.975	1.532.881.519
- Tổng Công ty Viễn Thông Viettel	2.684.350.385.491	2.499.360.066.058
- Công ty Star Telecom	1.006.803.410	-
- Telecom International Myanmar Co.,Ltd	991.933.815.195	729.061.008.959
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Viettel	62.836.364	78.545.455
- Các chi nhánh Viettel tỉnh	545.908.335.365	347.397.040.938
- Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	13.782.621.068	120.673.680.804
- Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	-	58.769.319
- Metfone (Campuchia)	519.725.261.954	354.726.016.098
- Bitel (Peru)	2.142.556.138	52.844.040.652
- Movitel (Mozambique)	22.033.512.468	13.389.886.747
- Tập đoàn Công nghiệp Viễn Thông Quân đội	2.095.363.650	-
- Công ty An Ninh Mạng Viettel	305.800.000	-
- Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	172.450.000	-
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>317.736.861.361</b>	<b>373.378.171.374</b>
- Tập đoàn Công nghiệp Viễn Thông Quân đội	35.510.708.361	39.959.356.352
- Tổng Công ty Viễn Thông Viettel	221.514.176.964	248.500.471.422
- Công ty Quản lý tài sản Viettel	-	107.790.402
- Công ty TNHH Viettel - CHT	3.317.428.960	2.315.606.400
- Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	50.572.625.172	74.852.943.841
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh Nghiệp Viettel	6.821.921.904	7.642.002.957

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2023		Năm 2022	
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>	<b>23.173.145.787</b>	<b>25.669.201.851</b>		
- Ông Đỗ Mạnh Hùng (Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 22/04/2022))	3.852.829.279	2.576.304.924		
- Ông Nguyễn Thanh Nam (Miễn nhiệm ngày 22/04/2022)	-	40.000.000		
- Ông Nguyễn Quang Khải (Bổ nhiệm ngày 22/04/2022)	264.000.000	176.000.000		
- Ông Bùi Thế Hùng (Miễn nhiệm ngày 22/04/2022)	-	1.114.754.779		
- Ông Nguyễn Tất Trường	1.145.612.720	1.142.759.720		
- Bà Nghiêm Phương Nhi (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)	28.000.000	84.000.000		

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2023		Năm 2022	
		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Bà Vũ Thị Mai (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)	Thành viên HĐQT	56.000.000	-		
- Ông Phạm Đình Trường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	5.229.256.481	5.227.958.981		
- Ông Nguyễn Thái Hưng	Phó Tổng Giám đốc	3.270.764.967	3.269.544.967		
- Ông Nguyễn Huy Dũng	Phó Tổng Giám đốc	3.270.764.967	3.269.544.967		
- Ông Lê Hữu Hiền (Miễn nhiệm ngày 01/03/2023)	Phó Tổng Giám đốc	553.488.828	3.271.332.967		
- Bà Đào Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	3.270.764.967	3.269.544.967		
- Ông Ngô Quang Tuệ	Trưởng Ban KS	1.133.121.653	1.130.113.653		
- Ông Phạm Hồng Quân	Thành viên Ban KS	701.430.719	700.830.719		
- Bà Mai Thị Anh	Thành viên Ban KS	397.111.207	396.511.207		

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm 2023 và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

**41 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 căn cứ Thông báo số 802/TB-KTNN ngày 22/12/2023 Thông báo kết quả kiểm toán tại Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel, chi tiết các khoản điều chỉnh như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm		Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		trước VND	trên VND		
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>					
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.555.210.903.735	1.660.092.970.924	104.882.067.189	
- Hàng tồn kho	141	927.494.635.474	839.765.852.740	(87.728.782.734)	
- Chi phí trả trước ngắn hạn	151	82.620.451.212	81.603.252.638	(1.017.198.574)	
- Tài sản cố định hữu hình	221	343.644.502.253	345.044.655.145	1.400.152.892	
- Chi phí trả trước dài hạn	261	18.131.162.127	19.642.771.763	1.511.609.636	
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	93.098.222.337	104.068.206.717	10.969.984.380	
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315	769.282.951.442	765.687.505.959	(3.595.445.483)	
- Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	8.231.671.729	7.645.580.576	(586.111.153)	
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	442.895.770.274	455.155.190.939	12.259.420.665	
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>					
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	9.369.884.426.812	9.466.997.451.987	97.113.025.175	
- Giá vốn hàng bán	11	8.628.763.164.505	8.710.415.826.649	81.652.662.144	
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	189.041.644.116	189.088.231.316	46.587.200	
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	110.294.111.284	113.448.466.450	3.154.355.166	
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	442.925.217.862	455.184.638.327	12.259.420.665	

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**41 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)**

	Mã số	Báo cáo tài chính hợp nhất năm		Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		trước VND	trên VND		
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>					
- Lợi nhuận trước thuế	01	554.881.795.742	570.295.571.573	15.413.775.831	
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	207.843.016.864	206.442.863.972	(1.400.152.892)	
- Các khoản dự phòng	03	32.842.941.115	32.256.829.962	(586.111.153)	
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(756.162.871.719)	(861.044.938.908)	(104.882.067.189)	
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(340.970.234.912)	(253.241.452.178)	87.728.782.734	
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	571.979.639.346	576.199.823.077	4.220.183.731	
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(13.263.726.670)	(13.758.137.732)	(494.411.062)	

  
**Dương Văn Khiết**  
 Người lập biểu

  
**Bùi Duy Bảo**  
 Kế toán trưởng

  
**Phạm Đình Trường**  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024



**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Phụ lục 01 : CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨNG**

Stt	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Mục đích xây dựng	Nguồn vốn đầu tư	Thời gian thực hiện	Tình trạng dự án	Tổng mức đầu tư		Khối lượng đã thực hiện
							VND	VND	
(1)	Đầu tư mới hệ thống DAS tòa nhà năm 2019	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Thái Nguyên, Quảng Ninh	Đầu tư 1.500.000 m2 hệ thống DAS cho thuê	Vốn chủ sở hữu	Từ năm 2019 đến hết năm 2024	Đang triển khai	54.011.903.724	30.779.776.220	
(2)	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2021 - Dự án 1 (i)	63 tỉnh/thành phố	Xây dựng hạ tầng BTS cho thuê (728 nhà trạm và hệ thống nguồn)	Vốn chủ sở hữu và vốn vay	Từ năm 2021 đến hết năm 2023	Đã hoàn thành	243.169.799.550	135.200.667.970	
(3)	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2021 - Giai đoạn 2 (ii)	63 tỉnh/thành phố	Xây dựng hạ tầng BTS cho thuê (1320 nhà trạm và hệ thống nguồn)	Vốn chủ sở hữu và vốn vay	Từ năm 2021 đến hết năm 2023	Đã hoàn thành	472.429.415.175	289.387.772.120	
(4)	Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2022 (i)	63 tỉnh/thành phố	Xây dựng hạ tầng BTS cho thuê (2500 nhà trạm và hệ thống nguồn)	Vốn chủ sở hữu và vốn vay	Từ quý 1/2022 đến hết năm 2024	Đang triển khai	734.519.280.560	574.526.360.019	
(5)	Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2023 (ii)	63 tỉnh/thành phố	Xây dựng hạ tầng BTS cho thuê (2500 nhà trạm và hệ thống nguồn)	Vốn chủ sở hữu và vốn vay	Từ quý 2/2023 đến hết năm 2025	Đang triển khai	536.274.641.558	126.737.256.055	
							<b>2.040.405.040.567</b>	<b>1.156.631.832.384</b>	

(i) Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của 2 dự án này đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng (Thuyết minh 15, Phụ lục 04, Stt 6)

(ii) Toàn bộ tài sản bao gồm nhưng không giới hạn hệ thống hạ tầng cốt thu phát sóng, hạ tầng nhà trạm, trang thiết bị, vật tư... hình thành trong tương lai thuộc dự án của Tổng Công ty đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (Thuyết minh 15, Phụ lục 04, Stt 5).

(iii) Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án này đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch (Thuyết minh 15, Phụ lục 03, Stt 4).

15. 01. 01. 01. 01. 01

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**

Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

**Phụ lục 02 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị (Đã điều chỉnh)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng (Đã điều chỉnh)	VND	
						31/12/2023	31/12/2022
Số dư đầu năm	11.571.724.948	260.946.520.425	436.493.808.151	8.705.266.591	717.717.320.115		
- Mua trong năm	-	13.071.836.954	8.705.556.907	816.482.000	22.593.875.861		
- Tăng do CLTG chuyển đổi BCTC	-	-	9.259.250	-	9.259.250		
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(126.238.978)	-	(126.238.978)		
Số dư cuối năm	<b>11.571.724.948</b>	<b>274.018.357.379</b>	<b>445.062.365.330</b>	<b>9.521.748.591</b>	<b>740.194.216.248</b>		
Giá trị hao mòn lũy kế	6.055.925.331	105.395.402.558	256.284.063.170	4.937.253.911	372.672.664.970		
Số dư đầu năm	446.784.656	35.470.991.000	68.539.871.190	1.642.213.094	106.099.659.940		
- Khu hao trong năm	-	-	9.259.250	-	9.259.250		
- Tăng do CLTG chuyển đổi BCTC	-	(177.390.197)	63.412.914	9.384.173	-		
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(126.238.978)	-	(126.238.978)		
Số dư cuối năm	<b>6.607.303.097</b>	<b>140.689.003.361</b>	<b>324.770.387.546</b>	<b>6.598.851.178</b>	<b>478.655.545.182</b>		
Giá trị còn lại	5.515.799.617	155.551.117.867	180.209.724.981	3.768.012.680	345.044.655.145		
Tại ngày đầu năm	4.964.421.851	133.329.354.018	120.311.997.784	2.932.897.413	261.538.671.066		

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng trả chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 95.087.498.601 VND (Thuyết minh 15 - Phụ lục 03);

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 78.119.334.198 VND.

38

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**

Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

**Phụ lục 03 : VAY**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	01/10/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.118.044.710.441</b>	<b>1.118.044.710.441</b>	<b>2.183.762.442.080</b>	<b>2.241.237.178.145</b>	<b>1.060.569.974.376</b>	<b>1.060.569.974.376</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	281.755.294.567	281.755.294.567	421.368.251.553	703.143.546.120	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (UPAS)	344.892.637.990	344.892.637.990	59.529.398.984	404.522.036.974	-	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	77.316.110.644	77.316.110.644	716.117.413.097	423.913.203.417	369.520.320.324	369.520.320.324
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình	181.319.048.049	181.319.048.049	436.849.755.181	377.009.541.903	241.159.261.327	241.159.261.327
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	232.661.619.191	232.661.619.191	549.877.623.265	332.648.849.731	449.890.392.725	449.890.392.725
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>78.639.347.002</b>	<b>78.639.347.002</b>	<b>135.325.584.686</b>	<b>78.639.347.002</b>	<b>135.325.584.686</b>	<b>135.325.584.686</b>
- Chi nhánh Sở Giao dịch	-	-	5.309.331.178	-	5.309.331.178	5.309.331.178
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	41.776.947.076	41.776.947.076	52.230.316.176	41.776.947.076	52.230.316.176	52.230.316.176
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	36.862.399.926	36.862.399.926	77.785.937.332	36.862.399.926	77.785.937.332	77.785.937.332
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	-	-	-	-	-	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.196.684.057.443</b>	<b>1.196.684.057.443</b>	<b>2.319.088.026.766</b>	<b>2.319.876.525.147</b>	<b>1.195.895.559.062</b>	<b>1.195.895.559.062</b>
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	-	-	63.711.974.138	-	63.711.974.138	63.711.974.138
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	184.268.241.663	184.268.241.663	22.512.485.552	48.848.907.642	157.931.819.573	157.931.819.573
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	163.202.991.142	163.202.991.142	185.221.341.693	57.036.853.695	291.387.479.140	291.387.479.140
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	<b>347.471.232.805</b>	<b>347.471.232.805</b>	<b>271.445.801.383</b>	<b>105.885.761.337</b>	<b>513.031.272.851</b>	<b>513.031.272.851</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(78.639.347.002)	(78.639.347.002)	(135.325.584.686)	(78.639.347.002)	(135.325.584.686)	(135.325.584.686)
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>268.831.885.803</b>	<b>268.831.885.803</b>	<b>377.705.688.165</b>	<b>377.705.688.165</b>	<b>377.705.688.165</b>	<b>377.705.688.165</b>

39

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

**Phụ lục 03 : VAY (Tiếp theo)**

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

Sit	Bên cho vay	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích	Hình thức đảm bảo
(1)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh Ba Đình	Tối đa 10 tháng đối với hoạt động xây lắp Tối đa 3 tháng đối với hoạt động vận hành	5,6%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	- Quyền đòi nợ luân chuyển (được hạch toán trong sổ sách kế toán của Tổng Công ty dưới hình thức các khoản phải thu) của Tổng Công ty đối với bên thứ ba có nghĩa vụ thanh toán với Tổng Công ty phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, bao gồm cả quyền đòi nợ hình thành trong tương lai mà không cần có sự đồng ý của Bên có nghĩa vụ thanh toán, giá trị tối thiểu 650 tỷ đồng. - Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi với số tiền 306 tỷ VND (Thuyết minh 4)
(2)	Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Ba Đình	6 tháng kể từ ngày giải ngân ghi trên từng Giấy nhận nợ	6,6% - 7,7%/năm	Tài trợ nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP với tổng số tiền 389 tỷ VND (Thuyết minh 4)
(3)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Sở giao dịch 1	5,5 - 6,0 tháng kể từ ngày giải ngân ghi trên từng Giấy nhận nợ	8,3% - 8,8%/năm	Tài trợ nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tin chấp
(4)	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	Các cam kết bảo lãnh có thời hạn từ 12 - 60 tháng	Lãi suất thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh lãi suất, điều chỉnh theo từng thời kỳ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với đăng ký kinh doanh	Tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 10 - Phụ lục 01 và Thuyết minh 11 - Phụ lục 02)

40

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

**Phụ lục 03 : VAY (Tiếp theo)**

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay: (tiếp theo)**

Sit	Bên cho vay	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích	Hình thức đảm bảo
(5)	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam Chi nhánh Hà Nội	Từ 5 đến 6 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên	5,5% - 6,4%/năm	Tài trợ chi phí thực hiện các dự án "Đầu tư hệ thống pin mặt trời áp mái năm 2020" và dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2021 - Giai đoạn 2 (quy mô 1320 nhà trạm và hệ thống nguồn tại 63 tỉnh/thành phố)"	Tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 10 - Phụ lục 01 và Thuyết minh 11 - Phụ lục 02)
(6)	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam Chi nhánh Phạm Hùng	Từ 5 đến 6 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên	6,0% - 6,8%/năm	Tài trợ chi phí thực hiện các dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2021 - Dự án 1" và dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2022"	Toàn bộ tài sản bao gồm nhưng không giới hạn hệ thống hạ tầng cốt thu phát sóng, hạ tầng nhà trạm, trang thiết bị, vật tư,... hình thành trong tương lai thuộc dự án của Tổng Công ty (Thuyết minh 10 - Phụ lục 01)

41

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel**  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

**Phụ lục 04 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023 (Đã điều chỉnh)		Trong năm		31/12/2023	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	32.794.042.076	439.414.714.975	436.861.186.234	246.687.457	- 35.594.258.274
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.867.823.106	35.519.202.181	129.627.907.858	57.677.862.332	(20.396.386)	- 105.581.028.215
- Thuế Thu nhập cá nhân	24.344.881	33.519.802.690	177.744.661.870	188.160.200.283	36.694.280	- 23.116.613.676
- Các loại thuế khác	53.071.243	1.326.720.236	50.162.421.610	50.301.237.473	(6.369.853)	- 1.128.463.277
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	908.439.534	9.140.365.095	6.851.057.281	123.339.975	- 3.321.067.323
	<b>1.945.239.230</b>	<b>104.068.206.717</b>	<b>806.090.071.408</b>	<b>739.851.543.603</b>	<b>379.955.473</b>	<b>168.741.450.765</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

42

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

**Phụ lục 05 : BẢNG ĐỔI CHIỀU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Số dư đầu năm trước		Số dư cuối năm trước		Số dư đầu năm nay		Số dư cuối năm nay	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	929.238.730.000	(15.000.000)	15.000.000	4.444.473.473	15.000.000	813.012.924.151	1.143.858.790.000	1.987.974.680.541
Tăng vốn trong năm trước	214.620.060.000	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế cổ tức Công ty con phân phối lợi nhuận cho Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.143.858.790.000</b>	<b>(15.000.000)</b>	<b>15.000.000</b>	<b>4.444.473.473</b>	<b>15.000.000</b>	<b>813.012.924.151</b>	<b>1.143.858.790.000</b>	<b>1.987.974.680.541</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế cổ tức Công ty con phân phối lợi nhuận cho Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng/giảm do thanh lý Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.143.858.790.000</b>	<b>(15.000.000)</b>	<b>15.000.000</b>	<b>31.117.966.390</b>	<b>15.000.000</b>	<b>813.012.924.151</b>	<b>1.143.858.790.000</b>	<b>1.987.974.680.541</b>

43

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

**Phụ lục 05 : BẢNG ĐỔI CHIỀU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 11/NO-DHĐCD ngày 18/04/2023, Tổng Công ty công bố phương án phân phối lợi nhuận như sau:

	Số phân phối theo Nghị quyết VND		Số thực tế phân phối VND		Chênh lệch (l) VND	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng Lợi nhuận sau thuế và Quỹ đầu tư phát triển dùng để phân phối	427.178.906.821	181.143.879.000	427.178.906.821	181.143.879.000	246.035.027.821	-
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	64.258.000.000	64.258.000.000	64.258.000.000	64.258.000.000	-	-
+ Trích Quỹ thưởng cho người quản lý	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
+ Chi trả cổ tức bằng tiền mặt từ Lợi nhuận sau thuế (l)	114.385.879.000	114.385.879.000	114.385.879.000	114.385.879.000	-	-
+ Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ Lợi nhuận sau thuế (l)	246.035.027.821	-	246.035.027.821	-	246.035.027.821	-
<b>Tổng</b>	<b>427.178.906.821</b>	<b>181.143.879.000</b>	<b>427.178.906.821</b>	<b>181.143.879.000</b>	<b>246.035.027.821</b>	<b>-</b>

(l) Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2022 bằng tiền là 30/06/2023, ngày thực tế thanh toán là 31/07/2023.  
(l) Tổng Công ty điều chỉnh lại phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức sang chi trả cổ tức bằng cổ phiếu thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 38/NO-DHĐCD ngày 26/12/2023. Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức là 19/01/2024, ngày thực hiện thanh toán là 08/02/2024.

44

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel  
Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

**Phụ lục 06 : BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh năm 2023**

	Hoạt động xây dựng công trình VND		Hoạt động khai thác và ứng cứu thông tin VND		Hoạt động thương mại và giải pháp tích hợp VND		Hoạt động kinh doanh hạ tầng doanh nghiệp VND		Tổng cộng VND	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.537.652.695.240	5.531.853.537.495	1.462.331.597.323	331.664.910.568	435.447.901.045	11.298.950.641.691	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	3.236.149.980.394	5.227.206.810.858	1.375.867.274.501	266.381.147.099	301.318.412.660	10.406.923.625.512	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>301.502.714.846</b>	<b>304.646.726.637</b>	<b>86.464.322.822</b>	<b>65.283.763.489</b>	<b>134.129.488.385</b>	<b>892.027.016.179</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>490.887.564.748</b>	<b>3.469.493.079</b>
Tổng chi phí mua tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	21.777.393.861	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản bộ phận	1.579.676.595.438	1.750.085.039.073	296.309.677.665	13.722.746.903	1.233.004.521.117	4.872.798.580.197	-	-	-	-
Tổng tài sản	1.579.676.595.438	1.750.085.039.073	296.309.677.665	13.722.746.903	1.233.004.521.117	6.915.808.803.789	-	-	-	-
Nợ phải trả của các bộ phận	341.359.176.120	711.774.275.890	12.181.922.258	2.249.933.304	1.055.272.583.242	2.122.837.890.814	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	341.359.176.120	711.774.275.890	12.181.922.258	2.249.933.304	1.055.272.583.242	2.804.996.232.434	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>341.359.176.120</b>	<b>711.774.275.890</b>	<b>12.181.922.258</b>	<b>2.249.933.304</b>	<b>1.055.272.583.242</b>	<b>4.927.834.123.248</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>490.887.564.748</b>	<b>3.469.493.079</b>

**Theo khu vực địa lý năm 2023**

	Trong nước VND		Ngoại nước VND		Tổng cộng VND	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	9.726.986.245.505	1.571.964.396.186	11.298.950.641.691	-	11.298.950.641.691	-
Tổng tài sản	6.300.937.964.447	614.870.819.342	6.915.808.803.789	-	6.915.808.803.789	-
Tổng chi phí mua TSCĐ	494.357.057.827	-	494.357.057.827	-	494.357.057.827	-

45

## XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT TỔNG CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Đình Trường

**viettel**  
construction

**ĐỊA CHỈ:** Số 6 Đường Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hoà,  
Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**ĐIỆN THOẠI:** 024.6266.1225

**E-MAIL:** congtrinhviettel@viettel.com.vn

**WEBSITE:** www.viettelconstruction.com

**MÃ SỐ DOANH NGHIỆP:** 0104753865 do Sở Kế hoạch  
và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/6/2010





**viettel**  
construction

# **BÁO CÁO**

## **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

*Cùng hoạt động hướng tới tương lai*

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
Viettel Construction/VCC	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	MPĐ	Máy phát điện
TCT	Tổng Công ty	QTRR	Quản trị rủi ro
HĐQT	Hội đồng quản trị	VHDN	Văn hóa doanh nghiệp
BTGD	Ban Tổng Giám đốc	CBNV	Cán bộ nhân viên
BGD	Ban Giám đốc	NLĐ	Người lao động
SXKD	Sản xuất kinh doanh	SQ	Sỹ quan
TTKD	Trung tâm kinh doanh	QNCN	Quân nhân chuyên nghiệp
VHKT	Vận hành khai thác	CNVQP	Công nhân viên quốc phòng
GPTH	Giải pháp tích hợp	NVKT	Nhân viên kỹ thuật
TTHT	Trung tâm hạ tầng	TNLD	Tai nạn lao động
DVKT	Dịch vụ kỹ thuật	BNN	Bệnh nghề nghiệp
CNTT	Công nghệ thông tin	BHXH	Bảo hiểm xã hội
XDDD	Xây dựng dân dụng	BHYT	Bảo hiểm y tế
CSKH	Chăm sóc khách hàng	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
B2B	Khách hàng doanh nghiệp	OEM	Nhà sản xuất thiết bị gốc
B2C	Khách hàng cá nhân	SKYT	Sáng kiến ý tưởng
PTBV	Phát triển bền vững	DAS	Hệ thống phủ sóng di động tòa nhà
BĐKH	Biến đổi khí hậu	NLMT	Năng lượng mặt trời
PCCC	Phòng cháy chữa cháy	ROA	Tỷ số lợi nhuận ròng trên tài sản
		ROE	Tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu

## NỘI DUNG BÁO CÁO

<b>I. THÔNG ĐIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, TỔNG QUAN VỀ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL</b>	<b>4</b>
1. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	6
2. Thông điệp của Tổng Giám đốc	7
3. Tổng quan báo cáo phát triển bền vững	8
4. Giới thiệu về Tổng Công ty	9
• 4.1. Thông tin chung	9
• 4.2. Tầm nhìn - Sứ mệnh	9
• 4.3. Quá trình hình thành và phát triển	10
• 4.4. Chuỗi cung ứng	12
• 4.5. Chiến lược phát triển giai đoạn 2023-2025	12
• 4.6. Các con số ấn tượng, nổi bật năm 2023	13
• 4.7. Các giải thưởng đạt được	16
<b>II. CHIẾN LƯỢC VÀ QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b>	<b>18</b>
1. Chiến lược Phát triển bền vững	19
2. Quản trị Phát triển bền vững	22
3. Quản trị rủi ro	23
4. Tuân thủ pháp luật	27
5. Đạo đức và chính trực	28
6. Gắn kết các bên liên quan	28
7. Các chủ đề trọng yếu gắn liền với 17 mục tiêu PTBV	29
<b>III. HIỆU QUẢ TRÊN CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU</b>	<b>30</b>
1. Khả năng hiệu quả kinh tế	32
2. Sự hiện diện của thị trường	35
3. Tác động kinh tế gián tiếp	36
4. Thông lệ mua sắm	37
5. Năng lượng	37
6. Tuân thủ về môi trường	39
7. Việc làm	40
8. Mối quan hệ lao động/quản lý	43
9. An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	43
10. Giáo dục và đào tạo	44
11. Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng	45
12. Lao động trẻ em	45
13. Chính sách công	46
14. Sức khỏe và an toàn của khách hàng	48
15. Tiếp thị và nhãn hiệu	49
16. Quyền bảo mật thông tin khách hàng	49
17. Tuân thủ về kinh tế, xã hội	49





**THÔNG ĐIỆP  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG,  
TỔNG QUAN VỀ  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG TRÌNH VIETTEL**

## 1. THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trên hành trình đưa Viettel Construction từ một doanh nghiệp tốt đến phát triển bền vững, chúng tôi xây dựng chiến lược tăng trưởng từ 10-15% mỗi năm. Gắn hoạt động kinh doanh với trách nhiệm xã hội theo mô hình 3P: People (Con người) – Planet (Hành tinh) – Profit (Lợi nhuận).

Mỗi sản phẩm, dịch vụ cung cấp ra thị trường của Viettel Construction đều dựa trên chính nhu cầu của xã hội, giúp người dân có chất lượng cuộc sống tốt hơn, an nhiên và hạnh phúc. Bên cạnh đó, việc ứng dụng các giải pháp “Xanh – Thông minh” vào hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ của Tổng Công ty còn góp phần bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính, phù hợp với xu thế mới của thế giới và Việt Nam.

Hiện nay chúng tôi đang hoạt động kinh doanh dựa trên 5 lĩnh vực chính: Đầu tư hạ tầng cho thuê; Xây dựng (bao gồm xây dựng hạ tầng viễn thông, xây dựng dân dụng B2B và B2C); Công nghệ thông tin; Giải pháp & Dịch vụ Kỹ thuật; Vận hành khai thác.

Với sứ mệnh thúc đẩy cách mạng công nghiệp 4.0 đến các doanh nghiệp, hộ gia đình theo tiêu chí “Chuyên nghiệp – Chất lượng – Chi phí cạnh tranh”, Viettel Construction định hướng tầm nhìn trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh hiệu quả cao nhất.

Chúng tôi cam kết đồng hành và đảm bảo quyền lợi của khách hàng, cổ đông, nhân viên và đối tác trên hành trình trở thành Công ty có doanh thu tỷ đô vào năm 2030.

**CHỦ TỊCH**



**Đỗ Mạnh Hùng**

*Kính thưa Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và Quý vị,*

Trong những năm gần đây, nền kinh tế toàn cầu và trong nước suy giảm trầm trọng, hoạt động kinh doanh chịu tác động nặng nề từ các yếu tố như: Đại dịch Covid-19, chiến tranh thế giới, đứt gãy chuỗi cung ứng, lạm phát tăng cao,...

Trước bối cảnh đó, Viettel Construction đã thích ứng linh hoạt với thị trường, chủ động quản trị những rủi ro để hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025. Kết quả năm 2023, Viettel Construction đã hoàn thành bút phá kết quả kinh doanh với doanh thu tăng trưởng 21,3%, lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 16% so với năm 2022.

## 2. THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

*Kính thưa Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và Quý vị,*

Chính phủ và Nhà nước đã có định hướng chiến lược về việc phát triển “kinh tế xanh”, đây là xu thế tất yếu và phát triển bền vững cho doanh nghiệp, đặc biệt đối với các Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam. Bám sát chiến lược của Chính phủ và Nhà nước, Viettel Construction hiện tại đang đi đúng hướng và có nhiều cơ hội để bút phá trong những năm tiếp theo.



Điển hình trong năm 2023, Viettel Construction lần đầu tiên hoàn thành và vượt mốc doanh thu 10.000 tỷ đồng. Cụ thể, doanh thu năm 2023 đạt 11.399,4 tỷ đồng (tăng trưởng 21,3% so với năm 2022), hoàn thành 110% kế hoạch doanh thu năm 2023 (10.338,1 tỷ đồng). Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 644,8 tỷ đồng (tăng trưởng 16,2% so với năm 2022), hoàn thành 105% kế hoạch lợi nhuận năm 2023 (613,2 tỷ đồng).

Trong giai đoạn 5 năm (2019 – 2023), tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trước thuế kép đạt lần lượt 22% và 33,5%.

Chúng tôi nỗ lực hàng ngày trong việc đảm bảo công việc và thu nhập dành cho hơn 11.000 cán bộ nhân viên. Liên tục tuyển mới các nhân sự có trình độ cao gia nhập ngôi nhà chung Viettel Construction. Chúng tôi coi nguồn lực nhân sự là yếu tố cốt lõi để đưa Viettel Construction phát triển bền vững, hướng đến mục tiêu doanh thu đạt 15.000 tỷ đồng vào năm 2025 và đạt 1 tỷ USD vào năm 2030.

Việc đưa chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt nhất đến gần hơn với người dân trên mọi miền Tổ quốc và các Quốc gia trên thế giới là trách nhiệm của Viettel Construction trong giai đoạn mới, kế hoạch này đồng thời giúp cho Viettel Construction trở thành Công ty có đóng góp bền vững cho sự phát triển của xã hội.

Trước bối cảnh thị trường vẫn tồn tại nhiều biến động khó lường, Viettel Construction xác định ngoài việc tập trung phát huy có hiệu quả các động lực tăng trưởng truyền thống để đảm bảo hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024, Tổng Công ty còn chú trọng đầu tư nguồn lực để nghiên cứu, chuẩn bị những kịch bản thay đổi nội tại để đối phó với những rủi ro có thể xảy ra trong ngắn hạn, cũng như sẵn sàng các điều kiện đảm bảo để đón đầu xu thế và phát triển bền vững trong dài hạn.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Phạm Đình Trường**

Viettel Construction tiếp tục phát huy thế mạnh kinh doanh trên nền tảng kỹ thuật kết hợp ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng sống người dân thông qua từng sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Chúng tôi đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên quy mô toàn Tổng Công ty nhằm đạt mức trưởng thành số cao nhất, đồng thời xây dựng các giải pháp số tư vấn cho doanh nghiệp cải tiến, thích nghi dễ dàng hơn trong bối cảnh thị trường kinh tế suy yếu.

Thực tế đại dịch Covid-19 đã gây thiệt hại trên quy mô toàn cầu, tuy nhiên trong khó khăn Viettel Construction đã tìm ra cơ hội để thích nghi, hoạt động kinh doanh của Công ty bút phá trong những năm vừa qua.



### 3. TỔNG QUAN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo PTBV của Viettel Construction được xây dựng dựa trên bộ tiêu chuẩn của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative). Đây là chuẩn mực báo cáo mới nhất và được công nhận rộng rãi cho báo cáo PTBV, nhằm tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Ngoài ra, các hoạt động của Viettel Construction trong báo cáo này cũng gắn với 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc. Năm 2023 là năm đầu tiên Viettel Construction lập báo cáo PTBV riêng biệt với báo cáo thường niên.

Phạm vi báo cáo Báo cáo PTBV 2023 cung cấp thông tin về hiệu quả hoạt động PTBV trong tổng thể hoạt động của Viettel Construction trong năm tài chính 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023).

Nội dung trong báo cáo được xây dựng từ thông tin và dữ liệu của các hoạt động kinh doanh chính của Viettel Construction, Chúng tôi cam kết nỗ lực mở rộng phạm vi và giới hạn báo cáo nhằm đáp ứng những nhu cầu luôn thay đổi của các Bên liên quan trong tương lai.



### 4. GIỚI THIỆU VỀ TỔNG CÔNG TY

#### 4.1. THÔNG TIN CHUNG

- ▶ **Tên đầy đủ:** Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
- ▶ **Tên viết tắt:** Viettel Construction
- ▶ **Trụ sở chính:** Số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- ▶ **Địa chỉ liên hệ:** Số 6 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
- ▶ **Điện thoại:** (04)62451783
- ▶ **Website:** <https://viettelconstruction.com.vn/>
- ▶ **Mã cổ phiếu:** CTR. Niêm yết trên sàn HOSE từ ngày 23/02/2022
- ▶ **Ngành nghề kinh doanh chính:** Mã ngành 4390 (xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông)



#### 4.2. TÂM NHÌN, SỨ MỆNH

Viettel Construction được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 1995, là thành viên trong hệ sinh thái Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội. Sở hữu nguồn lực lên đến 11.000 người và mạng lưới hoạt động trải dài khắp 63 tỉnh thành trên cả nước, Viettel Construction là đơn vị cung cấp dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật hàng đầu Việt Nam thông qua 6 trụ kinh doanh chiến lược chính:

- ▶ Vận hành khai thác
- ▶ Đầu tư hạ tầng
- ▶ Xây dựng (bao gồm xây dựng hạ tầng viễn thông, xây dựng dân dụng B2B và B2C)
- ▶ Công nghệ thông tin
- ▶ Giải pháp tích hợp
- ▶ Dịch vụ Kỹ thuật

Đến nay sau 28 năm hoạt động, Viettel Construction đã xây dựng được hệ thống hạ tầng mạng lưới viễn thông trong nước với hơn 50.000 trạm phát sóng, 320.000 km cáp quang (tương đương 8 vòng trái đất), bao phủ 100% lãnh thổ Việt Nam bao gồm vùng biển hải đảo và vùng sâu vùng xa. Đồng thời còn là đơn vị tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông tại 10 quốc gia thuộc châu Á, châu Phi và châu Mỹ.

**TÂM NHÌN:** Trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất.

**SỨ MỆNH:** Thúc đẩy cách mạng công nghiệp 4.0 đến các doanh nghiệp, hộ gia đình. Cung cấp dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật theo tiêu chí: chuyên nghiệp, chất lượng, chi phí cạnh tranh.



### 4.3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



#### GIAI ĐOẠN 2004 - 2009

- ▶ Xí nghiệp xây lắp Công trình đổi tên thành Công ty Công trình Viettel.
- ▶ Năm 2006, Quyết định chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập với tên giao dịch mới: Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Công trình Viettel.



#### GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

- ▶ Năm 2010, Viettel Construction tập trung mạnh vào xây dựng hạ tầng mạng lưới 3G. Hạ tầng mạng 2G và 3G của Tập đoàn Viettel là mạng lớn nhất Việt Nam.
- ▶ Ngày 15/01/2010, Bộ trưởng Bộ quốc phòng quyết định về việc chuyển đổi Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Công trình Viettel thành Công ty cổ phần Công trình Viettel.

#### GIAI ĐOẠN 1995 - 2003

- ▶ Thành lập Xí nghiệp khảo sát thiết kế và Xí nghiệp Xây lắp Công trình (tiền thân của Tổng Công ty CP Công trình Viettel) trực thuộc Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội.
- ▶ Xí nghiệp thi công móng cột và lắp dựng các cột anten trong nước, quốc tế có chất lượng cao như: cột anten 120 m Đài truyền hình Tuyên Quang, Cột anten 140 m Đài truyền hình Trung ương Lào, các cột anten cho Công ty Lào Telecom tại Viên Chăn.



#### GIAI ĐOẠN 2018 - 2020

- ▶ Trở thành nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật trên nền tảng số hàng đầu Việt Nam.
- ▶ Chính thức hoạt động trên 5 trụ kinh doanh chính: Đầu tư hạ tầng cho thuê, Xây dựng dân dụng, Công nghệ thông tin, Giải pháp Tích hợp và Vận hành Khai thác.
- ▶ Trong năm 2011, Công trình Viettel tổ chức lực lượng triển khai thi công tại Haiti.
- ▶ Năm 2014, Thành lập 03 Công ty tại thị trường nước ngoài là Cameroon, Burundi và Tanzania.
- ▶ Năm 2015, Hoàn thiện thủ tục với Bộ Kế hoạch và đầu tư về cấp phép hoạt động tại 2 thị trường Lào và Myanmar

#### GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

- ▶ Trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất.
- ▶ Năm 2023: Viettel Construction ghi nhận doanh thu 11.399,4 tỷ đồng. Giữ vững vị thế TowerCo số 1 Việt Nam.
- ▶ Mục tiêu doanh thu đến năm 2025 đạt 15.000 tỷ đồng và đạt 25.000 tỷ vào năm 2030.
- ▶ Trưởng thành số đạt mức 5/5 theo tiêu chuẩn TMForum vào năm 2025.



#### 4.4. CHUỖI CUNG ỨNG

Tổng Công ty vận dụng mô hình **SCOR (Supply Chain Operation reference)** là mô hình tham chiếu hoạt động chuỗi cung ứng. Mô hình tham chiếu này liên kết các quy trình nghiệp vụ, các chỉ số hiệu suất và các kỹ năng con người thành một cấu trúc thống nhất xoay quanh quy trình quản lý tài chính của **Lập kế hoạch – Tìm nguồn cung ứng – Sản xuất – Phân phối – Trả hàng – Hỗ trợ**. Giúp Tổng Công ty lập kế hoạch và quản lý chuỗi cung ứng theo hướng giảm bớt chi phí, gia tăng lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro.



#### 4.5. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2023-2025

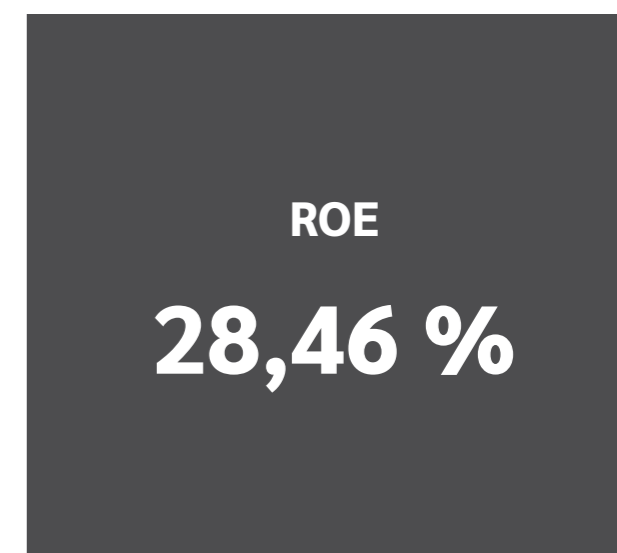
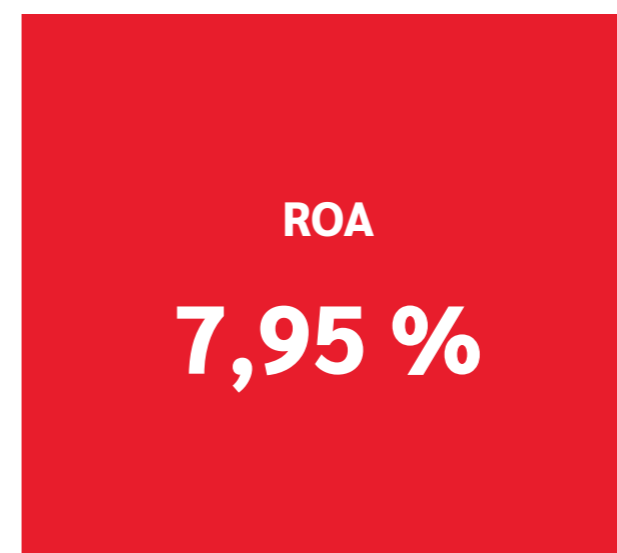
Cùng với xu thế chuyển dịch toàn cầu về phát triển xanh, chuyển đổi năng lượng, giảm phát thải, bắt đầu từ năm 2020 VCC đã tập trung vào phát triển năng lượng mặt trời với các hoạt động:

- ▶ Đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời cung cấp điện cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng điện năng lượng sạch.
- ▶ Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời cho các cá nhân và tổ chức có nhu cầu sử dụng năng lượng sạch.
- ▶ Nghiên cứu ứng dụng vật liệu xây dựng nhẹ, thân thiện với môi trường vào các công trình xây dựng dân dụng B2C - là chiến lược của VCC đến năm 2025 và các năm tiếp theo: kính tiết kiệm năng lượng, gạch không nung, các loại vật liệu siêu nhẹ, xi măng xanh, sơn xanh,...
- ▶ Educate khách hàng về lợi ích của việc sử dụng năng lượng tái tạo và những sản phẩm thân thiện với môi trường so với những sản phẩm truyền thống.

Lộ trình chiến lược kinh doanh cho năm 2024 đến 2025 như sau:

- ▶ **Năm 2024:** Nâng cao năng lực, chuyên nghiệp hóa công tác Vận hành khai thác đảm bảo tối ưu chi phí và tăng năng lực cạnh tranh. Tập trung phát triển các trụ Đầu tư hạ tầng là trụ chiến lược đem lại giá trị dài hạn cho Tổng Công ty; Xây dựng hệ sinh thái về cung cấp dịch vụ Xây dựng dân dụng, Giải pháp và dịch vụ kỹ thuật cho khách hàng doanh nghiệp và hộ gia đình.
- ▶ **Năm 2025:** Mở rộng không gian kinh doanh Go Global đối với lĩnh vực Xây dựng dân dụng. Tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái khép kín từ **Thiết kế – Triển khai – Vận hành – Tối ưu hạ tầng kết nối thông minh**.

#### 4.6. CÁC CON SỐ ẤN TƯỢNG, NỔI BẬT NĂM 2023



CÁC THÔNG TIN NỔI BẬT KHÁC:



**KINH DOANH**

- ▶ Giữ vững vị trí Towerco số 1 Việt Nam (hết năm 2023, lũy kế sở hữu ~ 6.436 trạm, 2,45 triệu m<sup>2</sup> DAS, 2.716km truyền dẫn, 16,87 Mw NLMT).
- ▶ Nguồn việc lĩnh vực xây dựng khách hàng doanh nghiệp (XDB2B) ký mới năm 2023 đạt 2.500 tỷ ~ 125%KH năm (2000 tỷ).
- ▶ Độ phủ xây dựng công trình nhà ở của VCC đến mức Huyện đạt 97%, đến mức Xã đạt 24% với gần 7.000 công trình (biệt thự, nhà ở).
- ▶ Chuyển dịch chiến lược Go Global, đã ký được 01 Hợp đồng giá trị mang lại ~ 1 triệu USD.

**CON NGƯỜI**

- ▶ Năng suất lao động đạt 1,068 tỷ/người/năm tăng 17% so với năm 2022 (0,911 tỷ/người/năm). Thu nhập bình quân thực hiện đạt 26,12 triệu đồng/người/tháng, tăng 0,6% so với năm 2022 (25,9 triệu/người/tháng).
- ▶ Chỉ số đào tạo: số giờ đào tạo trung bình đạt 86h/người/năm ~ 7h/người/tháng, tăng 65% so với năm 2022 (52h/người/năm) và tăng 79% so với năm 2019 (48h/người/tháng).
- ▶ Số lượng lao động của TCT có chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ quốc tế năm 2023 là 440 chứng chỉ XDDD, tăng 2,4 lần so với 2022 (185 chứng chỉ) và 52 chứng chỉ CNTT, tăng 1,5 lần so với năm 2022 (35 chứng chỉ). Tỷ lệ nhân sự công nghệ số đạt 0,9% so với KH 0,7%; nhân sự trình độ CĐ trở lên tại VCC đạt 76%.
- ▶ Văn hóa doanh nghiệp được phát triển theo 6 khía cạnh (văn hóa lấy khách hàng làm trung tâm, văn hóa số, văn hóa chất lượng, văn hóa học tập, văn hóa thực thi, văn hóa quản trị rủi ro), trở thành 1 phần của quy trình, chính sách nhân sự, truyền thông nội bộ và bên ngoài và đạt mức độ trưởng thành 5/5 - mức độ "Thông nhất" với việc quản lý VHDN gắn chặt chẽ vào kết cấu của tổ chức;



- ▶ Mức độ nhận diện thương hiệu VCC năm 2023 đạt 93%, tăng 2% so với năm 2022.

**QUY TRÌNH**

96/103 quy trình bổ sung ma trận rủi ro, đạt 93%, tăng 70% so với năm 2022.



**CÔNG NGHỆ**

Đã có sản phẩm công nghệ để đưa vào kinh doanh (máy lọc nước RO thông minh thương hiệu AIO smart và Loa thông minh với trợ lý ảo).



**QUẢN TRỊ**

Triển khai các hệ thống đánh giá/quản trị theo chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó đẩy mạnh các cơ chế giúp nâng cao chất lượng lao động, làm thật để nhận giá trị thật tương xứng.



- ▶ Chuyển đổi dữ liệu hạch toán, áp dụng mô hình kế toán quản trị tới mức 63 Tỉnh/TP.
- ▶ Tất cả các hoạt động SXKD tại TCT được kiểm soát theo Mô hình quản trị rủi ro hiện đại.

## 4.7. CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

### GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC



Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất (Forbes)



Top 3 Cổ phiếu MidCap Nhà đầu tư yêu thích



Top 50 Công ty Đại chúng Việt Nam



Giải Chuyển đổi số Việt Nam



Năng lượng thông minh Giải Thành phố thông minh



Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam



Top 7 thương hiệu tuyển dụng được yêu thích nhất



Top 500 Thương hiệu tuyển dụng hàng đầu Việt Nam



Top công nghiệp 4.0



Vietnam Best Growth



Vietnam Best Growth



Profit500

### GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ



Giải Vàng Công ty xây dựng của năm International Business Awards 2023



Giải Đồng Giải pháp Công nghệ thông tin IT World Awards 2023



Giải Công ty có quan hệ tốt với nhà đầu tư và hoạt động truyền thông Global CSR & ESG Awards 2023

#### NĂM 2023:

- ▶ Giải Thành phố thông minh Việt Nam năm 2023 (SmartCity Awards).
- ▶ Doanh nghiệp truyền thông và xây dựng mối quan hệ với nhà đầu tư tốt nhất năm 2023 (Global CSR & ESG Summit and Awards 2023: Best Corporate Communications & Investors Relations Team).
- ▶ IT World Awards năm 2023 (Hạng mục đổi mới dịch vụ khách hàng của năm và hạng mục Giải pháp CNTT dành cho doanh nghiệp lớn).

- ▶ International Business Awards 2023: Giải Vàng Công ty xây dựng của năm (Company of the year – Materials & Construction – Large).
- ▶ Giải Thành phố thông minh Việt Nam năm 2023 (SmartCity Awards).
- ▶ Top 3 MidCap Investor Relations (IR) Awards 2023.
- ▶ Giải Chuyển đổi số Việt Nam: Giải pháp công nghệ số tiêu biểu của năm (Vietnam Digital Awards).
- ▶ Top doanh nghiệp Công nghiệp 4.0 Việt Nam 2023 (Hiệp hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chủ trì).

- ▶ Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, đứng đầu bảng xếp hạng nhóm ngành Xây dựng/Kiến trúc (Anphabe).
- ▶ Top 7/100 Nhà tuyển dụng được yêu thích nhất (CareerBuilder tổ chức).
- ▶ Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam (Báo Đầu tư).
- ▶ Top 50 Doanh nghiệp sáng tạo và kinh doanh hiệu quả Việt Nam 2023 (Báo Đầu tư bình chọn).

#### NĂM 2022:

- ▶ Globe: Customer Service Team of the Year (Dịch vụ VCC Services)
- ▶ Vietnam Value: Thương hiệu sản phẩm dịch vụ quốc gia (Thiết kế, cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời)
- ▶ Giải Chuyển đổi số: Doanh nghiệp chuyển đổi số hệ sinh thái xuất sắc
- ▶ Giải thưởng hiệu Mạnh: Top10 Thương hiệu Mạnh - Ngành Xây dựng, vật liệu xây dựng
- ▶ Forbes: Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam
- ▶ Top công nghiệp 4.0: Doanh nghiệp sở hữu sản phẩm số thông minh 4.0
- ▶ Sao khuê: Doanh nghiệp sở hữu sản phẩm số xuất sắc ngành phần mềm, công nghệ thông tin Việt Nam
- ▶ Top 50 Vietnam Best Profitable: Top 50 Doanh nghiệp có lợi nhuận xuất sắc Việt Nam
- ▶ PROFIT500: Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam - thứ hạng 234/500
- ▶ Top 50 Vietnam Best Growth: Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam
- ▶ FAST500: Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam - thứ hạng 153/500

- ▶ Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất năm 2023 (Forbes).
- ▶ Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng “xuất sắc nhất” Việt Nam.
- ▶ Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2023 (224/500).
- ▶ Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc Việt Nam 2023 (Vietnam Best Profitable).
- ▶ Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2023 (206).

#### NĂM 2021 VÀ CÁC NĂM TRƯỚC ĐÓ:

- ▶ Giải Vàng IT World Awards hạng mục phần mềm quản lý doanh thu và khách hàng tích hợp (năm 2021)
- ▶ Giải Vàng International Business Awards, công ty xây dựng của năm 2020
- ▶ Công ty được công chúng bình chọn yêu thích nhất People’s Choice Stevie Awards (năm 2020)
- ▶ Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (năm 2021)
- ▶ Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất (năm 2020)
- ▶ Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhì (năm 2015)
- ▶ Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2010)
- ▶ Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ (năm 2008, 2020)
- ▶ Bằng khen của Bộ Quốc Phòng (năm 2013)
- ▶ Cờ thi đua của Bộ Quốc Phòng (năm 2017, 2020)





# CHIẾN LƯỢC VÀ QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## 1. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VCC từ đơn vị xây lắp thuần túy, trở thành Tổng Công ty cung cấp dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật, công nghệ với quy mô gần 11.000 người, tâm đắc mang trong mình sứ mệnh đồng hành “Dựng Xây Cuộc Sống Mới” cùng các doanh nghiệp trên cả nước và thế giới → Tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được trên cơ sở ưu tiên hàng đầu đảm bảo an toàn tuyệt đối trong mọi hoạt động SXKD, hướng đến mục tiêu doanh thu năm 2025 đạt 15.000 tỷ và đạt 1 tỷ USD vào năm 2030; mỗi trung tâm kinh doanh của VCC đến 2024 phải đạt doanh thu tối thiểu 1000 tỷ VNĐ.

Vận hành và phát triển hướng tới mạng lưới xanh, công trình xanh, năng lượng xanh đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững cho môi trường.

Các mục tiêu phát triển gắn với 17 mục tiêu trọng tâm của Liên hiệp quốc.



## 1 XÓA NGHÈO

- ▶ Việc làm ổn định cho 11.301 người
- ▶ 06 tỷ đồng hỗ trợ chương trình “Ngôi nhà đoàn kết” cho 70 công đoàn viên
- ▶ 1.6 tỷ đồng hỗ trợ gia đình chính sách, có công với cách mạng ~ 3.098 người
- ▶ 9 tỷ đồng đóng góp Quỹ “Vì người nghèo”

## 2 XÓA ĐÓI

- ▶ 5.1 tỷ đồng thăm hỏi, trợ cấp khó khăn khi gặp tai nạn, thiên tai, hỏa hoạn cho 1.560 người
- ▶ 42.3 tỷ đồng tặng quà, thăm hỏi dịp Tết nguyên đán cho 11.563 CBNV
- ▶ Ủng hộ quỹ “Mái ấm công đoàn, nghĩa tình đồng đội” 1.4 tỷ đồng

## 3 SỨC KHỎE TỐT VÀ CUỘC SỐNG HẠNH PHÚC

- ▶ Khám bệnh hàng năm: 11.536 lượt người lao động
- ▶ Chương trình người Viettel nhân ái hỗ trợ chữa bệnh hiểm nghèo: 0.5 tỷ đồng
- ▶ Ủng hộ 0.56 tỷ đồng “Quỹ bảo trợ trẻ em”; 09 tỷ đồng “Quỹ đền ơn đáp nghĩa”

## 4 GIÁO DỤC CHẤT LƯỢNG

- ▶ 3.043 khóa đào tạo ~ 93.000 giờ đào tạo cho CBNV

## 5 BÌNH ĐẲNG GIỚI

- ▶ Không phân biệt đối xử
- ▶ 4.9 % lao động nữ năm 2023 ~ 554 người tăng 0.3 % so với năm 2022

## 6 NƯỚC SẠCH VÀ ĐIỀU KIỆN VỆ SINH

- ▶ Áp dụng tiêu chuẩn ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường
- ▶ 100% nước sử dụng đạt chuẩn

## 7 NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ GIÁ HỢP LÝ

- ▶ Sản xuất và cung cấp lên lưới điện 16.8 Mwb năng lượng mặt trời cho hệ thống điện quốc gia
- ▶ Bảo dưỡng, vận hành 182 MWb điện năng lượng mặt trời cho các quỹ đầu tư

## 8 VIỆC LÀM BỀN VỮNG & TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

- ▶ Tạo việc làm thu nhập cao cho 11.301 lao động
- ▶ Nộp ngân sách nhà nước 533 tỷ đồng, Doanh thu tăng trưởng 21,3%
- ▶ Top 50 Công ty Niêm yết tốt nhất năm 2023 (Fobers)
- ▶ Top 50 Công ty đại chúng uy tín và hiệu quả năm 2023 (Vietnam report)
- ▶ Top 64/100 Doanh nghiệp có môi trường làm việc hạnh phúc (Anphabe)

## 9 CÔNG NGHIỆP, ĐỔI MỚI VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG

- ▶ Sở hữu 4.929 trạm BTS; 1.87 triệu m<sup>2</sup> DAS; 2.682 Km truyền dẫn treo; 24,4 Km ngầm hóa và 16.8Mwb/53 hệ năng lượng mặt trời

## 10 GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG

- ▶ Không có khiếu nại về bất bình đẳng
- ▶ Không có khiếu nại về phân biệt đối xử
- ▶ Không có lao động cưỡng bức, không lao động trẻ em

## 11 CÁC THÀNH PHỐ VÀ CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG

- ▶ Không có khiếu nại của cộng đồng xung quanh về môi trường

## 12 TIÊU DÙNG VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM

- ▶ Hệ thống ISO đang áp dụng tại TCT:
  - ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng
  - ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường
  - ISO 20000-1:2018 - Hệ thống quản lý dịch vụ
  - ISO 22301:2019 - Hệ thống quản lý kinh doanh liên tục
  - ISO 27001: 2013 - Hệ thống quản lý an toàn thông tin
  - ISO 45001:2018 - Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.
- ▶ Minh bạch thông tin tới các bên liên quan

## 13 ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

- ▶ Ứng dụng năng lượng xanh (Solar) trong phát triển kinh tế
- ▶ Hành động vì môi trường xanh: 60.000 văn bản điện tử; ký 8.350 hợp đồng điện tử
- ▶ Áp dụng ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường trong sản xuất kinh doanh tại TCT

## 14 ĐỜI SỐNG DƯỚI NƯỚC

- ▶ Hoạt động xả thải tuân thủ theo đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước

## 15 ĐỜI SỐNG TRÊN CẠN

- ▶ Không săn bắt động vật hoang dã
- ▶ Kinh doanh sản phẩm thân thiện với môi trường: Doanh thu Đèn năng lượng mặt trời 100 tỷ đồng

## 16 HÒA BÌNH, CÔNG LÝ VÀ THỂ CHẾ HIỆU QUẢ

- ▶ Đóng góp 74 văn bản luật, nghị định, thông tư
- ▶ Hỗ trợ và đồng hành cùng Chính phủ hướng đến 17 mục tiêu phát triển bền vững

## 17 HỢP TÁC ĐẠT MỤC TIÊU

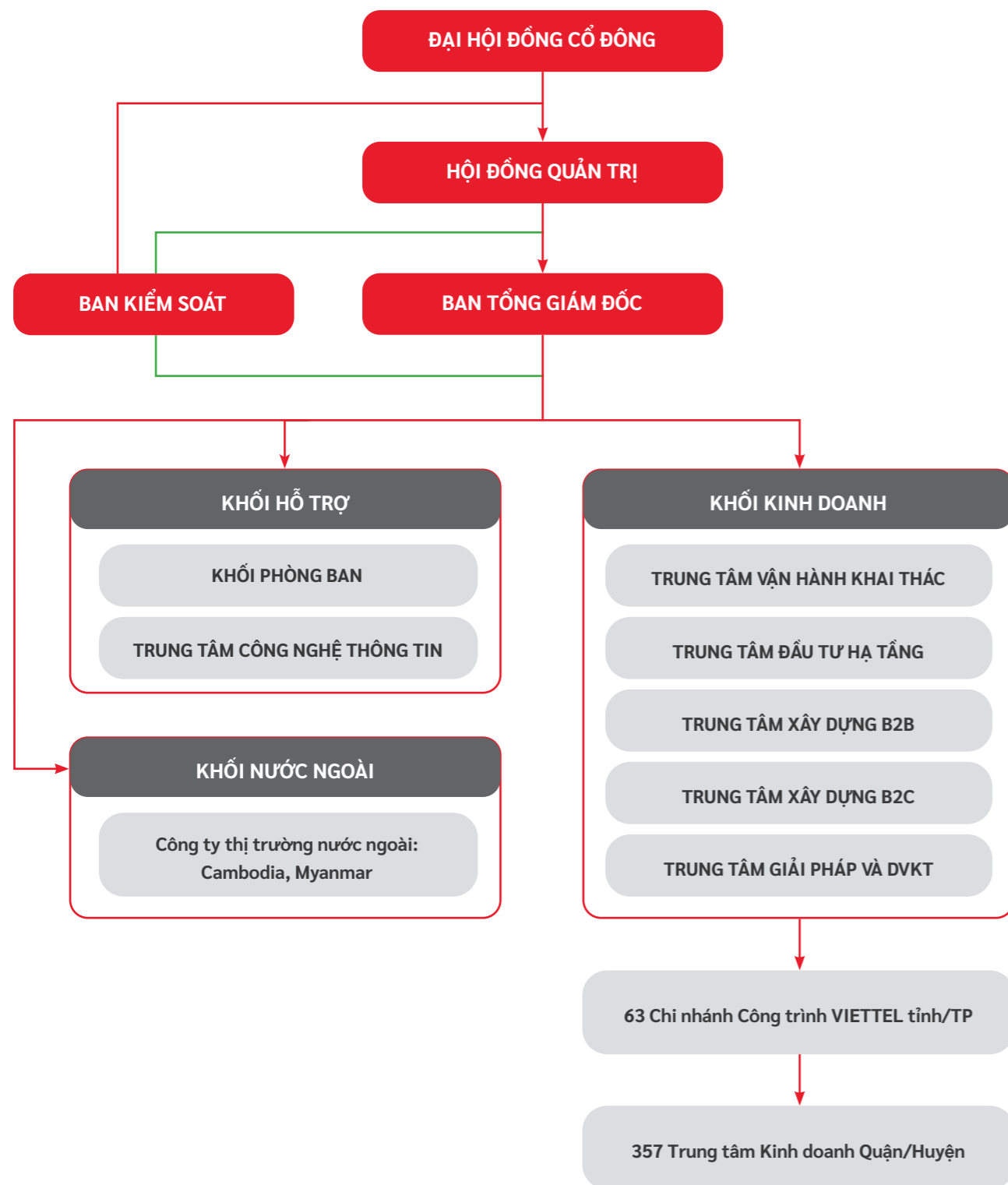
- ▶ Góp vốn tại 02 Công ty GIS (Cambodia) và VCM (Myanmar)
- ▶ Là thành viên trực thuộc VIETTEL GROUP



## 2. QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với phương pháp tiếp cận nhất quán và hài hòa lợi ích phát triển kinh tế với thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, VCC xây dựng hệ thống quản trị theo các tiêu chuẩn thông lệ quốc tế, tích hợp vào tất cả các hoạt động kinh doanh. Khung quản lý, chính sách và quy trình đối với các lĩnh vực PTBV trọng yếu, được từng bước xây dựng và triển khai thực hiện giúp các cấp quản lý có thể đánh giá hiệu quả hoạt động và liên tục cải thiện.

*Cơ cấu quản trị Phát triển bền vững tại VCC:*

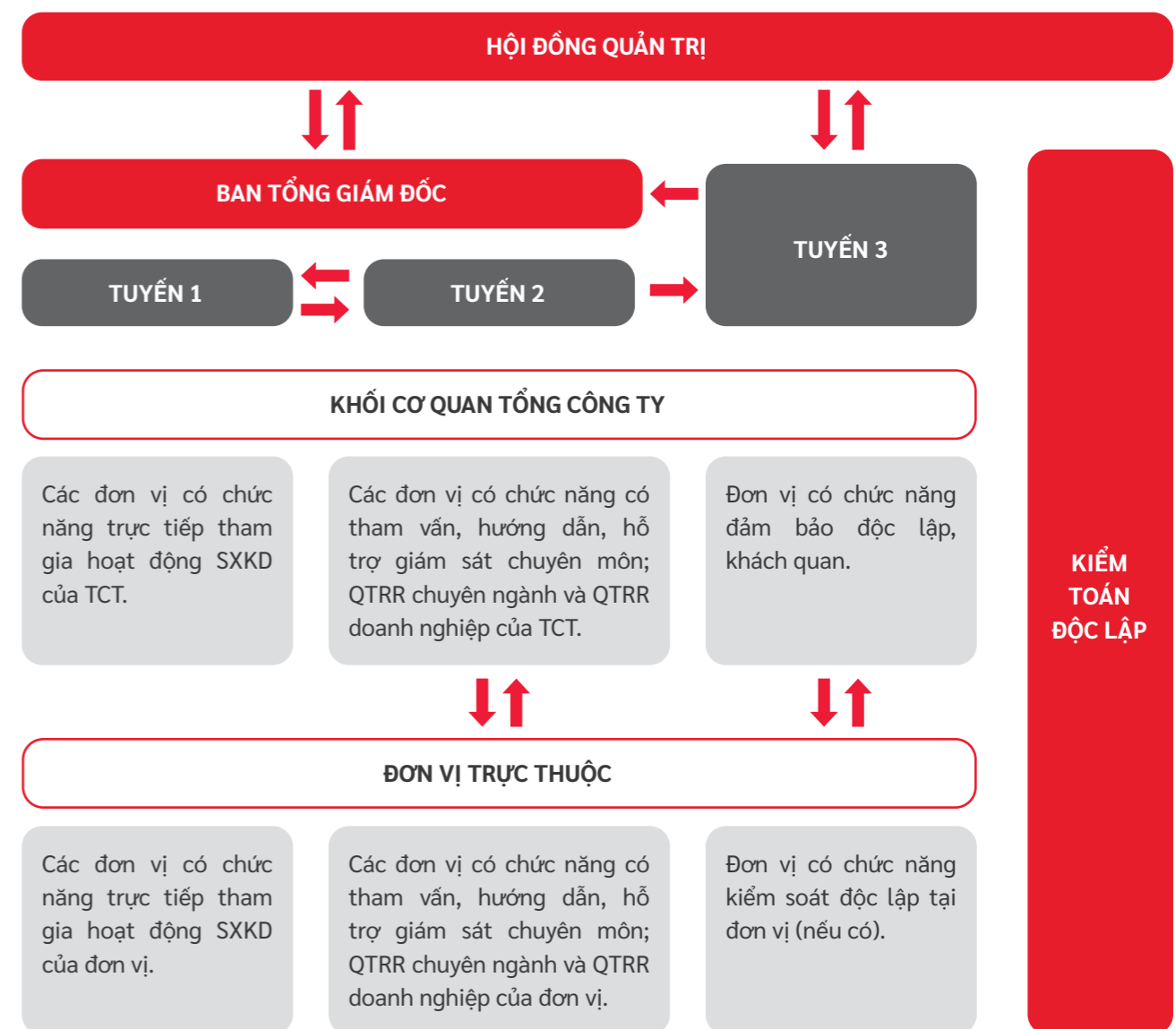


## 3. QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong năm 2023, các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tổng Công ty (TCT) đã có những ứng phó kịp thời nhằm đạt mục tiêu là duy trì hoạt động kinh doanh an toàn, đảm bảo phát triển bền vững.

Để thực hiện điều đó, hệ thống Quản trị rủi ro (QTRR) tiếp tục được hoàn thiện, giúp TCT định hướng, ước lượng, đánh giá, kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Hệ thống QTRR đã đạt được mức độ trưởng thành 4 trong năm 2023.

### 3.1. CƠ CẤU QTRR TẠI TỔNG CÔNG TY



Cơ cấu QTRR vẫn được duy trì với 3 tuyến QTRR giúp Tổng Công ty tiếp cận được với những rủi ro một cách khoa học và có hệ thống nhằm nhận dạng, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những tổn thất mất mát,

những ảnh hưởng bất lợi của rủi ro đồng thời biến rủi ro thành những cơ hội thành công. Theo đó, mô hình 3 tuyến chỉ rõ vai trò, trách nhiệm của các vị trí QTRR trong TCT.



**TUYẾN THỨ NHẤT:** Bao gồm các đơn vị có chức năng trực tiếp hỗ trợ, tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trực tiếp nhận diện, phân tích, đánh giá, xử lý trực tiếp và báo cáo các rủi ro có ảnh hưởng đến việc đạt được các mục tiêu của Tập đoàn/đơn vị.

**TUYẾN THỨ 2:** Bao gồm các đơn vị có chức năng hướng dẫn, hỗ trợ, giám sát, phân biện, kiểm soát, quản trị các rủi ro chuyên ngành và rủi ro doanh nghiệp. Tuyến thứ 2 chịu trách nhiệm điều phối, hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát việc triển khai quản trị rủi ro tại tuyến thứ nhất.

**TUYẾN THỨ 3:** Bao gồm các đơn vị có chức năng kiểm toán nội bộ tại Tập đoàn và kiểm soát độc lập (nếu có) tại đơn vị. Tuyến thứ 3 có trách nhiệm cung cấp các

đánh giá độc lập và khách quan về tính hiệu quả của quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và khuyến nghị phương án cải thiện.

Các phòng, bộ phận chức năng trực thuộc các phòng ban Khối cơ quan (trừ Phòng Kiểm toán nội bộ thuộc HĐQT) và các phòng, bộ phận chức năng trực thuộc các đơn vị (Trung tâm kinh doanh, chi nhánh công trình, công ty thị trường) đóng vai trò cả tuyến thứ nhất và tuyến thứ hai: Vai trò tuyến thứ nhất thể hiện qua việc trực tiếp hỗ trợ hoặc tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh; và vai trò tuyến thứ hai thể hiện qua việc hướng dẫn, hỗ trợ, giám sát, phân biện, kiểm soát, quản trị về các vấn đề rủi ro chuyên ngành và rủi ro doanh nghiệp.

### 3.2. CHÍNH SÁCH QUẢN TRỊ RỦI RO

Chính sách QTRR tại VCC quy định các vấn đề cơ bản trong Quản trị rủi ro tại TCT. Chính sách QTRR là cơ sở pháp lý để Tổng Giám đốc và các đơn vị trực thuộc TCT thực hiện QTRR, được áp dụng thống nhất và gắn liền với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược của TCT.

Chính sách QTRR được đánh giá và cập nhật định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có sự thay đổi về môi trường kinh doanh, pháp lý, chiến lược kinh doanh hoặc các tác động khác có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của VCC.

yếu tại TCT. Từ đó, đưa ra những giải pháp và phương án ứng phó rủi ro phù hợp nhằm giảm thiểu và kiểm soát những rủi ro đó một cách hiệu quả.



### 3.3. BÁO CÁO RỦI RO

Báo cáo Quản trị rủi ro hàng tháng tổng hợp các sự kiện tổn thất, theo dõi công tác thực hiện QTRR tại các đơn vị, nhận diện và đánh giá những rủi ro trọng



### 3.4. RỦI RO TRỌNG YẾU

#### a. RỦI RO TÀI CHÍNH

Công nợ phải thu khách hàng quá hạn do Chủ đầu tư khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn do ngân hàng thắt chặt cho vay, tuy nhiên, với mỗi Phương án kinh doanh trước khi ký kết hợp đồng, VCC đều đánh giá năng lực tài chính của Chủ đầu tư, đồng thời áp dụng các điều khoản hợp đồng chặt chẽ trong thanh toán để giảm thiểu rủi ro công nợ phải thu khách hàng quá hạn.

#### b. RỦI RO TUÂN THỦ

Đây là rủi ro hoạt động trong việc quản lý gian lận và cải thiện hiệu quả vận hành tại các khâu nghiệp vụ của Tổng công ty. Rủi ro này có thể phát sinh do các nguyên nhân liên quan đến:

- ▶ **Con người:** Các hành vi thiếu sót, gian lận của cán bộ nhân viên hoặc thực hiện không đúng theo các quy định/quy trình hiện hành của Tổng Công ty;
- ▶ **Quy trình:** Quy định/quy trình không đầy đủ, không rõ ràng, mâu thuẫn, bị chống chéo do những hạn chế trong khâu thiết kế quy trình;
- ▶ **Hệ thống:** Sự không đầy đủ hoặc vận hành không tốt, gián đoạn của hệ thống từ việc không có dữ liệu hoặc dữ liệu không chính xác.
- ▶ Ba yếu tố chính này có thể gây ra tổn thất về tài chính và tác động tiêu cực phi tài chính đối với Tổng Công ty như làm giảm chất lượng sản phẩm, dịch vụ dẫn đến khách hàng phàn nàn, làm giảm uy tín của Tổng Công ty.
- ▶ Để kiểm soát rủi ro này, Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quy định, quy trình theo tiêu chuẩn và thường xuyên cập nhật định kỳ (06 tháng/1 năm) các hệ thống quy định này. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo cho cán bộ nhân viên về các quy định, quy trình của Tổng Công ty và thực hiện định kỳ cũng như đột xuất công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ để phát hiện các hành vi gian lận, không tuân thủ quy định của người lao động.

#### c. RỦI RO DANH TIẾNG

Rủi ro danh tiếng có thể xảy ra với những khiếu nại của khách hàng về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, hoặc các bài báo, bình luận tiêu cực trên báo chí, phương tiện truyền thông, mạng xã hội... dẫn đến sự suy giảm về hình ảnh thương hiệu và uy tín của Tổng Công ty trên thị trường. Để kiểm soát rủi ro này, Tổng Công ty đã thiết lập các cơ chế (bao gồm các quy định, quy trình, hệ thống và Phòng Chăm sóc Khách hàng, Phòng Truyền thông đào tạo chuyên trách) để giải quyết hiệu quả các khiếu nại, đề xuất của khách

hàng, xử lý khủng hoảng truyền thông và định kỳ khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng và các bên liên quan qua hệ thống chatbot, sms nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến dịch vụ. Đồng thời, Tổng Công ty cũng liên tục triển khai các hoạt động quan hệ công chúng thông qua các phương tiện truyền thông khác nhau để cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời giúp khách hàng, đối tác, cổ đông, báo chí, cơ quan nhà nước tin tưởng vào tín nhiệm Tổng Công ty.

#### d. RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông và xây dựng trên khắp các tỉnh thành Việt Nam, Tổng Công ty luôn sử dụng một lượng lớn lao động để đáp ứng yêu cầu trong hoạt động vận hành và cung cấp sản phẩm, dịch vụ, đồng thời cần tuyển dụng và giữ chân nhiều nhân sự quản lý các cấp có kinh nghiệm, chuyên môn cao trong lĩnh vực viễn thông và xây dựng. Nhằm giảm thiểu rủi ro thiếu hụt về nguồn nhân lực ở mức thấp nhất, Tổng Công ty luôn đưa ra các chế độ, chính sách hấp dẫn với CBNV như luôn tạo môi trường làm việc tốt nhất cho CBNV, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ nhân viên cũng như có các chính sách đào tạo và bồi dưỡng các cán bộ có năng lực, tạo cơ hội cho đội ngũ nhân sự trẻ để bổ sung cho các cấp quản lý.

#### e. RỦI RO VỀ TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

Tổng Công ty hiện đang đẩy mạnh triển khai các dự án liên quan đến đầu tư hạ tầng kinh doanh cho thuê (như hạ tầng trạm viễn thông BTS, hạ tầng năng lượng mặt trời ...), các dự án xây dựng nhà dân B2C, dự án xây dựng dân dụng B2B. Những hạng mục công việc liên quan như đảm bảo mặt bằng thi công, tổ chức đấu thầu, tổ chức thi công, nghiệm thu đưa vào khai thác ... đều có thể phát sinh những yếu tố, sự kiện làm chậm tiến độ, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty. Nhận diện được rủi ro tiềm tàng này, Tổng Công ty đã xây dựng quy trình và danh mục chi tiết các nhóm việc, đầu việc, phân công trách nhiệm cụ thể đến từng cơ quan đơn vị tham gia từ giai đoạn chuẩn bị dự án đến kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng đồng thời xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát nội bộ trong suốt quy trình triển khai dự án. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng luôn duy trì việc cập nhật danh sách các doanh nghiệp tư vấn, thi công, cung cấp thiết bị có năng lực, uy tín và theo dõi tiến độ, chất lượng dự án trên phần mềm.

### 3.5. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2023

**VỀ CON NGƯỜI:** Tổng Công ty chú trọng củng cố năng lực cho nhân sự Quản trị rủi ro với 80 Điều phối viên là ngành dọc của Quản trị rủi ro tại các đơn vị được đào tạo hàng Quý. Các buổi hội thảo (hướng dẫn xây dựng hồ sơ rủi ro, mô hình phân tích rủi ro Monte Carlo, phân tích độ nhạy đối với rủi ro dự án đầu tư...) được tổ chức định kỳ. Văn hóa QTRR được lan tỏa đến từng CBNV tại TCT với những bản tin rủi ro, những chuyên đề rủi ro được tổ chức và ghi nhận, truyền thông hàng tháng, góp phần làm đầy kho tri thức về QTRR. Tổng Công ty xây dựng Cộng đồng QTRR với chuyên đề sinh hoạt Cộng đồng hàng quý (được đông đảo CBNV tham gia, tháng cao điểm lên tới ~ 8.000 CBNV) ghi nhận các rủi ro mới nổi, các rủi ro trọng yếu của Tổng Công ty nâng cao nhận thức về văn hóa QTRR.

**VỀ QUY TRÌNH:** Hệ thống chính sách, quy trình QTRR tiệm cận chuẩn Quốc tế. 83 bộ Hồ sơ rủi ro trọng yếu và 233 chỉ số đo lường rủi ro (KRI) của 82 đơn vị và Tổng công ty được theo dõi hàng tháng/quý, tự động cảnh báo vượt ngưỡng và giao WO tự động để các đơn vị có biện pháp ứng phó nhằm đưa rủi ro về mức chấp nhận được.

Năm 2023 là năm quan trọng cho việc thực thi chiến lược 05 năm giai đoạn 2021-2025, do đó hoạt động Quản trị rủi ro (QTRR) của Tổng Công ty (TCT) đã tập trung hướng đến việc tích hợp QTRR chuyên sâu vào các hoạt động sản xuất kinh doanh như lập Phương

án kinh doanh, quản lý toàn trình dự án đầu tư, thay đổi mô hình tổ chức,... đều được nhận diện, phân tích, đánh giá và đề xuất các biện pháp kiểm soát rủi ro. Công tác Kiểm soát nội bộ tại TCT thực hiện chuyên đề theo định hướng rủi ro. Nội dung QTRR đã được đưa vào bài toán xây dựng phần mềm quản lý toàn trình dự án B2B, B2C nhằm nhận diện và kiểm soát tự động rủi ro trước, trong và sau khi triển khai hợp đồng. Hệ thống Quản trị hoạt động kinh doanh liên tục (BCM – Business Continuity Management) theo ISO 22301 với 06 kịch bản ứng phó rủi ro gián đoạn SXKD (BCP) được xây dựng tại 04 TTKD (VHKT, GPTH, TTHT, DVKT) và TT.CNTT.

**VỀ CÔNG CỤ:** Nhằm mục đích xây dựng công cụ phục vụ công tác QTRR toàn trình từ việc nhận diện rủi ro đến kiểm soát tiến độ triển khai giải pháp ứng phó, TCT áp dụng chuyển đổi số, hướng đến tự động nhận diện và cảnh báo kịp thời các nguy cơ, rủi ro trong hoạt động SXKD của từng đơn vị thuộc TCT trên phần mềm. 06 luồng công việc Quản trị rủi ro đã được số hóa. Báo cáo dashboard BI quản trị rủi ro cập nhật hàng tháng dữ liệu tổn thất, phục vụ BTGD và HĐQT.

**VỀ QUẢN TRỊ:** Công tác hậu kiểm QTRR tại các đơn vị được triển khai hàng quý nhằm đánh giá hiệu quả và đưa ra các kiến nghị khắc phục cho đơn vị. Cơ chế thưởng phạt cá nhân được duy trì hàng tháng cũng góp phần thúc đẩy văn hóa QTRR, đưa công tác QTRR đi vào nề nếp.



## 4. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Việc tuân thủ pháp luật là nền tảng để doanh nghiệp phát triển bền vững, trong quá trình vận hành và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, VCC luôn đảm bảo tuân thủ các quy định, đồng thời đã thực

hiện thủ tục công bố thông tin một cách công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

**Hoạt động tuân thủ pháp luật tại VCC:**



### VỀ CON NGƯỜI

- ▶ VCC đã tiến hành nâng cao chất lượng tuyển dụng và chuyên môn hóa nhân sự phụ trách các mảng pháp lý, tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân sự thông qua các khóa đào tạo nội bộ, các chương trình hội thảo, từ đó đảm bảo hiệu quả trong quá trình tư vấn các vướng mắc pháp lý liên quan đến các dự án, hoạt động SXKD đang triển khai tại TCT.



### VỀ QUY TRÌNH

- ▶ Đã tiến hành thực hiện triển khai xây dựng khung tuân thủ pháp luật để nhận diện các yêu cầu cần tuân thủ, qua đó kịp thời nhận diện rủi ro và có các hành động ứng phó, phòng ngừa kịp thời.
- ▶ Chủ động nắm bắt các thay đổi và cập nhật mới về các quy định Pháp luật từ đó rà soát các văn bản, quy chế quản trị nội bộ và xây dựng quy trình phù hợp nhằm củng cố tính tuân thủ trong TCT.



### VỀ CÔNG CỤ

- ▶ Hoạt động tuân thủ pháp luật còn thể hiện qua việc VCC đã thực hiện chuyển đổi số, xây dựng các công cụ, phần mềm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, làm cơ sở đảm bảo thông suốt cho hoạt động, vận hành của TCT.



### VỀ QUẢN TRỊ

- ▶ Thực hiện hậu kiểm công tác pháp lý định kỳ nhằm đánh giá hiệu quả và yêu cầu khắc phục những vấn đề tồn tại của đơn vị.

## 5. ĐẠO ĐỨC VÀ CHÍNH TRỰC

Bộ quy tắc ứng xử của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel (VCC) khi đi vào áp dụng thực tiễn sẽ phát huy được năng lực của từng cán bộ, nhân viên (CBNV) VCC và là động lực thúc đẩy cho mỗi CBNV VCC thực thi có hiệu quả công tác chuyên môn, xây dựng tác phong làm việc chuyên nghiệp và thái độ làm việc văn minh, có văn hóa.

Với mong muốn, Bộ quy tắc ứng xử của VCC sẽ là quy định chuẩn mực được ứng dụng, đồng hành cùng mỗi CBNV VCC, hiểu sâu sắc và hành động thông qua hành vi ứng xử khi làm việc, giao tiếp, góp phần gìn giữ và nâng cao truyền thống đoàn kết nội bộ, đồng thời tạo dựng hình ảnh và giữ vững niềm tin của khách hàng, của đối tác và của cộng đồng đối với VCC.



## 6. GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Hợp tác cùng các đơn vị tín dụng như VP Bank, OnePay để triển khai các chương trình mua sản phẩm dịch vụ của Tổng Công ty bằng phương thức trả góp, giảm thiểu gánh nặng tài chính vào một thời điểm cho khách hàng.

TCT đã thực hiện chương trình tri ân các gia đình thương binh liệt sĩ hàng năm (2003/KH-GPTH).

Triển khai các dự án trong chương trình phòng chống dịch Covid 19 (Cung cấp camera cho các Bệnh viện dã chiến, Bệnh viện Đại học Y...); chương trình Sóng và máy tính cho em; các dự án xây lắp công trình mang tính An Ninh quốc phòng cho Bộ Công An, Biên Phòng.



## 7. CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU GẮN LIỀN VỚI 17 MỤC TIÊU PTBV

Tổng Công ty CP Công trình Viettel đánh giá trọng yếu các chủ đề, lĩnh vực có ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và sự phát triển của TCT. Các vấn đề PTBV trong chuỗi giá trị Tổng Công ty mang tính đặc thù ngành và các thông lệ quốc tế về quản trị bền vững cũng được rà soát, phân tích trong bước xem xét ưu tiên. Theo đó, TCT tái khẳng định chiến lược phát triển theo định

hướng bền vững, góp phần thúc đẩy và kiến tạo một cộng đồng vững mạnh, xã hội công bằng.

Báo cáo PTBV của VCC xác định ngoài 7 tiêu chí theo tiêu chuẩn GRI 100 công bố thông tin theo tiêu chuẩn, TCT xác định các nội dung trọng yếu theo các tiêu chuẩn GRI200,300,400 theo 17 tiêu chí.

### GRI 100: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn

- 1 Chiến lược và phân tích
- 2 Hồ sơ tổ chức
- 3 Thông số báo cáo
- 4 Quản trị
- 5 Cam kết với các sáng kiến bên ngoài
- 6 Sự tham gia của các bên liên quan
- 7 Phương pháp quản lý

### GRI 300: Chỉ số môi trường

- 1 Năng lượng
- 2 Tuân thủ về môi trường

### GRI 400: Chỉ số xã hội

- 1 Việc làm
- 2 Mối quan hệ Lao động Quản lý
- 3 An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp
- 4 Giáo dục và Đào tạo
- 5 Sự đa dạng và Cơ hội bình đẳng
- 6 Lao động trẻ em
- 7 Chính sách Công
- 8 Sức khỏe và an toàn của khách hàng
- 9 Tiếp thị và Nhân hiệu
- 10 Quyền bảo mật thông tin khách hàng
- 11 Tuân thủ về Kinh tế - Xã hội

### GRI 200: Chỉ số hiệu quả kinh tế

- 1 Khía cạnh hiệu quả kinh tế
- 2 Sự hiện diện trên thị trường
- 3 Tác động kinh tế gián tiếp
- 4 Thông lệ mua sắm



# HIỆU QUẢ TRÊN CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

# 1. KHÍA CẠNH HIỆU QUẢ KINH TẾ

## 1.1. GIÁ TRỊ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA: DOANH THU, CHI PHÍ, ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	NĂM 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
<b>1. Tổng doanh thu</b>	6.380	7.461	9.495	11.399
▶ Doanh thu bán hàng và CCDV	6.359	7.447	9.467	11.299
▶ Doanh thu tài chính và doanh thu khác	21	14	28	100
<b>2. Tổng chi phí</b>	6.035	6.990	8.925	10.754
<b>3. Lợi nhuận trước thuế</b>	345	472	570	645
<b>4. Giá trị đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản khác</b>	488	395	407	459



## 1.2. ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, CÁC RỦI RO VÀ CƠ HỘI KHÁC DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Do đặc điểm địa hình hẹp và dài Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng lớn nhất của biến đổi khí hậu (BĐKH). BĐKH khiến tình hình thời tiết nắng nóng diễn ra trên diện rộng, xuất hiện nhiều hơn và gia tăng cường độ trên phạm vi toàn quốc. Cùng với đó là bão, áp thấp nhiệt đới, lũ quét và ngập lụt xuất hiện nhiều hơn và diễn biến rất phức tạp tại các khu vực Bắc và Trung bộ. Ảnh hưởng của BĐKH dẫn đến các rủi ro như mất điện diện rộng do nguồn cung không đủ, đứt gãy chuỗi cung ứng hàng hóa, nguyên vật liệu do hệ thống giao thông bị chia cắt... Trước các ảnh hưởng của BĐKH, Tổng công ty xây dựng các biện pháp bảo vệ mạng lưới, đảm bảo an toàn con người và tài sản cũng như phòng chống thiên tai. Ngoài công tác đào tạo Phòng cháy chữa cháy - phòng chống thiên tai cho nhân sự, thì Tổng công ty chuẩn bị máy phát điện cơ động để có phương án nhanh, kịp thời ứng cứu trước tình hình mất điện diện rộng, kéo dài và không được báo trước.

Hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh như: Xây dựng dân dụng, đầu tư hạ tầng viễn thông, đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời, cung cấp các thiết bị gia đình, cung cấp dịch vụ vận hành hạ tầng viễn thông, Tổng Công ty nhận thấy các rủi ro và có các biện pháp ứng phó với (BĐKH) như sau:

Rủi ro	Biện pháp ứng phó
Tác động môi trường tự nhiên gây hạn hán, lũ lụt, mất điện diện rộng từ đó tác động đến việc cung cấp năng lượng điện cho hoạt động SXKD và sản phẩm dịch vụ VCC cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị MPĐ để ứng cứu với tình huống mất điện diện rộng.</li> <li>- Diễn tập ứng phó sự cố mất điện diện rộng và tai nạn lao động định kỳ hàng năm.</li> <li>- Đào tạo về PCCC để xử lý tình huống cháy MPĐ</li> <li>- Kiểm tra, giám sát tuân thủ quy trình/ quy định an toàn định kỳ...</li> </ul>
Lũ quét, sạt lở, ngập lụt diện rộng làm đứt gãy chuỗi cung ứng hàng hóa, nguyên vật liệu và nhân sự	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ động trong công tác quản lý kho, kiểm kê hàng hóa thường xuyên để mua sắm kịp thời.</li> <li>- Lựa chọn nguồn cung ứng từ địa phương, trong nước.</li> <li>- Đảm bảo mỗi loại hàng hóa có ít nhất 3 nhà cung cấp.</li> <li>- Luôn có phương án bổ sung nhân sự, điều phối nhân sự hỗ trợ, triển khai từ các đơn vị trong Tổng Công ty...</li> </ul>
Chi phí nguồn nguyên vật liệu, các chi phí đầu vào khác tăng cao do ảnh hưởng của BĐKH làm khan hiếm nguồn hàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng Công ty luôn Mở rộng mạng lưới nhà cung cấp để có nguồn hàng giá tốt.</li> <li>- Tổ chức các hoạt động đấu thầu để tối ưu chi phí mua sắm...</li> </ul>



Nhận diện được các rủi ro từ BĐKH, Tổng Công ty cũng đã thấy được các cơ hội phát triển kinh doanh như:

- ▶ Ứng dụng các giải pháp dựa trên thiên nhiên, tận dụng lượng bức xạ mặt trời lớn từ khu vực miền Trung, miền Nam để thiết kế và đầu tư các dự án năng lượng mặt trời, giảm phụ thuộc vào nhiệt điện và thủy điện góp phần bảo vệ môi trường, giảm khí thải carbon.
- ▶ Nghiên cứu và mở rộng hợp tác để đầu tư các dự án điện gió, thân thiện với môi trường.
- ▶ Xây dựng và phát triển nguồn hàng OEM, chủ động đặt hàng sản xuất từ các đơn vị cung cấp.

### 1.3. HỖ TRỢ TÀI CHÍNH NHẬN ĐƯỢC TỪ CHÍNH PHỦ (THUẾ, TRỢ CẤP, BHXH...)

- ▶ Hỗ trợ giảm thuế GTGT giai đoạn năm 6 tháng cuối năm 2022 và 06 tháng cuối năm 2023 giảm từ 10% xuống 8%.
- ▶ Năm 2021 dịch bệnh Covid 19 bùng phát tác động tiêu cực đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là kinh tế; làm tình trạng thất nghiệp của người lao động, nhiều doanh nghiệp phải giải thể, VCC vẫn đảm bảo thu nhập và phúc lợi cho NLĐ, không giảm lương, giảm giờ làm; động viên, khuyến khích NLĐ trong công việc; giữ vững đời sống kinh tế và tinh thần của nhân viên trong giai đoạn đầy khó khăn và thử thách của dịch bệnh Covid-19.
- ▶ Trước những khó khăn do dịch bệnh Covid-19, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 116/NQ-CP ngày 24/9/2021, NQ 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 về hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ TNLĐ BNN.
- ▶ Hỗ trợ bằng tiền cho người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ kết dư Quỹ bảo hiểm thất nghiệp: 9720 người VCC được hỗ trợ ~ 23 tỉ.
- ▶ Giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19: tổng tiền VCC được miễn đóng vào quỹ BHTN 12 tháng từ 01/10/2021 đến hết 30/9/2022 7.365.857.809 đồng.
- ▶ Giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm TNLĐ BNN cho người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19: tổng tiền VCC được miễn đóng vào quỹ TNLĐ BNN 12 tháng từ 01/7/2021 đến hết 30/6/2022 3.573.899.298 đồng.
- ▶ Ngày 28/3/2022 Chính Phủ ra Quyết định 08/2022/QĐ-TTg thực hiện hỗ trợ tiền thuế nhà cho NLĐ: 226 người VCC được hỗ trợ 238.000.000 đồng.



## 2. SỰ HIỆN DIỆN CỦA THỊ TRƯỜNG

### 2.1. TỶ LỆ CỦA MỨC LƯƠNG KHỞI ĐIỂM THEO GIỚI TÍNH SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU CỦA VÙNG

Nhân sự là một trong những yếu tố quan trọng nhất để quyết định sự thành công và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Tại Viettel Construction, để người lao động tận tâm cống hiến và phát huy tối đa được năng lực, sáng tạo, nhiệt huyết của bản thân, Tổng Công ty luôn quan tâm đến các chính sách lương thưởng, đãi ngộ,...đến từng cán bộ nhân viên. Từ đó, người lao động luôn cảm nhận được sự ghi nhận xứng đáng để cuộc sống của mỗi cá nhân, mỗi gia đình đầy đủ, hạnh phúc hơn:

- ▶ Mức lương khởi điểm trả cho người lao động mới được tuyển dụng tại Viettel Construction không phân biệt giới tính trên cả nước luôn cao hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định Nhà nước
- ▶ Hằng năm, căn cứ trên kết quả công việc thực tế của từng cá nhân, Viettel Construction thực hiện xét nâng lương thường niên để tạo động lực cho cán bộ nhân viên gắn bó và nâng cao năng suất

lao động, góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD của Tổng Công ty.

- ▶ Khi có sự điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng của Nhà nước, Viettel Construction luôn đảm bảo tuân thủ để điều chỉnh kịp thời mức lương cũng như các khoản lương thưởng khác để tăng thu nhập cho người lao động.
- ▶ Thu nhập bình quân của người lao động tại Viettel Construction luôn có sự tăng trưởng qua hàng năm. Cụ thể, thu nhập bình quân năm 2023 dự kiến đạt 26,1 triệu đồng/người/tháng, tăng 0,6% so với năm 2022 (25,9 triệu đồng/người/tháng) và tăng 1,4% so với năm 2021 (25,7 triệu đồng/người/tháng). Qua đó, thu nhập bình quân của lao động mới tuyển dụng năm 2023 dự kiến đạt 22,1 triệu đồng/người/tháng, cao hơn 4,7 lần so với mức lương tối thiểu vùng 1 đang áp dụng hiện tại (4.680.000 đồng).

### 2.2. TỶ LỆ THÀNH VIÊN BAN LÃNH ĐẠO ĐƯỢC TUYỂN DỤNG TỪ CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Năm 2023, trong bối cảnh chịu nhiều tác động từ các diễn biến phức tạp của thị trường thế giới, nền kinh tế Việt Nam ghi nhận nhiều khó khăn, ảnh hưởng của làn sóng sa thải kéo dài đã gây nên tình trạng thiếu hụt lao động chất lượng cao trầm trọng. Tại Viettel Construction, với phương châm Nguồn nhân lực chất lượng là nền tảng cho sự phát triển bền vững, Tổng Công ty tiếp tục đặt mục tiêu tăng cường tuyển dụng đội ngũ quản lý và CBNV chất lượng cao, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng cao, làm chủ được các công nghệ tiên tiến trên thế giới, có tâm thế tốt → nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng dịch vụ, tạo lợi thế cạnh tranh khi đấu thầu cũng như triển khai hoạt động kinh doanh bên ngoài.

Trong giai đoạn 2022 - 2023, Tổng Công ty CP Công trình Viettel đã có nhiều chương trình phát triển cộng đồng, hợp tác và xây dựng năng lực nguồn nhân lực cho cộng đồng địa phương trên toàn quốc:

- ▶ Tổ chức Hội chợ việc làm tại trường Đại học Hàng Hải để tư vấn nghề nghiệp và việc làm cho SV.
- ▶ Ký kết thỏa thuận hợp tác tuyển dụng tại Đại học Công nghiệp Việt - Hung.

Cử CBNV phỏng vấn và tư vấn việc làm cho Sinh viên năm cuối trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội.



### 3. TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP

#### 3.1. ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ CÁC DỊCH VỤ ĐƯỢC HỖ TRỢ

**a. MỨC ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐÁNG KỂ VÀ DỊCH VỤ ĐƯỢC HỖ TRỢ:**

- ▶ Thông tin về số lượng, khối lượng các loại hạ tầng viễn thông thụ động (vị trí trạm, công bố, cáp treo, cáp ngầm, DAS...) VCC đầu tư đến thời điểm tháng 10/2023:
  - BTS: 6.436 trạm
  - Truyền dẫn: Cáp treo: 1.838 tuyến ~ 2.651 km; Cáp ngầm: 6 tuyến ~ 24,4 km (chiều dài tuyến)
  - DAS: 26 tòa nhà ~ 2,263 triệu m<sup>2</sup>
  - Cố định băng rộng: 3.468 căn hộ
- ▶ Thông tin về số lượng, khối lượng hạ tầng năng lượng tái tạo mà VCC đầu tư và kinh doanh năm 2022, 2023:
  - 47 hệ NLMT bán điện cho Điện lực, quy mô 16,742 MWp
  - 6 hệ NLMT đầu tư trên tòa nhà Viettel bán điện cho Điện lực, quy mô 0,185 MWp

**b. CÁC TÁC ĐỘNG HIỆN TẠI HOẶC DỰ KIẾN ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ NỀN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG, BAO GỒM TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC VÀ TIÊU CỰC TỪ TỪNG HOÀN CẢNH CỤ THỂ:**

- ▶ Tăng nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT của người dân, doanh nghiệp.
- ▶ Đảm bảo phủ sóng đến tất cả khu dân cư với chất lượng cao, phủ lôm các khu vực nông thôn, miền núi, cung cấp dịch vụ truy nhập internet và truyền hình, tạo điều kiện cho các gia đình vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa tiếp cận và sử dụng dịch vụ truy nhập internet, từ đó tăng nhu cầu sử dụng sản phẩm dịch vụ viễn thông, đồng thời góp phần nâng cao dân trí.
- ▶ Phát triển kinh tế số, xã hội số (mua bán hàng trực tuyến, giao dịch điện tử, hình thành các cộng đồng số,...).
- ▶ Thúc đẩy nhu cầu mua điện từ nguồn năng lượng sạch phục vụ cho sản xuất.

#### 3.2. TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP TRỌNG YẾU

- ▶ Đảm bảo chất lượng mạng lưới viễn thông cho khách hàng được thông suốt: các KPI chính của công tác vận hành khai thác đều đạt và tốt hơn theo hợp đồng SLA của Chủ đầu tư, xu hướng năm sau tốt hơn năm trước từ 2-40%; Các nhiệm vụ bảo dưỡng bảo trì hạ tầng nhà trạm được thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ.
- ▶ Trực tiếp đầu tư và làm nhà thầu triển khai cung cấp ~ 143 Mwp công suất năng lượng mặt trời cho 1.209 khách hàng doanh nghiệp và hơn 7000 khách hàng cá nhân, góp phần giảm phát thải cho môi trường.
- ▶ Đầu tư hạ tầng viễn thông cho thuê với lũy kế đến hết năm 2023 có 208 trạm có từ 2 nhà mạng trở lên thuê → Tối ưu nguồn lực đầu tư trên tổng nền kinh tế.
- ▶ Triển khai các hợp đồng liên quan đến dự án giáo dục, y tế, phát triển nông thôn: Sóng và máy tính cho em; cung cấp thiết bị ICT cho bệnh viện dã chiến điều trị covid; cung cấp thiết bị ICT, đèn Năng lượng mặt trời cho các dự án phát triển nông thôn mới...



### 4. THÔNG LỆ MUA SẴM

Với mô hình trải dài khắp cả nước tại 63 tỉnh/TP. Nhằm đáp ứng nhu cầu về hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh. VCC đã tổ chức bộ máy riêng biệt tại các tỉnh/TP có kỹ năng trong công tác mua sắm, lựa chọn nhà thầu. Bằng chứng là việc hàng nghìn hợp đồng được ký kết với hàng nghìn các đối tác trên địa bàn địa phương. Tỷ lệ mua sắm tại địa phương lên đến 40% so với tổng giá trị mua sắm của VCC và phản ánh qua doanh thu của TCT.

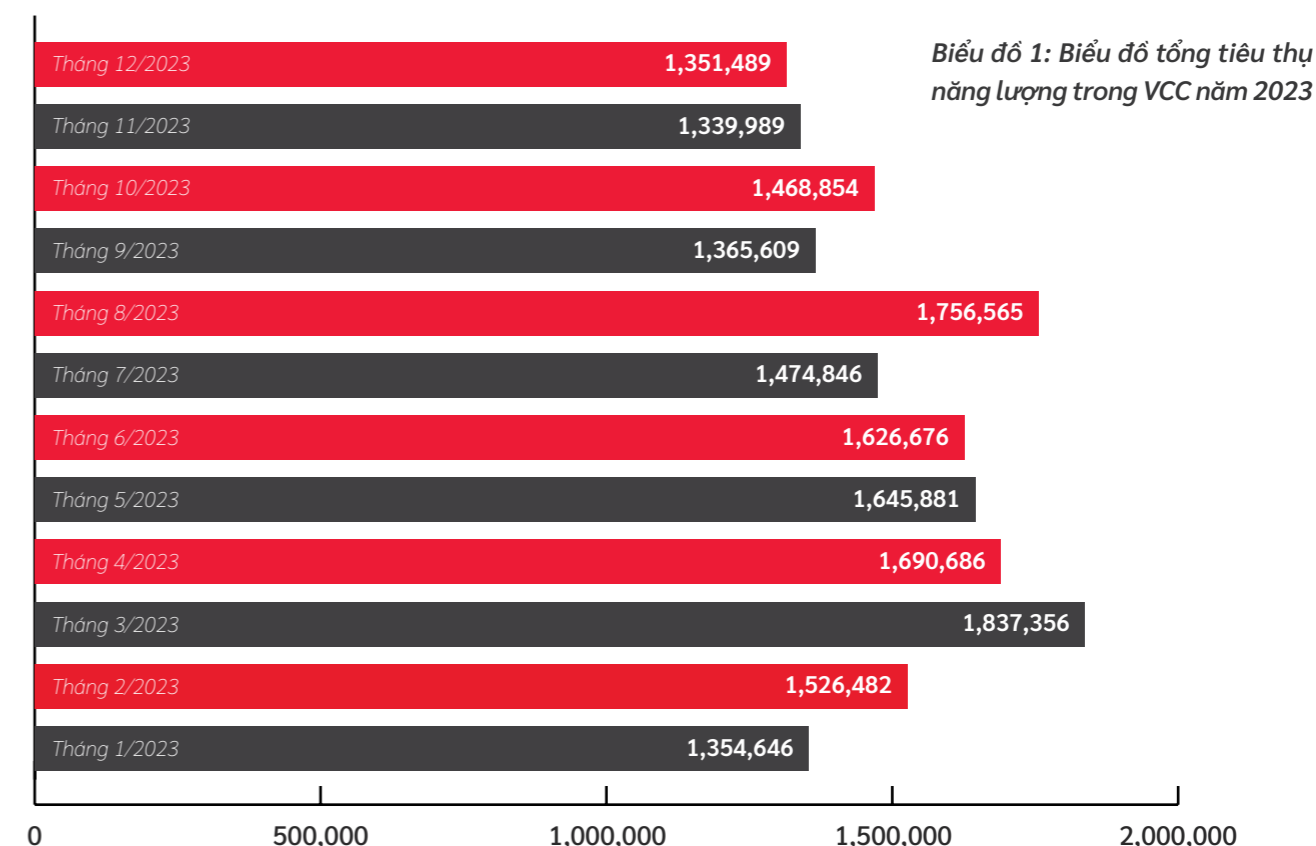


### 5. NĂNG LƯỢNG

Do tính chất đặc thù của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel với hạ tầng khắp 63 tỉnh thành cùng phạm vi hạ tầng rộng lớn khắp 63 tỉnh thành cả nước và phủ sóng cả nước ngoài, quy mô gần 11.000 người, chúng tôi luôn đảm bảo việc sử dụng năng lượng tiết kiệm tối đa và có hiệu quả cao.

#### 5.1. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG TỔ CHỨC

Bên cạnh việc truyền thông tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng hiệu quả trong nội bộ văn phòng, chúng tôi đã đầu tư cơ sở hạ tầng rất lớn các hệ thống năng lượng mặt trời giúp cho năng lượng tiêu thụ trong tổ chức được tiết kiệm đáng kể. Theo số liệu tính toán tính từ đầu năm 2023, tổng điện năng tiêu thụ trong năm 2023 là 1.954 MWh, tổng sản lượng điện năng lượng mặt trời đạt khoảng 16.232 MWh. Do đó điện năng tiêu thụ trong tổ chức được tiết kiệm đáng kể và được thể hiện chi tiết dưới biểu đồ như sau:



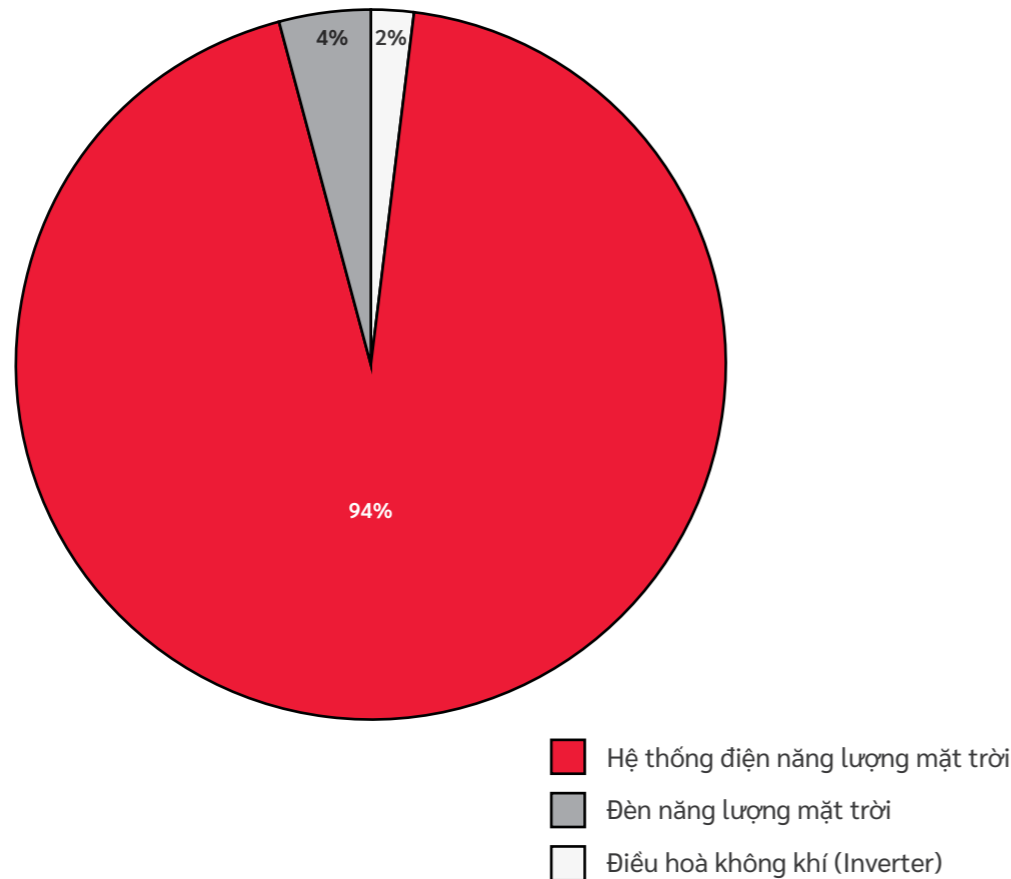
## 5.2. GIẢM NHU CẦU NĂNG LƯỢNG CỦA CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

Với mục tiêu là đưa các trải nghiệm về sản phẩm và dịch vụ tốt nhất đến cho khách hàng, chúng tôi cũng đưa kèm các giải pháp năng lượng để khách hàng được sử dụng công nghệ sử dụng năng lượng hiệu quả và giảm thiểu được điện năng sử dụng. Có rất nhiều sản phẩm được đánh giá là sử dụng năng lượng hiệu quả, dưới đây là 3 sản phẩm chúng tôi đang kinh doanh được khách hàng đánh giá cao là Hệ thống điện năng lượng mặt trời, đèn năng lượng mặt trời và điều hòa không khí có inverter. Theo tính toán, sản phẩm điều hòa không khí giúp khách hàng tiết kiệm 20% - 25% so với các dòng điều hòa cũ. Số liệu được thể hiện ở bảng dưới đây:

**Bảng 1: Tổng điện năng VCC giúp khách hàng tiết kiệm được năm 2023**

Sản phẩm	Tổng năm 2023 (kWh)
Hệ thống điện năng lượng mặt trời	39,803,086
Đèn năng lượng mặt trời	1,435,020
Điều hòa không khí (Inverter)	985,159

**ĐIỆN NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM CỦA CÁC SẢN PHẨM (KWH)**



**Biểu đồ 2: Cơ cấu điện năng VCC giúp khách hàng tiết kiệm được trong năm 2023**

Ngoài ra, chúng tôi còn bán trải nghiệm dịch vụ kỹ thuật để nâng cao hiệu suất thiết bị sử dụng trong gia đình như điều hòa không khí, máy giặt, máy lọc nước,...

Dịch vụ của chúng tôi giúp khách hàng không chỉ nâng cao tuổi thọ sử dụng của thiết bị, mà còn giảm thiểu được tối đa rủi ro an toàn tiết kiệm về điện năng.

## 6. TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG

### 6.1. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Bảo vệ môi trường là một trong các yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp phát triển bền vững. VCC áp dụng ISO 14001:2015 và ISO 14064-1:2018 vào việc xác định khía cạnh môi trường có ý nghĩa, giám sát và kiểm kê khí nhà kính.

**Các hoạt động tại VCC:**

1. Phân loại rác và thu gom rác thải tại nguồn.
2. Thuê đối tác vận chuyển có đầy đủ năng lực để vận chuyển chất thải.
3. Áp dụng ISO 14001:2015 cho khối văn phòng, nhà kho và dự án xây dựng đảm bảo các khía cạnh môi trường có ý nghĩa được kiểm soát và có phương án ứng phó kịp thời.

**Các khía cạnh môi trường có ý nghĩa được nhận diện tại VCC:**

1. Phát thải rác thải thông thường trong quá trình sinh hoạt của CBNV.
2. Phát thải nước sinh hoạt trong quá trình sinh hoạt của CBNV.
3. Rò khí gas và cháy nổ trong quá trình đốt Gas phục vụ nấu ăn.
4. Phát thải khí CO<sub>2</sub> do sử dụng điện, xăng dầu.
5. Phát sinh bụi, tiếng ồn do hoạt động di chuyển tại công trình/dự án.
6. Phát thải dầu thải do quá trình sử dụng phương tiện thi công.
7. Cháy nổ, điện giật trong quá trình sinh hoạt của CBNV.

**Đối với các khía cạnh môi trường có ý nghĩa đã được nhận diện, VCC triển khai các hoạt động sau:**

1. Thu gom rác thải tại nguồn.
2. Lựa chọn đối tác vận chuyển rác thải/chất thải có đầy đủ năng lực.
3. Xây dựng chỉ thị sử dụng tiết kiệm điện, nước.
4. Bảo dưỡng xe theo định kỳ.
5. Xây dựng tiêu chí để thuê thiết bị/máy móc thi công.
6. Đo quan trắc môi trường làm việc.
7. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị, máy móc có độ ồn cao tại các khu vực đông dân cư.
8. Phun nước giữ ẩm tại công trường.
9. Che chắn khu vực thi công.
10. Áp dụng ISO 45001 trong việc đảm bảo an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp (xây dựng các phương án ứng phó tình huống cháy nổ, điện giật, tràn đổ hóa chất), tổ chức diễn tập hàng năm.

**Kết quả liên quan đến môi trường trong năm 2023:**

1. Không phát sinh sự cố tràn đổ hóa chất tại công trường.
2. 100% phương tiện vận chuyển được bảo dưỡng định kỳ.
3. Không phát sinh các vụ cháy nổ, tai nạn lao động do điện giật, sử dụng gas.
4. Toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động văn phòng và thi công dự án đều được thu gom vào thùng chuyên dụng có nắp đậy và sẽ được tập kết đến kho chứa của tòa nhà hoặc khu chứa của Chủ đầu tư xây dựng.
5. Toàn bộ chất thải nguy hại đều có thùng chứa chất thải nguy hại như bóng đèn, mực in, vỏ can sơn... được thu gom vào thùng chứa riêng biệt có biển báo và nhận dạng trước khi tập kết đến kho chứa của Tòa nhà, chủ đầu tư.
6. Toàn bộ nước thải sinh hoạt tại công trường được đảm bảo nghiêm túc thu gom theo các mương chảy về tập trung tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải của Chủ đầu tư.
7. VCC áp dụng giải pháp tái sử dụng giấy in 1 mặt để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

### 6.2. QUẢN LÝ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Trong nỗ lực để giảm nhẹ phát thải khí, VCC dự kiến sẽ xây dựng hệ thống kiểm soát các nguồn phát thải khí nhà kính và kiểm kê phát thải khí nhà kính theo ISO 14064-1:2018 từ năm 2024. Các hoạt động giảm nhẹ khí nhà kính và bảo vệ môi trường tại VCC:

1. Quản lý hiệu quả nguồn thải và chất thải.
2. Đẩy mạnh năng lượng xanh.
3. Đầu tư vào công nghệ thân thiện môi trường.
4. Tăng cường hoạt động sáng kiến liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.
5. Phát động phong trào sử dụng tiết kiệm điện, nước, giấy...

### 6.3. MỤC TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG

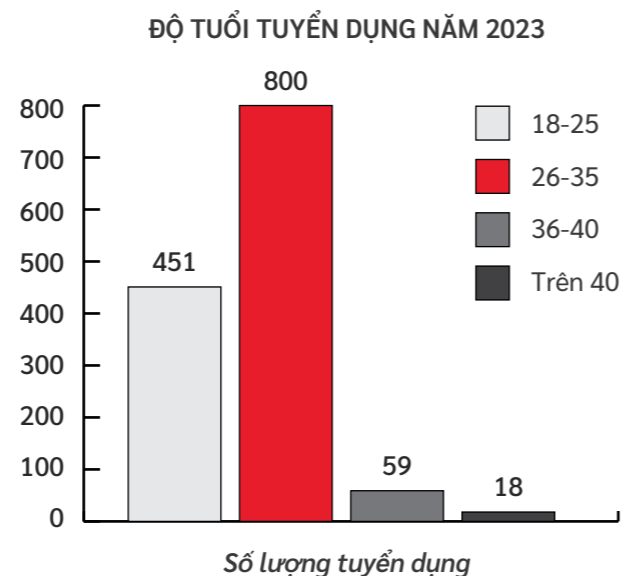
1. Không có vi phạm pháp luật liên quan đến môi trường.
2. Không có phản ánh/khiếu nại của cộng đồng xung quanh về môi trường.
3. Không có sự cố môi trường.
4. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.
5. Có tối thiểu 01 SK/YT về bảo vệ môi trường.



## 7. VIỆC LÀM

### 7.1. SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THÔI VIỆC

Tỷ lệ lao động tuyển mới trong năm 2023 là 1328 người – chiếm tỷ lệ 11,9%; 3% trong đó là cấp quản lý lãnh đạo & Nhân sự key. Lao động trong độ tuổi trẻ (<35 tuổi) tuyển mới vào khoảng 60% góp phần tạo dựng một đội ngũ cán bộ nguồn năng động và giàu tiềm năng phát triển cho khối Phòng ban/Trung tâm và Chi nhánh Công trình Viettel tỉnh/TP (BĐG, Trưởng/phó phòng, GD /PGĐT cụm/huyện), đảm bảo nguồn lực chuyển dịch các lĩnh vực mới tại Tổng công ty trong tương lai.



### 7.2. NGHỈ VIỆC

#### 1. GIỚI TÍNH

Năm	Nam	Nữ	Tổng	Tỷ lệ nữ	Tỷ lệ nam
Năm 2021	1487	73	1560	5%	95%
Năm 2022	2316	103	2419	4%	96%
Năm 2023	1440	84	1524	6%	94%
<b>Tổng:</b>	<b>5243</b>	<b>260</b>	<b>5503</b>	<b>5%</b>	<b>95%</b>

#### 2. ĐỘ TUỔI

Năm	Dưới 30 tuổi	Từ 30-50 tuổi	Trên 50 tuổi	Tổng
Năm 2021	520	1035	5	1560
Năm 2022	945	1466	8	2419
Năm 2023	768	747	9	1524
<b>Tổng</b>	<b>2233</b>	<b>3248</b>	<b>22</b>	<b>5503</b>
<b>Tỷ lệ</b>	<b>40,58%</b>	<b>59,02%</b>	<b>0,40%</b>	

#### 3. KHU VỰC

Năm	Miền Bắc	Miền Nam	Miền Trung	Tổng
Năm 2021	838	462	260	1560
Năm 2022	1227	777	415	2419
Năm 2023	821	449	254	1524
<b>Tổng</b>	<b>2886</b>	<b>1688</b>	<b>929</b>	<b>5503</b>

Nhìn chung tỷ lệ thôi việc hàng năm có giảm cho biết mức độ ổn định và hài lòng của nhân viên về chế độ chính sách, cơ chế làm việc của đơn vị. Tỷ lệ này là dấu hiệu về sự thay đổi cơ bản trong cơ cấu của các hoạt động cốt lõi và sự phát triển ổn định của tổ chức.

Nghỉ việc theo giới tính hoặc theo độ tuổi: do đặc thù của tổ chức chủ yếu là lao động trực tiếp, nam giới chiếm số lớn (trên 95% quân số), → tỷ lệ thôi việc theo giới tính và độ tuổi không đồng đều.

### 7.3. PHÚC LỢI CUNG CẤP CHO NHÂN VIÊN TOÀN THỜI GIAN KHÔNG DÀNH CHO NHÂN VIÊN TẠM THỜI HOẶC BÁN THỜI GIAN

BHXH là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của NLĐ khi bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, TNLĐ BNN, hết tuổi lao động hoặc chết trên cơ sở đóng góp vào quỹ BHXH. Việc thực hiện tốt chính sách BHXH nhất là chế độ hưu trí sẽ góp phần ổn định cuộc sống NLĐ khi hết tuổi lao động hoặc không còn khả năng lao động. Nhận thức rõ vai trò của BHXH và trách nhiệm phải tham gia theo Luật, Tổng Công ty luôn đảm bảo NLĐ được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và chế độ phúc lợi như: BHXH bắt buộc, nghỉ hằng năm, nghỉ theo chế độ BHXH, tham gia các loại hình bảo hiểm sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ và sinh hoạt văn hóa doanh nghiệp.

Cùng với các chính sách lương, thưởng, và các chế độ phúc lợi theo quy định Pháp luật (bảo hiểm xã hội/y

tế/thất nghiệp...), Tổng Công ty còn xây dựng các chế độ phúc lợi khác biệt với mục đích chăm sóc toàn diện người lao động và người thân.

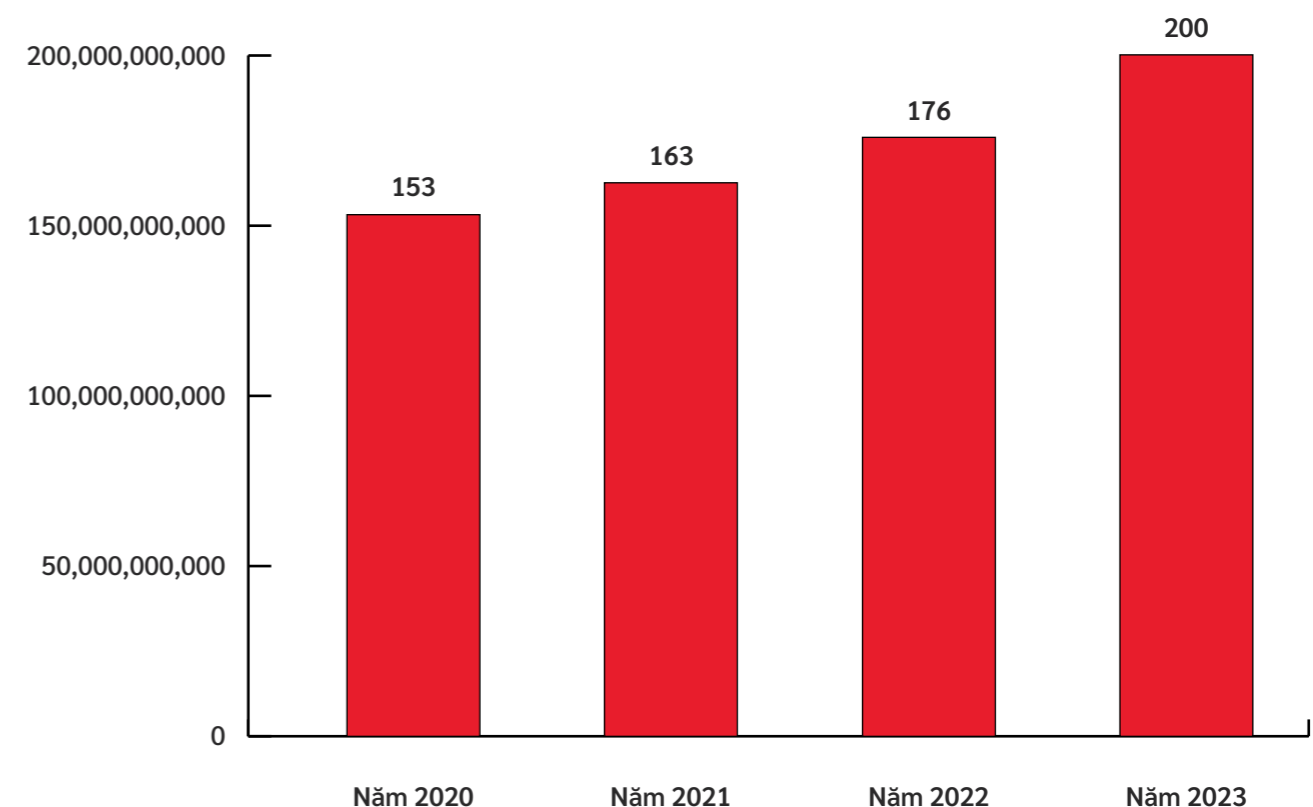
Hàng năm đều có chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBNV đã ký hợp đồng lao động chính thức mỗi năm một lần tại các bệnh viện uy tín với chi phí do Tổng Công ty chi trả.

Đối với CBNV có đóng góp lớn cho sự thành công của VCC được mua gói Bảo hiểm sức khỏe theo các mức khác nhau tùy thuộc vào cấp bậc cán bộ.

Người thân của SQ, QNCN, CNVQP cũng được Tổng Công ty tham gia BHYT đầy đủ.

Đối với CBNV thử việc chưa thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc cũng được Tổng Công ty tham gia bảo hiểm tai nạn 24/24.

TỔNG CHI PHÍ BHXH, KPCĐ TỔNG CÔNG TY ĐÓNG (TỶ)



Bên cạnh đó, Tổng Công ty luôn chăm lo cho sức khỏe các CBNV theo từng nhóm đối tượng, quản lý, xuất sắc để mua Bảo hiểm nhân thọ cho CBNV từ năm

2020 đến 2023, tổng chi phí đơn vị mua Bảo hiểm nhân thọ cho CBNV là 5.147.576.000 đồng.

## 7.4. NGHỈ THAI SẢN

Chế độ ốm đau, thai sản là một trong năm chế độ của BHXH bắt buộc, là một trong những chính sách an sinh xã hội của nhà nước nhằm đảm bảo, bù đắp một phần thu nhập cho người tham gia BHXH khi họ phải nghỉ việc do bị ốm đau, tai nạn rủi ro, phải nghỉ việc để chăm sóc con dưới 07 tuổi bị ốm đau; người lao động nữ khi mang thai, sinh con và người lao động nam khi có vợ sinh con.

Đối với người lao động: đây là nguồn động viên tinh thần to lớn khi gặp khó khăn ốm đau, tai nạn; đảm bảo thu nhập ổn định ở mức độ cần thiết, giúp cho người lao động có tâm lý yên tâm trong công việc, đảm bảo cuộc sống, có thể điều trị tốt khi bị bệnh và sớm quay lại làm việc.

Đối với người sử dụng lao động: thông qua chính sách BHXH hỗ trợ người sử dụng lao động không phải bỏ ra một khoản chi phí lớn cùng một lúc để giải quyết hậu quả cho người lao động khi bị ốm đau, tai nạn rủi ro, nghỉ thai sản. Đồng thời thể hiện được nghĩa vụ và trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người lao động, làm cho người lao động tin tưởng và yên tâm khi làm việc tại đơn vị.

Trong 3 năm từ năm 2021 đến tháng 9/2023, đơn vị đã giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, DSPHSK cho 1.817 lượt người với tổng chi phí được BHXH chi trả là 6.688.059.992 đồng.

- ▶ **Năm 2021**, tổng số lượt giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe là 502 trường hợp, số tiền 1.913.592.901 đồng.
- ▶ **Năm 2022**, tổng số lượt giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe là 699 trường hợp, tăng 197 trường hợp so với năm 2021 ~ tăng 16 trường hợp/tháng. Số tiền chi trả 1.982.825.224 đồng ~ tăng 69.232.323 đồng ~ tăng 4% so với năm 2021.
- ▶ **Năm 2023**, tổng số lượt giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe là 616 trường hợp, tăng 114 trường hợp so với năm 2021 ~ tăng 10 trường hợp/tháng. Số tiền chi trả 2.791.640.867 đồng ~ tăng 878.047.966 đồng ~ tăng 46% so với năm 2021.



## 8. MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG/QUẢN LÝ

Tổng Công ty luôn quan tâm, chăm sóc đến lợi ích người lao động, có mối quan hệ tốt đẹp giữa quản lý và người lao động để cùng hiểu 1 ngôn ngữ, 1 cách làm, phát huy truyền thống người lính cụ Hồ:

- ▶ Hàng năm tổ chức hội nghị đối thoại dân chủ cấp Tổng Công ty 1 lần/năm. Cấp đơn vị tổ chức định kỳ 1 quý 1 lần để trao đổi, hỏi đáp giữa quản lý và người lao động, giải đáp, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, trao đổi định hướng phát triển của tổ chức... để quản lý và người lao động hiểu nhau hơn, thống nhất một mục tiêu xuyên suốt cả TCT.
- ▶ Tổ chức bộ máy công đoàn xuyên suốt từ TCT → công đoàn bộ phận (71 bộ phận công đoàn đơn vị).
- ▶ Định kỳ 2 năm 1 lần rà soát bổ sung, sửa đổi thỏa ước lao động tập thể và báo cáo ra cơ quan chức năng theo quy định.
- ▶ Nội quy lao động cũng được ban hành, đăng ký với cơ quan nhà nước sau khi thống nhất và trao đổi lấy ý kiến của công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận.



## 9. AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP



Tháng 4/2023, VCC đã ký Hợp đồng với Trung tâm sức khỏe nghề nghiệp (thuộc Viện Khoa học an toàn và vệ sinh lao động) thực hiện khảo sát và đánh giá môi trường làm việc của CBNV trong đơn vị để xác định các công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp và danh mục công việc cần khám bệnh nghề nghiệp tại đơn vị. Kết quả:

- ▶ 11/11 nhóm chức danh làm việc tại VCC có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp thấp.
- ▶ 11/11 nhóm chức danh yêu cầu bắt buộc khám bệnh nghề nghiệp: Không có.
- ▶ 08/11 nhóm chức danh có khuyến nghị khám dự phòng để phòng ngừa nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp.
- ▶ Giá trị kết quả: sau 03 năm lập kế hoạch thực hiện đo kiểm, đánh giá lại, có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về danh mục khám chữa bệnh. Trường hợp có thay đổi đột xuất về môi trường làm việc, nội dung công việc sẽ thực hiện đo kiểm lại tại thời điểm thay đổi.

## 10. GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- ▶ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên: 86 giờ/năm
- ▶ Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp:
  - Đào tạo Kỹ năng quản trị kênh bán, kỹ năng bán hàng trong thời đại số
  - Đào tạo nghiệp vụ cho lực lượng vận hành các lĩnh vực mới
  - Đào tạo nghiệp vụ bán hàng, CSKH
  - Đào tạo chuẩn nghề cho lực lượng NVKT VHKT + Hội thao mức vùng
- ▶ Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp: Tính đến tháng 10/2023 Số lượng CBNV đã được đào tạo nâng cao hiệu quả công việc là 2.536 → 80.56% trong số CBNV được đào tạo có kết quả tốt hơn sau khi đào tạo.



## 11. SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

VCC luôn ý thức được rằng mỗi giá trị của từng thành viên tạo ra đều góp phần vào thành công của doanh nghiệp. Không phân biệt giới tính, độ tuổi, nguồn gốc dân tộc, các đối tượng được đánh giá để bị tổn thương trong xã hội đều được VCC xây dựng một môi trường làm việc năng động, minh bạch, công bằng.

Về cơ cấu độ tuổi, tỷ lệ lao động dưới 30 tuổi chiếm 22%, lao động có độ tuổi trung niên từ 30 đến dưới 50 tuổi chiếm 77% và lao động từ 50 tuổi trở lên có thâm niên công tác lâu năm tại VCC chiếm 1%. Theo đó, tỉ lệ gen Y và gen Z đang chiếm 92% tổng quân số lao động tại đơn vị, đây là những lực lượng lao động có hiểu biết về công nghệ, có trình độ học vấn cao, có sự linh hoạt và thích ứng với môi trường làm việc, để cao tinh thần hợp tác.

Về dân tộc, lao động thuộc lao động thuộc dân tộc

Kinh chiếm đa số là 10.240 người (tỷ lệ 94%) và lao động dân tộc thiểu số là 675 người (tỷ lệ 6%).

Về giới tính, là đơn vị kỹ thuật nên tỷ lệ nam giới tại VCC chiếm đa số 95% (10.389 nhân sự), tỉ lệ nữ giới chiếm 5% (526 nhân sự). Tuy nhiên, với phương châm: Mỗi cá nhân đều có cơ hội được làm việc, cống hiến, học tập để thành công và phát triển sự nghiệp tại VCC nên nữ giới làm lãnh đạo là 96 nhân sự, họ nắm giữ những vị trí quan trọng như Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty, Trưởng phòng, Giám đốc chi nhánh...

Trong quy định tuyển dụng nhân sự, VCC không phân biệt giới tính, tôn giáo, tín ngưỡng trong việc tuyển dụng lao động vào làm việc tại VCC. Người khuyết tật được quyền tham gia ứng tuyển các vị trí công việc phù hợp với sức khỏe theo quy định của pháp luật và quy định của Hội đồng tuyển dụng.



## 12. LAO ĐỘNG TRẺ EM

KHÔNG SỬ DỤNG

### 13. CHÍNH SÁCH CÔNG

Tổng Công ty thực hiện tốt công tác Chính sách Dân vận, luôn quan tâm đến các tổ chức xã hội. Một trong những chính sách tiêu biểu và duy nhất chỉ có ở người Công trình là "Ngôi nhà Đoàn kết". Đây là một hoạt động có ý nghĩa sâu sắc, thiết thực, động viên kịp thời CBNV có hoàn cảnh khó khăn an tâm công tác, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong năm 2023 Tổng Công ty đã triển khai xét duyệt 37 ngôi nhà. Bên cạnh đó cũng xét đề nghị Tập đoàn hỗ trợ xây nhà "Mái ấm công đoàn, Nghĩa tình đồng đội" năm 2023 cho 07 trường hợp đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn. Chính sách thứ 2 được nhiều CBNV trong toàn Tổng Công ty hưởng ứng rộng rãi đó là "Tặng 20 triệu đồng cho cặp đôi VCC kết hôn", từ khi thực hiện đã có 05 cặp đôi trong Tổng Công ty nhận quà.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty làm tốt công tác chăm lo bảo vệ quyền lợi, lợi ích chính đáng của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt đối thoại dân chủ theo phân cấp, tổ chức hội nghị người lao động đúng quy định. Đảm bảo chế độ nghỉ mát, nghỉ dưỡng cho CBNV với số tiền 69,2 tỷ đồng. Tổ chức chu đáo Tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi trên toàn quốc tổng số 13.331 cháu với số tiền 3,9 tỷ đồng; trao quà cho 3.677 cháu học sinh giỏi năm học 2022- 2023 với số tiền 954 triệu đồng; trợ cấp khó khăn cho 144 CBNV với tổng số tiền hơn 1 tỷ đồng dịp tháng công nhân năm 2023; thăm hỏi và tặng quà nhân ngày Thương binh liệt sỹ 27/7 tổng số 635 thân nhân với số tiền 326 triệu đồng; hỗ trợ C sủi mùa nắng nóng cho lực lượng tuyển đầu với tổng số tiền 1,5 tỷ đồng; trao quà chính sách Tết cho 61 cán bộ nghỉ hưu, 15 gia đình liệt sỹ, 18 CBNV và thân nhân từ trần năm 2022, 202 CBNV mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh chữa trị dài ngày với tổng số tiền 1,8 tỷ đồng.

Các tổ chức quần chúng Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ xung kích tham gia các hoạt động thi đua SXKD, tổ chức tốt các hoạt động nhân dịp kỷ niệm các ngày 26/3, 08/3, 28/6, 20/10. Vận động có hiệu quả CBNV trong TCT tích cực tham gia quyên góp ủng hộ các loại quỹ Quỹ Bảo trợ trẻ em 113 triệu đồng, quỹ Mái ấm công đoàn - Nghĩa tình đồng đội 261 triệu đồng, Quỹ Ngày vì người nghèo 2,7 tỷ đồng. Triển khai kế hoạch

hoạt động gắn kết trong toàn Tổng Công ty, trên tinh thần mỗi Công đoàn bộ phận tổ chức ít nhất 1 buổi giao lưu thể thao, Văn hóa văn nghệ/1 quỹ có quy mô, Công đoàn cơ sở hỗ trợ 100% các đầu mối Công đoàn bộ phận với tổng số tiền gần 500 triệu đồng/1 quỹ.

Thực hiện đúng triết lý kinh doanh "Phát triển hoạt động SXKD gắn liền với trách nhiệm xã hội, cộng đồng". Tổng Công ty duy trì thường xuyên hoạt động chăm sóc, thăm viếng tri ân các anh hùng Liệt sỹ tại Nghĩa trang liệt sỹ phường Mễ Trì - Nam Từ Liêm vào ngày 01 Âm lịch hàng tháng; Trao quà cho gia đình chính sách trong lễ gặp mặt tri ân 27/07 của UBND phường Yên Hòa 10 triệu đồng, tại Quảng Nam với tổng giá trị 59 triệu đồng.

Ủng hộ Hội chữ thập đỏ TP Hà Nội 14 triệu đồng; Quý nạn nhân chất độc da cam 5 triệu; Trẻ em khuyết tật 2,5 triệu; Chung tay hỗ trợ 50 triệu đồng xây nhà từ thiện cho trẻ em nghèo vượt khó có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại Quảng Bình.

Vận động có hiệu quả CBNV trong đơn vị tích cực tham gia quyên góp ủng hộ các loại quỹ: Quỹ Bảo trợ trẻ em: 113 triệu đồng, quỹ Mái ấm công đoàn - Nghĩa tình đồng đội: 262 triệu đồng, Quỹ Vì người nghèo: 2,72 tỷ đồng;

Hỗ trợ C sủi mùa nắng nóng cho CBNV tuyển đầu với tổng số tiền 1,58 tỷ đồng; Tổ chức chu đáo thăm hỏi trợ cấp khó khăn cho 144 CBNV với tổng số tiền 1 tỷ đồng dịp tháng công nhân năm 2023, thăm hỏi và tặng quà nhân ngày Thương binh liệt sỹ 27/7 tổng số 635 người với số tiền 326 triệu đồng.

Làm tốt công tác chăm lo bảo vệ quyền lợi, lợi ích chính đáng của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt đối thoại dân chủ theo phân cấp, tổ chức hội nghị người lao động đúng quy định. Đoàn thanh niên xung kích tham gia các hoạt động thi đua SXKD, Hội Phụ nữ tổ chức tốt các hoạt động thu hút chị em tham gia trong các dịp 08/3, 28/6, 20/10, Tháng hành động vì trẻ em; Tổ chức chu đáo Tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi trên toàn quốc tổng số 13.331 cháu với số tiền ~ 4 tỷ đồng, trao quà cho 3.677 cháu đạt Học sinh giỏi năm học 2022- 2023 với số tiền 955 triệu đồng.



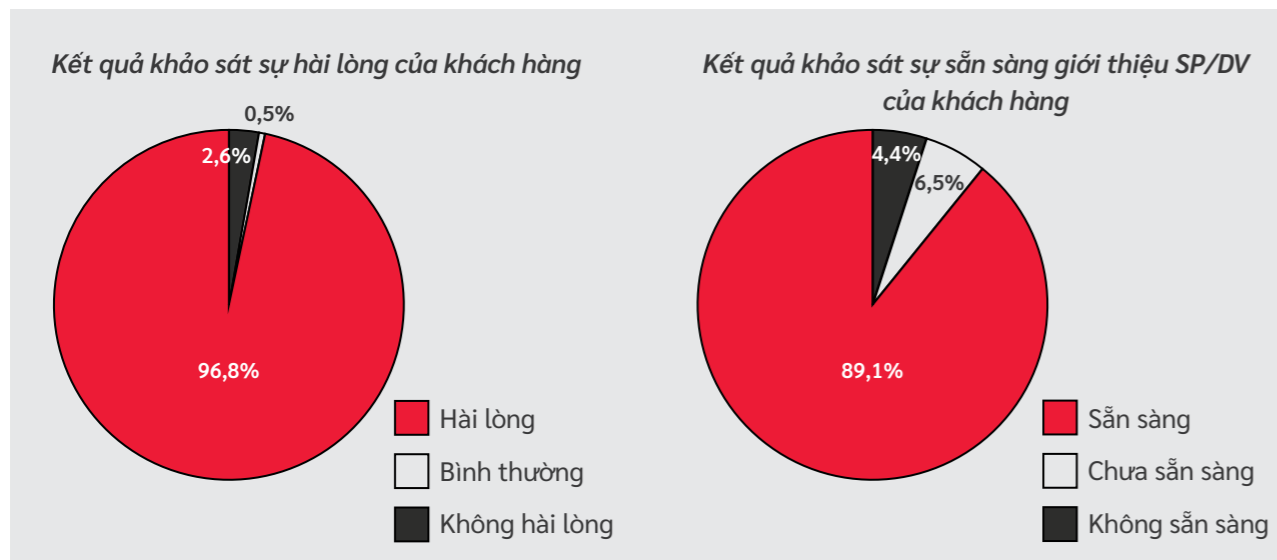
## 14. SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG

### 14.1. SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG

VCC luôn lắng nghe đóng góp, ý kiến của khách hàng qua các chương trình đánh giá khảo sát, đo lường sự hài lòng của khách hàng với cách thức thực hiện đa dạng và tiện lợi cho khách hàng (Khảo sát trực tuyến, gọi điện thoại khảo sát,...).

Trong năm 2023, VCC ghi nhận 48.422 khách hàng tham gia khảo sát, trong đó 96,8% khách hàng đánh

giá hài lòng đối với chất lượng, dịch vụ mà công ty cung cấp. Bên cạnh đó, VCC cũng thực hiện khảo sát khách hàng có sẵn sàng giới thiệu sản phẩm, dịch vụ sau khi đã trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ. Theo đó, VCC ghi nhận 14.064 khách hàng tham gia đánh giá có 84,7% khách hàng sẵn sàng giới thiệu sản phẩm, dịch vụ cho bạn bè, người thân.



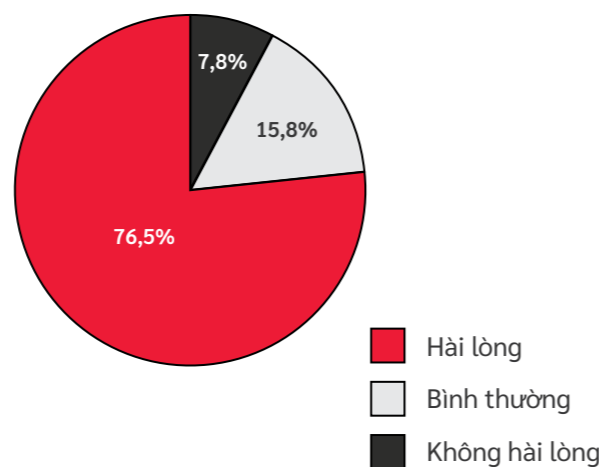
### 14.2. GIẢI QUYẾT YÊU CẦU/KHIẾU NẠI CỦA KHÁCH HÀNG

Trong năm 2023, để đo lường sự hài lòng của khách hàng, sau mỗi yêu cầu hỗ trợ/ khiếu nại của khách hàng đã được phản hồi/xử lý, nhân viên chăm sóc khách hàng tiến hành liên hệ thăm hỏi cũng như khảo sát sự hài lòng của khách hàng đối với công tác hỗ trợ, xử lý khiếu nại của các bộ phận, phòng ban, chi nhánh công trình. Kết quả cho thấy có 76,5% khách hàng đánh giá hài lòng về kết quả phản hồi/xử lý yêu cầu, khiếu nại của khách hàng.

Trong năm 2024, với mong muốn đáp ứng cao nhất mong đợi của khách hàng, bên cạnh các chương trình chăm sóc khách hàng, VCC sẽ tiếp tục chuẩn hóa lại “Quy trình xử lý phản ánh của khách hàng” cùng với việc hoàn thiện hệ thống Customer Information Management (CIM) để có thể nâng cao tỷ lệ hài lòng của khách hàng sau khi giải quyết yêu cầu/khiếu nại từ khoảng 80% đến 90% so với năm 2023.

→ KHÔNG CÓ VỤ VIỆC KHÔNG TUÂN THỦ.

**Kết quả khảo sát sự hài lòng của khách hàng sau mỗi yêu cầu/khiếu nại**



## 15. TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU

- ▶ Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ.
- ▶ Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ.
- ▶ Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị.
- ▶ Hiện TCT chưa có khiếu nại về nhãn hiệu sản phẩm/dịch vụ; Không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của các đơn vị khác; Đã ban hành hướng dẫn triển khai các chương trình khuyến mại số 25/HD-PC&KSNB; Có báo cáo rà soát các chương trình khuyến mại đã triển khai năm 2022; Đã gửi danh sách nhãn hiệu đăng ký với cục Sở hữu trí tuệ.



## 16. QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG



VCC cam kết luôn đảm bảo bảo vệ và bảo mật thông tin khách hàng theo đúng quy định của pháp luật, cam kết theo đúng quyền lợi của khách hàng. VCC đã ban hành Chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng thực hiện theo đúng Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 14/04/2023 của Chính phủ. Theo đó, chính sách nêu rõ mục đích sử dụng dữ liệu cá nhân, cách thức xử lý dữ liệu, quyền và nghĩa vụ của khách hàng.

Bên cạnh đó, VCC đảm bảo đa dạng kênh chăm sóc khách hàng để có thể hỗ trợ và đáp ứng tốt nhất những yêu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng khi có thắc mắc, yêu cầu xử lý về thông tin khách hàng.

- ▶ Hotline chăm sóc khách hàng: 1900 98 98 68
- ▶ Website: <https://viettelconstruction.com.vn/>
- ▶ Email: [cskhcongtrinhviettel@viettel.com.vn](mailto:cskhcongtrinhviettel@viettel.com.vn)
- ▶ Facebook: Viettel Construction

## 17. TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI

- ▶ VCC đã thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, không có các hành vi vi phạm các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội.

# viettel construction

**ĐỊA CHỈ:** Số 6 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**ĐIỆN THOẠI:** 024.6266.1225

**E-MAIL:** [congtrinhviettel@viettel.com.vn](mailto:congtrinhviettel@viettel.com.vn)

**WEBSITE:** [www.viettelconstruction.com](http://www.viettelconstruction.com)

**MÃ SỐ DOANH NGHIỆP:** 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/6/2010

**Tái bản lần thứ 4, 2023**